

đặc-khảo về

# phan chu trinh

do HỘI KHUYẾN  
HỌC ĐÀ NẴNG  
và BÁCH KHOA  
thực hiện



# BACH KHOA

G I A I P H Ầ M



# BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN  
NGUYỄN HUY NHÂN

## GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.800đ.

MỘT NĂM

3.500đ.

\* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 480đ (mỗi số 20đ.)

\* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 720đ

\* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 55đ.	— Âu-châu, Bắc Phi
— Ai-lao	: 55đ.	Trung Đông. Đại-du-ơng-châu
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 105đ.	Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 305đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 155đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 380đ

\* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

## GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	10000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.



*Sổ đặc khảo về :*  
**PHAN  
CHÂU TRINH**

**BÁCH  
KHOA**

**E\* :**

HỘI KHUYẾN HỌC ĐÀ NẴNG <i>lời nói đầu</i>	05
NGUYỄN VĂN TƯỜNG <i>sơ lược tiểu sử — sơ lược gia-hệ Cụ Phan Tây-hồ — Phan Tây-hồ niên-biều.</i>	09
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>Phan Châu Trinh với thuyết « Ý Pháp cầu tiến bộ » hay « Pháp Việt đề huề ».</i>	19
NGUYỄN THIẾU DŨNG <i>Jules Roux, người bạn thiết nghĩa của nhà cách mạng Phan Châu Trinh.</i>	39
NGUYỄN VĂN TƯỜNG và PHẠM LIỄU <i>« Đông-Dương chính-trị-luận », một di cáo chưa được công bố của Phan-Châu-Trinh.</i>	51
PHAN DU <i>một tấm lòng son</i>	61
NGUYỄN VĂN TƯỜNG <i>mấy bài vè, bài ca liên quan đến phong trào Duy-tân tại Quảng-nam</i>	69
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>chân dung Phan Châu Trinh, dưới mắt người con và qua một cuộc triển lãm.</i>	77
<b>SINH HOẠT</b>	97
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	
Họa sĩ VĂN THANH <i>trình bày bìa (chân dung Phan Châu Trinh ở ngoài bìa do THẾ DŨNG minh-họa)</i>	

Các hình ảnh trong sổ đặc khảo này đều do Ô. Nguyễn văn Xuân và Ô. Nguyễn văn Tường cung cấp.

Chủ trương : **LÊ NGỘ CHÂU**

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon  
Điện thoại : 25.539  
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRI ĐĂNG  
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon  
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$  
Cao Nguyên và Miền Trung  
cước phí máy bay 25\$ mỗi số



## Sách nhận được trước 15-3-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— Văn học và ngữ học (Một số vấn đề văn học xét theo quan điểm ngữ học) của Bùi Đức Tịnh do Lữ Thiêng xuất bản và gửi tặng. Quyển I dày 290 trang gồm 3 chương: Lời nói và ngôn ngữ; Các đặc tính của Việt ngữ và Văn chương V.N. Ngôn ngữ và người nghiên cứu văn-học. Giá 850đ.

— Thống kê thực dụng (Kinh-tế-Doanh-thương) Phân tích sơ bản của Lý Công Thuận và Châu Nguyệt Hồng do Lữ Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang, khổ  $16 \times 24,5$  gồm 6 chương, ấn loát công phu. Bản đặc biệt. Giá 800đ.

— Cao nguyên miền Thượng của Cửu Long Giang và Toàn Ảnh do các tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách biên soạn rất công phu, dày 556 trang, gồm 3 phần: Nguồn gốc người Thượng, Địa lý và lịch sử miền Thượng. Cái sắc dân chinh. Địa-phương chí các tỉnh Cao-nguyên. Phụ lục: 2 bản đồ màu lớn. Bản đồ Cao nguyên và Lược đồ các nhóm ngữ tộc tại Miền Nam V.N.) và 22 phụ bản, ảnh mỹ thuật của các nhiếp ảnh gia danh tiếng. Sách dành cho sinh viên học các ban Sử Địa và Nhân văn, cho những công chức có công tác liên hệ

đến. Miền Thượng. Giá 1200đ.

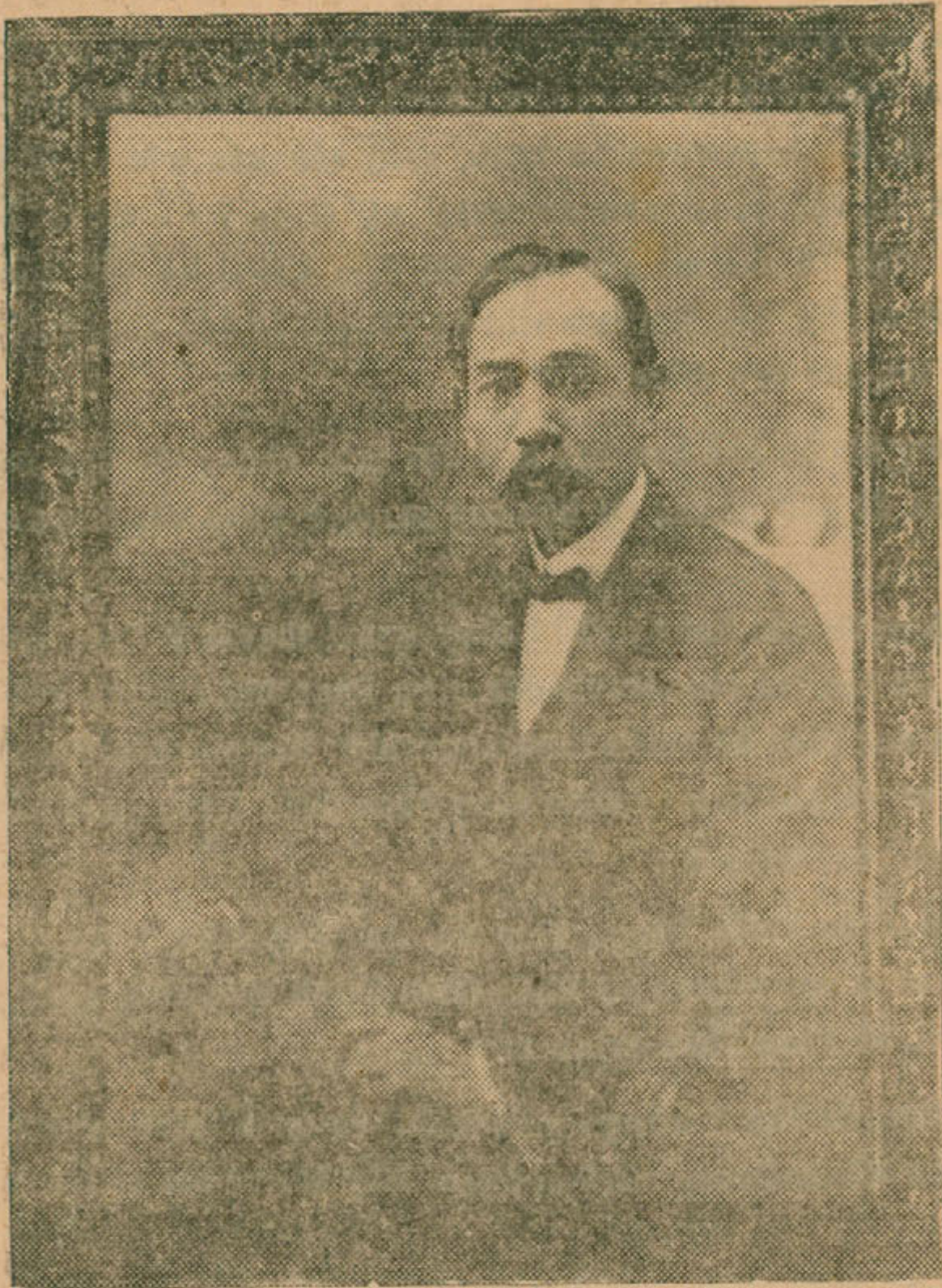
— Mẹ hiền truyện dài tình cảm của Tô Điền Lang do Chim Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 được xuất bản của tác giả dày 120 trang giá 240đ.

— Úa vàng tâm sự tập thơ của Kim Đan do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 34 bài thơ, 2 phụ bản của Nguyễn Hải Chi. Giá 64đ.

— Đất Mới giai phẩm văn-hóa, tư-tưởng, nghệ-thuật số 4 và số 5, do Đoàn Sinh-viên Học-sinh Phật-giáo Hòa Hảo thực hiện. Tòa soạn và văn phòng ở số 192 Trại Hưng Đạo, An Giang, Giám đốc: Thế Huy Nguyễn Công Hoe. Mỗi số dày 96 trang gồm những bài biên khảo, tiểu luận, thơ, truyện v.v... của các giáo sư và sinh viên Viện Đại-học Hòa Hảo. Giá mỗi số 150đ.

— Thăng Bờm báo của Thanh thiếu nhi V.N. bộ mới số 1, do Giang Tân, Vũ Hạnh, Xuân Vũ, Thu Mai chủ trương biên tập với sự cộng tác của các cây bút tên tuổi: Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn văn Hân, Nguyễn văn Xuân Bình Nguyễn Lộc, Sơn Nam v.v... và những nghệ sĩ nổi danh: Kiều Hạnh, Kim Cương, Lê văn Khoa từng điều khiển các tổ chức hay sinh hoạt thiếu nhi. Mỗi số dày 34 trang khổ  $16 \times 25$  bài phong phú, vui tươi hợp với trẻ em. Hình vẽ, truyện ngắn bằng tranh nhiều và đẹp. Giá mỗi số 50đ.





## LỜI NÓI ĐẦU

Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu là hai nhà chính trị quan hệ nhất của đất nước ta trong khoảng trên hai mươi năm, đầu thế kỷ XX

Hiện nay các sách báo nói về hai ông đã khá nhiều, song việc hệ thống những hoạt động của hai ông cùng các đồng nhân chưa được đầy đủ. Lịch sử là một diễn tiến không bao giờ đơn độc mà việc làm của chúng ta đối với lịch sử cận đại thường rút gọn, thu hẹp trong phạm vi một cá nhân, một biến cố.

Chúng tôi nghĩ là như thế sẽ không đủ thể hiện tính chất toàn diện của lịch sử.

Với đặc san Phan Châu Trinh này, chúng tôi cố gắng khai quật những dữ kiện lịch sử, phần lớn chưa được công bố, để kiến giải liên tục tính của lịch sử Phong trào Duy tân. Ấy là vì chúng ta chỉ nói tới hoạt động của ông Phan Châu Trinh trong phong trào lớn lao 1905-1908 mà không đề ý là thời kỳ ở Pháp, ông và nhóm mới của ông cũng sẽ lại hăng hái, nào nhiệt hoạt động suốt thời 1911-1925 để rồi lại về nước hoạt động sau 1925 gây nên những trang oanh liệt khác.



Thi, ca, sách, bài báo, tranh ảnh, kháng thư, cái đĩa in, đã trình bày đã ấn hành ở Pháp (nay chắc còn tìm được), cái thì Phan Châu Trinh mang về Việt-Nam đã lần lượt được ấn hành, song vẫn còn một số di cảo, thư tín, tranh ảnh, cả vật dụng như áo quần, vé đi xe v.v.. Có lẽ khó tìm thấy một danh nhân cũ nào mà giữ được tài liệu không kể tốt, xấu, đúng, sai, của bất kỳ ai như ông. Nội một việc đó cũng thấy ông chịu ảnh hưởng sinh hoạt Duy tân đến cực điểm.

Trong khuôn khổ hạn hẹp một đặc san, chúng tôi chỉ có thể đề cập một số vấn đề nhờ những tài liệu ông mang ở Pháp về, được chia ra như sau :

a/ Nguyễn văn Xuân : Phần tổng quát thuyết Ý Pháp cầu tiến bộ hay Pháp Việt đề huề (và cuộc tranh đấu giữa Phan Châu Trinh với Toàn quyền Sarraut) trong toàn bộ chiến lược thực hiện Dân chủ của Phan Châu Trinh. Phần đặt sự và giai thoại : chân dung Phan Châu Trinh dưới mắt người con và qua một cuộc triển lãm.

b/ Nguyễn Thiếu Dũng : Thư tín, tình bạn giữa Roux và Phan Châu Trinh. Roux là người giúp đỡ Phan Châu Trinh suốt thời kỳ ở Pháp và có viết cả lịch sử Phan Châu Trinh nữa.

c/ Nguyễn Văn Trường : giới thiệu và trích dịch những đoạn quan trọng trong «*Đông-Dương chính-trị-luận*». Mấy bài về bài ca trong Phong trào Duy tân.

Ngoài ra, có bài tham luận của Phan Du về đức chí thành của Phan Châu Trinh nhìn qua thực chất Nho giáo đối với một tân nho.

Chúng tôi cố gắng làm việc theo lẽ lối «*nói có sách mách có chứng*», và cố tìm những chứng liệu còn vùi sâu trong bóng tối để góp phần chính xác hóa và phong phú hóa sử học.

Chúng tôi chân thành cảm tạ Ban chủ-trương Bách-Khoa đã vui lòng hợp tác với chúng tôi. Chúng tôi hy vọng đây không phải lần duy nhất — với Bách Khoa hay Cơ sở văn hóa khác — vì tài liệu sử học, văn học của chúng ta quá thật chưa được khai thác đúng mức và may mắn chúng tôi còn giữ được ít nhều, của Phan Châu Trinh cũng như của một vài nhân vật khác.

Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn ông bà Lê Ấm (con và rể ông Phan Châu Trinh) những người có công lớn với sự nghiệp sử học và đã giữ, đã phiên dịch những tài liệu quý báu — độc bản — mà nếu mất đi, cả một di vãng lớn lao đã chôn vào quên lãng và làm nghèo cho văn, sử, chính trị, đấu thế kỷ XIX của Việt-Nam biết bao !



# Sơ lược tiểu sử Phan Tây-hồ tiên sinh

Cụ Phan Châu Trinh sinh ngày 9 tháng 9 năm 1872 (Tự Đức, Nhâm Thân), tại làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (1), tự là Tử-Cán, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu Hy-Mã (2). Thân phụ là Phan văn Bình làm Quản-cơ sơn-phòng, nhập nghĩa-hội Cần vương chống Pháp; thân mẫu họ Lê, tên Trung, người làng Phú-Lâm huyện Tiên-Phước, có đức, hiền lành, sinh được 3 trai một gái: Phan văn Cừ, Phan văn Uyên, Phan Châu Trinh và gái là Phan thị Ngưu. Tiên sinh mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, 14 tuổi theo thân phụ vào núi học võ dự hội Cần-vương (1885—1887). 16 tuổi mồ côi cha, nghĩa-hội tan, từ núi trở về, tiên sinh được ông anh cả cấp dưỡng cho ăn học, theo đòi cử nghiệp. Đậu Cử-nhân năm 29 tuổi (Canh tí 1900) và năm sau đỗ Phó-bảng. Năm 1903 làm Thừa-biện Bộ Lễ ở Kinh, tiên sinh có dịp giao du với Đào Nguyên Phổ và Thân Trọng Huề. Hai ông này đưa cho đọc tân thư, tiên sinh thấy rõ dân quyền, tự do, độc lập và văn minh thế giới. Từ đó nỗi lòng u-uẩn bấy lâu đã có cơ duyên trời dạy, hướng về ánh sáng Khang - Lương, tiên sinh quyết từ quan, thực hiện chí lớn: Cổ xúy Duy tân, phản đối quân quyền chuyên chế.

Năm 1904, tiên sinh kết giao với cụ Sào-Nam, tuy chí hướng giống nhau mà đường lối thì khác nên hai người đã xa nhau và mỗi người mỗi ngã. Thế rồi kể từ tháng 2 năm 1905, tiên sinh cùng hai đồng chí là Trần quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng mở

cuộc Nam du vận động Duy-tân. Trên đường Nam du các nhà lãnh đạo Duy-tân đã ghé lại Bình-Định và giả làm học trò dự khảo hạch mà làm bí thư «Chí thành thông thánh» và bài phú «Danh sơn lương-ngọc», nội dung đánh thức sĩ tử thoát ra khỏi cơn mê từ chương khoa cử. Vào đến Phan-Thiết bị đau tiên sinh trở về. Năm sau (1906) ra Bắc đề xướng Duy tân, tiếp xúc với Đề Thám ở chiến khu. Đề Thám mời ở lại nhưng tiên sinh từ tạ ra đi vì nhận thấy cuộc tranh đấu bạo động của Hoàng Hoa Thám sớm muộn cũng tan rã. Tiên sinh xuống Hai-Phòng, sang Nhật xem xét công cuộc Duy-tân xã-hội của Nhật-hoàng và tranh biện thêm một lần nữa với cụ Sào-Nam đề cho đường lối đôi bên đặng thống nhất. Nhưng đôi bên vẫn giữ vững lập trường. Hai tháng sau tiên sinh trở về nước, tiếp tục tranh đấu công khai và bất bạo động đề đòi dân quyền, tự do. Liên đó, tiên sinh soạn một bức thư kể rõ tình tệ vua quan Nam triều đối xử ác nghiệt với dân chúng, gửi cho Toàn quyền, Khâm-sứ và đăng tải trên báo chí. Tư tưởng tiên sinh từ đây ảnh hưởng lớn mạnh từ Nam chí Bắc. Năm 1907, tiên sinh ra Bắc diễn thuyết tại trường Đông-kinh Nghĩa-thục, một cơ sở giáo dục do các đồng

(1) Dưới thời đệ nhất Cộng-hoà, tỉnh Quảng-nam phân thành hai tỉnh: Quảng-nam và Quảng-tín. Làng Tây-lộc từ đó thuộc quận Tiên-phước, tỉnh Quảng-tín.

(2) Hy-Mã có ý diễn tả chí hướng mình giống như nhà cách mạng nước Ý là Mazzini, thế kỷ 18.



chí Duy tân tại miền Bắc lập ra. Còn ở các tỉnh miền Trung, nhất là Quảng Nam, phong trào Duy-tân, do tiên sinh lãnh đạo phát triển rất nhanh, nào hội thương, hội nông, hội thợ, hội học... mọc lên khắp nơi, khai sáng dân trí, mở mang dân sinh. Do đó người dân ý thức được nghĩa vụ, quyền lợi và tự do, họ đã đứng lên xin xóa chống thuế từ Quảng-Nam (1908), lan truyền nhiều nơi. Thế là tiên sinh bị bắt và bị kêu án «xử tử phát Côn lôn, ngộ xá bất nguyên». Nhưng nhờ sự can thiệp của Hội Nhân quyền bên Pháp, tiên sinh được trả tự do về Sai-gòn, Mỹ-Tho.

Tháng 4 năm 1911, tiên sinh sang Pháp (mang theo người con trai duy nhất là Phan Châu Dật) mục đích xem xét tại chỗ văn minh Âu Tây để về nước sau này truyền bá cho đồng bào và trực tiếp vận động chính trị tại Pháp để thực hành chính sách khai hóa, mở rộng quyền hạn cho dân Việt Nam đồng thời vạch trần những tệ-hại do chính sách cai trị tham tàn và hẹp hòi của thực dân Pháp tại Việt Nam và Đông Dương. Bởi thế tại Pháp tiên sinh đã được những người Pháp có lòng công bằng, bác ái giúp đỡ như ông Jules Roux, ông Marius Moutet, ông Babu vv... Ngay lúc mới sang, tiên sinh viết cuốn «*Trung kỳ dân biến thí mật ký*» được dịch ra tiếng Pháp là «*Manifestations de 1908*» trình bày đầy đủ đầu đuôi vụ dân biến : Nguyên do vụ dân biến, tình hình dân biến tại Trung kỳ, cách đối xử tàn khốc của chính quyền, oan

tình và những gian dối trong việc kết án. Sau cùng tác giả đòi trả tự do cho các quốc sự phạm.

Ngoài quyển «*Trung kỳ dân biến thí mật ký*» tiên sinh còn viết bản «*Đông-Dương chính-trị luận*» (2) trình bày những tệ chính tại Đông Dương. Đây chính là bản án kết tội thực dân Pháp ở Đông Dương.

Những việc làm của cụ nhất nhất đều bị thực dân thù ghét tìm cách hãm hại, nên khi chiến tranh Pháp-Đức bùng nổ, 1914, cụ bị người Pháp bắt giam viện lý do có liên lạc với Cường-Đề ở Đức. Cụ phản đối kịch liệt (3) đồng thời nhờ sự can thiệp của Hội Nhân quyền và Dân quyền ở Pháp, cụ được trả tự do sau 9 tháng bị giam cầm tại ngục Santé.

Khi ở ngục Santé ra, Cụ lại bị Bộ Thuộc địa cắt số tiền du - học - phí (mỗi tháng 450 quan) để làm áp lực buộc cha con cụ về nước. Cụ cương quyết tự lực mưu sinh bằng cách học nghề sửa ảnh (retoucheur) để ở lại tiếp tục hoạt động. Làm việc quá độ lại thiếu thốn và không chịu nhận sự giúp đỡ của các người bạn Pháp, tháng 3 năm 1917, cụ lâm trọng bệnh phải nằm điều trị ở bệnh viện hai

(1) Bản Hán-văn đã được Cụ Lê Ấm và ông Nguyễn Q. Thăng chú dịch Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa ấn hành.

(2) L.T.S. Bản Hán văn đã được ông Nguyễn văn Tường và Phạm Liễu chú dịch Tri Đảng sắp xuất bản, có trích dịch trong số Bách-Khoa này.

(3) Xem những bức thư của cụ gửi cho quan bá Caron, thẩm phán Tòa án binh Sơ thẩm thì rõ thái độ của Cụ. (tr. 92 số này).



tháng. Khi ra khỏi bệnh viện cụ vẫn còn yếu sức nên con trai cụ phải nghỉ học đi làm để nuôi cha. (Vất vả, cực nhọc, lại thiếu phương tiện chống rét, Phan Châu Dật nhuộm bệnh, chữa không khỏi, phải về nước năm 1919 và 2 năm sau mất tại Huế.)

Khi lành bệnh, cụ lại đi làm ăn, khi thì ở Paris, khi thì ở Bordeaux, ở Pons, ở Mars ile. Lúc rảnh cụ lại khảo sát chính trị Đông Dương, thế giới, viết sách, viết báo. Thực dân Pháp luôn luôn tìm cách gây khó khăn cho việc làm ăn, hoạt động của cụ, có lúc dọa nạt, có lúc dụ dỗ, đưa tiền cho Cụ, nhưng cụ luôn luôn kiên gan chống đối quyết liệt. Tới năm 1922, khi Bộ Thuộc địa đưa vua Khải Định sang Pháp để phô trương chính sách khai hóa của Pháp ở Đông Dương, cụ viết một bức thư gửi nhà vua kể bày tội (Thư "Thất điều") đòi vua thoái vị, trả chính quyền cho quốc dân; thư này viết bằng Hán văn lời lẽ đanh thép, lý luận hùng hồn, có dịch đề đăng báo Pháp và in thành truyền đơn rải hồi đó.

Vào khoảng năm 1924-1925 Mặt trận Bình dân Pháp thành hình và những người Pháp ủng hộ cụ đã có ít nhiều ưu thế chính trị. Lúc đó tuy cụ đã mệt mệ lại bị bệnh đau mũi, yếu phổi, nhưng cụ cũng không bỏ lỡ cơ hội để về nước đem cái sở học phổ biến cho dân hậu sinh cùng tiếp tục tranh đấu cho chủ nghĩa dân quyền. Thế nhưng người có chí lớn mà trời chẳng thương tháng 6 năm 1925 cụ đi với ông Nguyễn An Ninh về đến Saigon thì bị ốm nặng, tình dưỡng cũng không bớt.

Vừa bệnh phổi, bệnh thũng mà lòng nghĩ đến việc nước không lúc nào nguôi, cả ngày bàn tính việc nước với anh em. Dù đau yếu cụ đã cố gắng đến hai lần diễn thuyết tại Hội Thanh niên Saigon, thời gian đó g đến cả ngàn người. Nào ngờ đâu hai bài diễn thuyết của cụ, một về "Đạo đức và luân lý Đông Tây" một về "Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa", lại là hai bài sau chót của cụ. Sau lần diễn thuyết thứ hai thì sức khỏe, bệnh tình mỗi ngày một nguy kịch và đến lúc 9 giờ rưỡi đêm ngày 24 tháng 3 năm 1926, cụ trút hơi thở cuối cùng tại nhà số 54 đường Pellerin Saigon-Toàn dân trong nước thương tiếc và thọ tang.

Cụ trước tác rất nhiều, những văn tập của cụ còn lưu lại gồm có:

### I/ Tác phẩm Hán văn:

1.— *Đấu Pháp chính phủ thư* (1906) đã được dịch và hiện bản quốc âm có in trong quyển "Phan Châu Trinh" của Thế Nguyên.

2.— *Pháp-Việt liên-hiệp hậu chi tân Việt-Nam*— Di cáo hiện còn tìm thấy tại nhà thờ Cụ Phan Đà-nẵng, từ trước chưa hề công bố. Nay chúng tôi đã dịch và có dịp sẽ ấn hành. Nội dung tác phẩm trình bày chân tướng dị biệt và chủ nghĩa bất đồng của hai người: theo cụ Tây-hồ trong tác phẩm này thì cụ Sào-Nam là người có chí lớn, quyết chống Pháp bằng bạo động, bằng vũ lực dù biết thất bại cũng chống đến cùng. Do đó chủ nghĩa của cụ Sào Nam là bài ngoại (Pháp) mà vẫn ý ngoại



(Nhật). Cụ Tây-hồ (theo lời cụ) trái lại cho bạo động là chết. Con đường duy nhất để cứu nước bấy giờ là «Ý Pháp cầu tiến bộ», do đó phải đòi hỏi cải cách, khai trí tự sinh... Đọc tác phẩm này sẽ thấy rõ chân tướng của hai cụ dị biệt rõ ràng.

3. — *Đông-Dương chính trị luận*: Bản di cáo vẫn còn. Nội dung nêu rõ những tệ chính cùng những tệ trạng bấy giờ.

4. — *Cuộc ngoại nhân kim nhật chi Trung-quốc quan*. Cả bản cáo lẫn bản sao đều thất lạc, nay không còn tìm thấy đâu cả. Nội dung tác phẩm này bàn về sự biến loạn ở Trung quốc sau khi Tôn-Văn mất. Và đề nghị một hậu duệ Khổng Tử lên làm Tổng Thống (1).

5. — *Trung kỳ dân biến thi mạo ký*: Cụ Lê Ấm và Nguyễn Quyết Thắng đã chú dịch và Phủ Quốc vụ khanh xuất bản 1973 — Tác phẩm này và «Đông-Dương chính trị luận» có lẽ được viết khoảng từ 1912 đến 1915 tại Pháp.

6/ *Ký Khải-Định Hoàng-đế thư* (1922) Còn di cáo tại nhà thờ cụ Phan. Bản dịch đã đăng trong «Thi văn quốc cấm» của Thái Bạch hoặc Thơ «Thất điều» do nhà Anh Minh xuất bản tại Huế.

7/ *Hán văn thi độ* 50 bài chưa được dịch. Di cáo còn một số bài. Ngoài ra còn có những tác phẩm khác như Thư gởi Hoàng Cao Khải, Kinh lược Bắc kỳ, những bài báo đăng ở báo Pháp và Trung quốc.

## II. Tác phẩm Quốc âm

1/ *Tình quốc hồn ca* : Hai tập 1 và 2, sáng tác theo thể song thất lục bát. Tập 1 có lẽ, theo nội dung, sáng tác vào khoảng 1906-1908. Lê Ấm xuất bản tại Qui-nhơn năm 1945, nhà in Mission catholique. Đến nay bản in không còn nữa. Bản cáo hiện còn, nội dung gồm những điều sau :

— Trình bày lý do suy yếu của dân tộc ta : lỗi học từ chương bát cổ.

— Cồ xúy theo tinh thần Âu Mỹ :

\* Đề cao trí phấn đấu, lòng hy sinh vì đạo nghĩa.

\* Đề cao óc thám hiểm, du lịch, học hỏi.

— Kêu gọi đoàn kết và đùm bọc lẫn nhau...

— Kêu gọi khuyến khích thương nghiệp...

Tập hai chỉ còn bản chép tay, bản cáo thất lạc, chưa hề được xuất bản. Nội dung nói về «Pháp Việt đề huề» cồ xúy Duy tân tự cường ; phơi bày tình tệ vua quan bấy giờ và phơi bày chính sách cai trị hà khắc bất nhân của người Pháp.

2/ *Hai bài diễn thuyết tại Hội Thanh-niên Sài-gòn (1925)*. Phở biến rộng rãi và có in trong sách «Phan Châu Trinh» của Thế Nguyên hay «Thi văn quốc cấm» của Thái Bạch.

(1) Cụ Lê-Ấm đã đọc tác phẩm đó rồi và kể lại nội dung đại lược cho chúng tôi nghe như vậy.



3. *Tây hồ và Santé thi tập*: Gồm khoảng 300 bài, thơ cụ Phan làm khi ở tù tại ngục Santé và ở Côn lôn cùng những bài thơ ngâm vịnh... Lê Ấm xuất bản tại Tam kỳ. Sách này đã bán hết, nhưng bản di cảo vẫn còn.

4. *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*: còn bản cảo, thề thơ lục bát, bản chữ Hán không còn nên không rõ diễn ca từ tác giả nào. Theo Nguyễn Văn Hà trong Văn Học thì bản Hán văn của Lương Khải Siêu. Tác phẩm này ông Lê văn Siêu đã bình giải và chú thích, Hường Dương xuất bản 1958, Trên tựa sách ông Siêu đã bỏ bớt 2 chữ «diễn ca» đã khiến nhiều người lầm tưởng là Phan Châu Trinh sáng tác chứ không phải diễn ca.

5/ Ngoài ra còn tìm thấy rất nhiều văn liệu khác khá quan hệ đối với việc nghiên cứu như:

— Bức thư gửi người học trò tên Đông, nội dung đả kích Phạm Quỳnh.

— Thư gửi cho quan ba Caron, sơ thẩm Tòa án binh khi ở tù tại ngục Santé.

— Thư gửi cho ông J. Roux và M. Moutet.

— Thư gửi Toàn-quyền A. Sarraut.

— Bài báo cải chính. Không rõ đăng báo nào, nội dung cải chính vụ bom nổ ở Hà-nội 1914.

— Bài báo lai cảo. Cải chính bài đăng trong Hải Lục quân Nhật báo Trung quốc. Nội dung đả kích thực dân Pháp đào mả vua Tự Đức mà báo ấy đăng tin là đảng thiếu niên tán đồng.

— Thư gửi cho con là Phan Châu Dật.

Hiện tại, văn liệu về Phan Châu Trinh còn được ông bà Lê Ấm lưu giữ tại nhà thờ khá đầy đủ, tuy nhiên một số đã bị nhem, hay rách mục, một phần vì khí hậu ẩm ướt, một phần vì sự sắp xếp gìn giữ chưa đúng phương pháp như tại Thư viện. Chúng tôi ước mong Bộ Văn hóa Giáo dục hoặc trực tiếp hoặc trợ giúp phương tiện cho những tổ chức Văn hóa Giáo dục đề xuất bản và bảo tồn những văn phẩm của tiên sinh.

NGUYỄN VĂN TƯỜNG

## BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

Xin trả lời chung quý bạn viết thư hỏi về Bộ Bách Khoa từ 1957 đến 1973. Một Bộ Bách Khoa 17 năm nói trên gồm 44 tập đóng bìa carton, bọc simili cuir, chữ vàng (thiếu chừng 20 số) vì giấy, bìa và công đóng đều tăng, nên hiện nay giá là 45.000đ.

Mỗi tập 6 số giá 800đ và 12 số 1400đ và chỉ bán lẻ các tập này từ năm 1966 trở đi.



# Sơ lược gia-hệ Phan Tây-hồ

Phan văn Bình (1) + Lê thị Trung



Phan văn Cừ

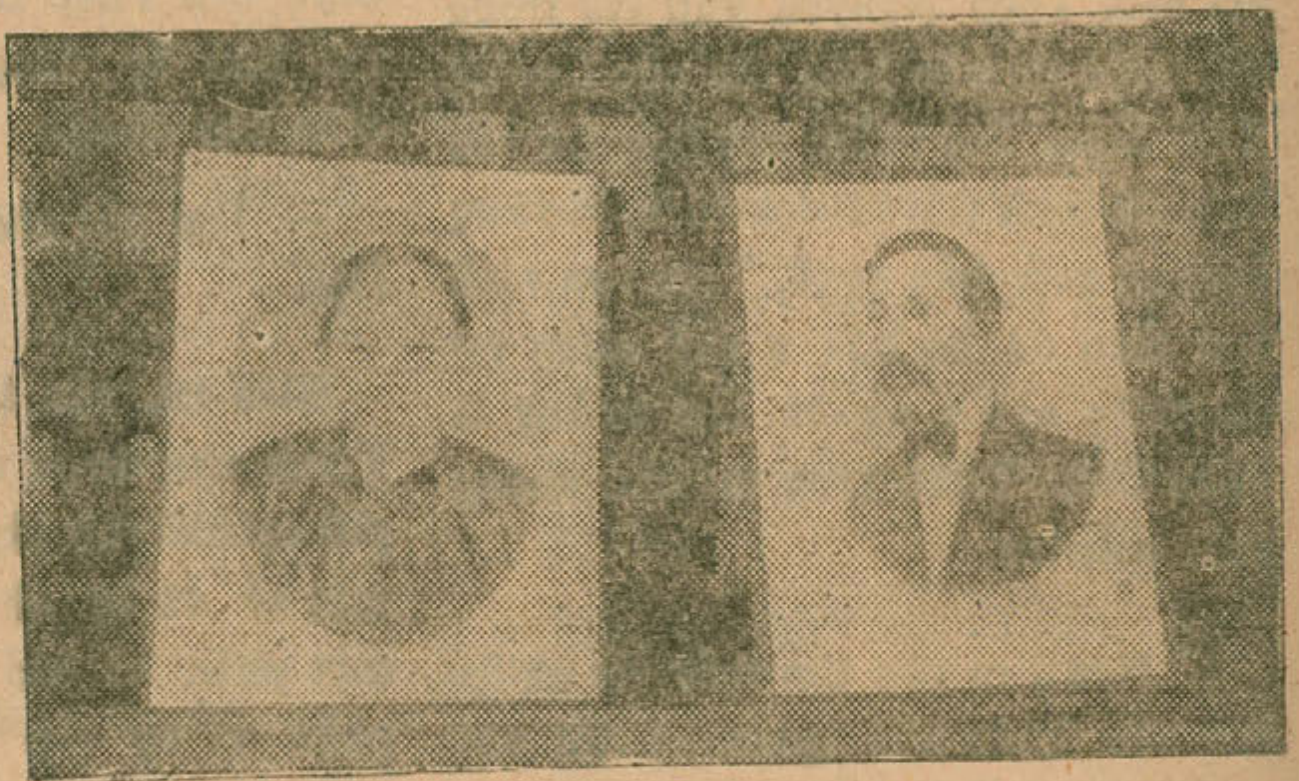
Phan văn Uyên

Phan Châu Trinh  
(1872 — 1926)

Phan thị Ngưu

+

Lê thị Ty  
(1877 — 1914)



Phan Châu Dật  
(1897 - 1921)



Phan thị Châu Liên  
(1901 - )



Phan thị Châu Lan  
(1904 - 1944)

Theo cha sang du học bên Pháp, đỗ Tú tài, bị bệnh ruột, về nước 1919 và mất tại nhà thương Huế 25/12 âm lịch, chưa lập gia đình.

chồng là ông Đốc học Lê Ấm. Hai ông bà còn sống và ở tại nhà thờ cụ Phan số 60 Phan Châu Trinh Đà Nẵng.

Chồng là ông Tham-tá Nguyễn Đồng Hới. Sinh hạ được 5 người con.

(1) Trong tờ chứng từ khai sinh của cụ đề là Phan văn Bàng. Cụ Phan văn Bàng mất ngày 15 tháng 6 âm lịch, và cụ bà ngày 12 tháng 5 âm lịch. Muốn biết rõ hơn về tiểu sử Phan Tây-Hồ, quý vị độc giả có thể tìm đọc quyển « Phan Tây-Hồ Tiên sinh lịch sử » do cụ Huỳnh Thúc Kháng biên soạn năm 1926. Có in trong « Giai nhân kỳ ngộ » xuất bản năm 1958 và sau đó nhà Anh Minh Huế đã cho ấn hành riêng biệt cuốn sách nói trên.



# Tây-hồ Phan-Châu-Trinh niên-biểu

(Viết theo « Niên-biểu đồ » và « Phan Tây-hồ tiên sinh lịch-sử » của cụ Huỳnh Thúc Kháng.)

## I/ Tuổi nhỏ cùng thời kỳ học cử nghiệp

(Từ nhỏ đến 30 tuổi : 1872 - 1901)

- 1872 : 1 tuổi, sinh ngày 9-9-1872 (*Tự Đức Nhâm Thân*)
- 1874 : 3 tuổi (*Pháp chiếm Hà-nội lần thứ nhất*)
- 1881 : 10 tuổi, đi học
- 1882 : 11 tuổi (*Pháp chiếm Hà-nội lần thứ 2*)
- 1883 : 12 tuổi (*Hòa ước Harmand*)
- 1884 : 13 tuổi (*Hòa ước Patenôtre*)
- 1885 : 14 tuổi (*Hàm Nghi nguyên niên, Ất Dậu, kinh thành thất thủ*)  
bỏ học theo cha vào núi học võ.
- 1887 : 16 tuổi (*Đồng Khánh, Đinh Hợi*). Thân phụ từ trần. Ở núi về nhà.
- 1888 : 17 tuổi. Bắt đầu học lại, học ở nhà với ông Bùi Giám.
- 1892 : 21 tuổi (*Thành Thái, Nhâm Thìn*) học trường ông Cử An-Tráng. Kết giao với Huỳnh Thúc Kháng.
- 1893 : 22 tuổi. Học với ông Huấn Lộc-Sơn tại Cẩm Y.
- 1894 : 23 tuổi. Thi khoa đầu hóng trường nhì. (*Chiến tranh Trung-Đông*).
- 1895 : 24 tuổi. Học với quan giáo Lương Sơn tại Thăng Bình. Lại học với cụ Huấn Lộc-Sơn ở Phú-Lâm.
- 1896 : 25 tuổi. Học với ông Nghè Xuân-Đài ở phủ Thăng Bình. Lấy vợ.
- 1897 : 26 tuổi. Đi thi hóng trường ba rồi ở nhà. Sinh con trai : Phan Châu Dật.
- 1898 : 27 tuổi. Học với cụ Đốc Trần Mã-Sơn. Kết giao với Trần Quý Cáp (*Chánh biến Trung-quốc*).
- 1899 : 28 tuổi. Bỏ vào học sinh trường Tỉnh
- 1900 : 29 tuổi. Mậu Cử-nhân, Canh-Tý. (*Ở Trung quốc : Liên-binh vào Bắc-kinh*)
- 1901 : 30 tuổi. Mậu Phó Bạng, Tân Sửu. Sinh Phan thị Châu-Liên.



## II Làm Bộ thuộc ở Kinh. Tân học du nhập. Giao thiệp với Ô. Sào Nam. Đi du lịch trong và ngoài nước.

(Từ 30 đến 35 tuổi : 1901 - 1906)

- 1902 : 31 tuổi. Ở nhà cư tang, ông anh cả mất.
- 1903 : 32 tuổi. Bỏ làm thừa biện Bộ Lễ ở Kinh Học Tân học
- 1904 : 33 tuổi. Giao thiệp với Phan Sào-Nam cùng Nguyễn Thành (Tiểu La). Sinh Phan thị Châu-Lan. (*Nhật Nga chiến tranh*)
- 1905 : 34 tuổi. Nam du làm bài phú «Danh-sơn lương-ngọc» và bài thơ «Chí-thành thông thánh». (Cụ Sào-Nam đi Nhật).
- 1906 : 35 tuổi. Bắc du. Tới đồn Đề Thám. Sang Tàu, sang Nhật rồi về. Đầu Pháp chánh phủ thư.

## III Hoạt động trong nước và bị đày đi Côn-đảo

(Từ 35 đến 40 tuổi : 1906 - 1911)

- 1907 : 36 tuổi. Ra thành Hà Nội diễn thuyết ở Đông-kinh Nghĩa-thục (*Duy Tân năm đầu*).
- 1908 : 37 tuổi. Trung-kỳ dân-biến. Tháng 4 đày ra Côn-lôn. (Mậu Thân)
- 1911 : 40 tuổi. Được trả tự do về Mỹ-tho, Saigon rồi đi Pháp (tháng 4).

## IV Hoạt động ở Pháp (14 năm)

(Từ 40 đến 54 tuổi : 1911 - 1925)

- 1911 : 40 tuổi—tháng 4 đi Pháp cùng con trai Phan Châu Dật. Gửi thư cho Hội Nhân quyền và chánh phủ Pháp. Từ đây trở đi ở Pháp học tập, khảo sát và vận động chính trị.
- 1914 : 43 tuổi. (*Chiến tranh Pháp Đức*) bị giam 9 tháng ở ngục Santé. Bà Phan Châu Trinh từ trần...
- 1915 : 44 tuổi. Bị giam đến tháng 7 được tha. Học nghề chữa ảnh và làm ăn.
- 1916 : 45 tuổi. Làm ăn và hoạt động chính trị.
- 1917 : 46 tuổi. Mang bệnh phải nằm nhà thương 2 tháng.
- 1918 : 47 tuổi. Làm ăn ở Bordeaux
- 1919 : 48 tuổi. Làm thuê ở Paris. Phan Châu Dật về nước chữa bệnh.
- 1921 : 50 tuổi. Làm ăn ở Marseille. Phan Châu Dật chết.
- 1922 : 51 tuổi (*Nhâm Tuất—Khải Định năm thứ 7*) gửi Thư «Thất Điều» cho vua Khải-Định (14/7) lúc nhà vua sang Pháp.

## V Về nước (1925 - 1926)

- 1925 : 54 tuổi. Tháng 6 về nước với Nguyễn An Ninh. Diễn thuyết tại Hội Thanh-niên Saigon
- 1926 : 55 tuổi. 24/3 hồi 9 giờ rưỡi tối từ trần tại căn phố số 54 đường Pellerin Saigon.



## ● PHAN CHÂU TRINH với thuyết *Ý Pháp cầu tiến bộ hay Pháp Việt để huề*

“Cái trách nhiệm nòi giống của dân tộc Việt Nam,  
tôi không nhường cho ai được cả.”

Phan Châu Trinh, 1925

Năm 1973, ở Paris có một hội nghị mà giới trí thức Việt Nam chú ý. Đó là Hội nghị Quốc tế thứ 29 của các nhà Đông-phương-học. Chúng ta theo dõi vì thấy được thiên hạ bỏ công nghiên cứu về chính mình và đặc biệt là có một bà (Nicole Louis) chịu khó dành những 8 năm trời để nghiên cứu Phan Kế Bính và đề khám phá: loại “Cách mạng” (Révolutionnaire) như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh chủ trương phải đánh đuổi người Pháp dù phải dùng võ lực và loại “Cải cách” (Réformateurs) như Phan-Kế-Bính chủ trương cần phải nâng cao dân trí, bãi bỏ chế độ Quân chủ, sửa đổi phong tục và có thể hợp tác với người Pháp (1).

Về Phan Kế Bính có thể là bà đã tìm ra những điều tôi chưa biết (?) Nhưng còn Phan Châu Trinh chủ trương đánh Pháp như Phan Bội Châu? Đánh Pháp bằng võ lực? Sự ấy đối với một số nhà biên-khảo-uy-hững của ta đôi khi cũng nghe nhắc tới. Còn ở một tay nghiên cứu thận trọng như nhà văn hóa trên đây đã trình bày sự khám phá của mình giữa Hội nghị Quốc tế thì buộc chúng

ta phải xét lại. Tôi đã phải bỏ một số thì giờ không chỉ để xét xem các tài liệu của ông Phan đã được ấn hành mà còn kiểm soát cả những tài liệu chưa ấn hành. Nói cụ thể là tôi đã đọc lại một số di cảo như Đông Dương chính trị luận (2), trình bày cặn kẽ vấn đề Đông Dương và cả những thư từ người ta đã viết cho ông lẫn thư từ ông đã viết cho người ta mà ông còn giữ lại bản thảo thì thật tình chưa một lúc nào tôi thấy ông chủ trương đánh đá bao giờ dù ông nói bằng những lời

(1) Bách Khoa số Q 396. Hội nghị có đến 4000 chuyên viên Đông phương học tới dự. Tôi sẽ chứng minh trong bài này là bà Nicole Louis bàn về... Phan Châu Trinh chứ chưa hẳn Phan Kế Bính.

(2) Các tài liệu văn xuôi như *Đông Dương chính trị luận*, chỉ trích những xấu xa tàn tệ, những tàn bạo, vô đạo của chính sách Pháp ở Đông Dương về mọi phương diện: Thương chánh, lục lộ, kinh doanh, cảnh sát, quan quân, thuế má.

— Hiện các Giáo sư Nguyễn Văn Tường và Phạm Liễu đã phiên dịch ra quốc ngữ:

a/ Đông Dương chính trị luận.

b/ Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam.

c/ Quốc ngữ: Tinh quốc hồn ca.



bốc lửa. Trong cả đồng thư cũ gia đình còn giữ lại ấy, chỉ có mỗi một lần, trong một bức thư khá dài gửi cho một quan lớn (?) có một câu làm tôi đặt mình nghi ngại. Câu ấy khi viết bằng tiếng Việt thì không thấy gì, nguyên văn như sau : «Tôi đã nói chuyện với quan lớn tháng 12-1921 tôi định đi tàu, trễ đến nay là vì tôi nghe lời M. Babut đợi ông Sarrau (Sarreaux) nay tôi đã rõ ràng : có lẽ tôi lầm lẫn.» Thư này được dịch ra chữ Pháp thì thấy chữ *tàu* là *Chine* nên tôi mới có phản ứng trên. Vậy nó có nghĩa là : Phan Châu Trinh đã quá bức tức, không chịu nổi sự lừa dối của Pháp nên ông nhất quyết ra đi (1). Ông không về Việt Nam mà lại qua Tàu với tất cả hần học, ngao ngán của một người không tin tưởng gì vào nhà cầm quyền Pháp. Mà qua Tàu làm gì ? Chúng ta có quyền ngờ là bấy giờ Phan Bội Châu và các đồng chí đang hoạt động ở Trung Hoa, phải chăng ông dọa Pháp là sẽ sang đó để tiếp tay với họ dù ông chỉ lấy cớ «Nay tôi đã quyết ý phải tạm bỏ nước Tây một lúc để đi ngoại quốc kiếm công việc làm, đợi có tiền sẽ trở lại đây» (trích thư trên năm 1922, không rõ gửi cho ai). Theo tôi nhận thấy, tài liệu có thể *đọc giữa hai hàng chữ* mà thấy Phan Châu Trinh dọa dẫm muốn *đánh đá* (?) thì chỉ có thư này, chứ không thấy có bản văn nào lưu lại để chúng ta có thể vin vào đó dám công khai nói rằng cái chủ trương tích cực và quyết liệt nói trên là của ông.

Tôi nói thế là nói một cách khiêm

nhường, lễ độ. Ý tôi muốn nói trắng điều này : nhà nghiên cứu ngoại quốc trên đây không hiểu gì về chủ trương của Phan Châu Trinh cả. Phan Châu Trinh chưa có lần nào muốn dùng võ lực, binh khí để đuổi Pháp ra khỏi Việt Nam như chủ trương của Phan Bội Châu và hai ông Phan sở dĩ tách rời nhau một cách rõ ràng là cũng bởi chủ trương khác hẳn nhau, tuy mục đích vẫn chỉ là một : giải phóng đất nước Việt Nam khỏi tay Pháp.

Có người sẽ chê tôi : « Ông dốt quá ! Tại sao người ta có hảo ý đưa thêm gươm, súng vào tay ông Phan Châu Trinh để lý-tưởng-hóa, cách-mạng-hóa ông cho thêm đẹp đẽ, hào hùng, cao cả mà ông lại chống lại. Hóa ra ông tước khí giới cụ Phan mà còn mang tiếng là bắt tay một người thỏa hiệp với Pháp nữa ». Tôi thấy nhận xét ấy đúng. Vì theo quan điểm lịch sử ngày nay, chỉ có ai chủ trương cầm khí giới đánh Pháp mới là nhà cách mạng chân chính — nhất là theo con mắt các bạn sinh viên ái quốc — thì việc « tước khí giới » này thật đại dột. Nhưng tôi nghi lịch sử là lịch sử, chúng ta không thể vì ông Phan không chịu cầm khí giới thời ông mà bắt ông cầm khí giới vào thời chúng ta cho hợp « thời

(1) Các thư Phan Châu Trinh sẽ do Giáo sư Nguyễn Thiếu Dũng công bố. Riêng một số điểm quan trọng, tôi có tóm lược phần hoạt động của Phan Châu Trinh lúc ở Pháp trong « Phong trào Dân trị » hay Hậu Phong trào Duy Tân. Chưa xuất bản. Riêng toàn văn bức thư này, tôi chép trọn trong bài này, ở phần sau.



trang" lịch sử. Phê phán lịch sử được, chứ mang râu đội mũ cho lịch sử là điều tai hại, nguy hiểm nữa là khác. Vì một khi mang râu, đội mũ vào, chúng ta không có cách gì bắt lịch sử — trong chi tiết cũng như toàn bộ — uốn cong theo chúng ta để chúng ta nghiên cứu, nhận xét và phát biểu đúng được.

Nói cụ thể, với Phan Châu Trinh, nếu chúng ta bắt ông cảm khí giới thì chúng ta sẽ giải thích làm sao cho được cái chủ trương quan trọng nhất của đời ông và của lịch sử chính trị của ông: *Ý pháp cầu tiến bộ* (được hiểu là *Pháp Việt đề huề*). Chủ trương này ông đã có từ lúc mới bước vào chính trường cho tới lúc ông hắt hơi thở cuối cùng qua bao nỗi đau đớn, thăng trầm, đói khát, tội tù rồi đoán mệnh vào lúc mới trên năm mươi tuổi. Chủ trương ấy đúng hay sai? Điều đó lịch sử có quyền phê phán. Nhưng không có ai trong chúng ta có quyền không biết tới hay xuyên tạc khi đề cập tới con người, lý tưởng và hành động của ông nghĩa là của lịch sử.

oOo

Cho tới nay, nhiều nhà biên khảo đầu Ta hay Tây cũng thường yên trí giải pháp «Pháp Việt đề huề» là một sản phẩm của Toàn-quyền Sarraut. Giáo sư Huỳnh văn Tông trong «Lịch sử Báo chí Việt-Nam» (1) có tóm lược: Cái huyền thoại «Pháp Việt đề huề» này thực ra nó được khai sinh ra từ thời A. Sarraut, nhưng nó được người ta nói đến

hiều nhất là sau những năm Thế chiến thứ nhất. Dụng ý chính yếu của chính sách mới này là để «mê hoặc» dân Việt Nam nhất là những phong trào đối lập chính trị. Chính phủ Pháp lúc bấy giờ phải vận động cả một bộ máy tuyên truyền (sách vở, báo chí v.v...) để dùng vào việc cổ động cho chính sách «Pháp Việt đề huề» này (trang 125)

Sau Albert Sarraut, một số Toàn-quyền kế tiếp như Maurice Long, Merlin, Varenne... vẫn duy trì chủ thuyết này.

Ấy, một chủ thuyết «mê hoặc» như thế mà dành cho một nhân vật được kính trọng như Phan Châu Trinh thì có hại cho thanh danh ông biết mấy. Phải chăng kẻ hay nói về ông là tôi còn dại hơn con gấu của La Fontaine?

oOo

Thật ra, trong quyển Phong trào Duy tân (1) đã nói nhiều về lý do tại sao ông Phan Châu Trinh chủ trương thuyết «Ý Pháp cầu tiến bộ» tức là dựa vào Pháp mà cầu tiến bộ để do đó tranh đấu với Pháp về các phương diện kinh tế, văn hóa, chính trị. Sở dĩ Phan Châu Trinh quyết tâm đi theo con đường ấy là vì hoàn cảnh chính trị và điều kiện quân sự cho phép ông chỉ có thể nghĩ tới phương kế đó sau khi các lực lượng Cần vương, Văn thân mà gia đình ông (cả gia đình Huỳnh Thúc Kháng) tham gia, hy sinh đề phụng sự đã

(1) Do nhà Trí Đăng xuất bản 1973.

(2) Lá Bối, 1969



hoàn toàn tan rã và không còn tiềm năng đề phục hồi sau chưa tới vài chục năm trời. Hơn nữa sự vững chãi của chế độ thực dân, Pháp không phải không mở ra một lối thoát : nền triết học, nền chính trị với các chính đảng, chính phái mang lý tưởng cao đẹp, nhân đạo rất có thể sẽ thành tâm, thiện chí nâng đỡ, hướng dẫn nhân dân Việt Nam lên đường tiến bộ. Cụ thể, bấy giờ ông đã giao thiệp với Hội Nhân quyền ở Pháp (1) qua chi nhánh của nó ở Việt Nam (đúng ra nó là « Liên-minh Pháp quốc bảo vệ nhân quyền và dân quyền » (1) ) Những người bạn của Liên-minh này đã mở mắt ông trên nhiều phương diện và gây cho ông nhiều hy vọng. Cũng do điều này (tin vào lý tưởng Pháp) và qua kinh nghiệm cá nhân, Ông có một lựa chọn thật quan trọng : đánh đổ quân quyền, tuyên bố dân quyền. Đã như thế tức là ông công khai, tuyên chiến với chế độ phong kiến, với vua quan triều Nguyễn. Rồi cũng từ niềm tin vào chủ thuyết dân quyền, khi ở Nhật-bồn về, ông càng thêm xác tín là chỉ có phong trào Duy tân (vốn đã có từ 1905 ở VN) mới cứu nước như Nhật bồn được ; song đồng thời — qua kinh nghiệm cá nhân của một người sáng suốt — ông đã thấy tất cả dã tâm của Đế quốc Nhật-bản (xin xem thêm Phong trào Duy tân, sđd, chương : *Khi Phan Châu Trinh xuất ngoại trở về*) nên càng tin vào lý tưởng nhân đạo của Pháp.

Cái thuyết « Ý Pháp cầu tiến bộ » yên của ông đã được công khai trình

bày với Pháp qua bản « Đầu Pháp chánh phủ thư » ngày 15-8-1906. Và đó cũng là phương cách hợp-pháp-hóa các hoạt động của Phong-trào Duy-tân đã và đang tiến hành. Sở dĩ thời kỳ này có sự chia rẽ rõ rệt giữa hai chủ trương (chớ không phải hai tình bạn) Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu ấy cũng dễ hiểu : Phan Châu Trinh dựa Pháp, mưu cầu một cuộc lật đổ toàn diện từ chủ thuyết (dân quyền đối quân quyền) đến văn hóa (tân văn hóa đối cựu văn hóa) đến kinh tế (theo phương thức tư sản Tây phương đối phương thức cổ truyền)... còn Phan Bội Châu dựa vào Nhật, mưu cầu lật đổ Pháp, lập chế độ quân chủ. Chẳng cần bàn đâu xa. Chỉ mỗi một chỗ dựa của ông Phan trước (Pháp) ta cũng thấy ngay là ông không thể nào công khai chống lại người Pháp bằng con đường bạo động được, con đường bí mật ông cũng chưa dám nghĩ tới vì một lẽ thật dãn dị : Nếu ông chủ trương thuyết tân-cần-vương như Phan Bội Châu thì khỏi lo vấn đề ý-thức-hệ, khỏi cần bận tâm nhiều đối với cách-mạng tân-văn-hóa, tân-kinh tế. Đảng này, phải mang về một ý-thức-hệ mới mà nước đó hoàn toàn chưa

(1) Theo cái nhãn trên một tờ giấy viết thư cho ông Phan Châu Trinh thì thấy đề như sau, xin ghi lại cho chính xác :

Ligue Française pour la défense des droits de l'homme et du citoyen.

Rue Jacob, 1 (VI<sup>e</sup> Arrondissement)  
Paris Téléphone 821-12.

Một đôi người viết « Ligue des droits de l'homme et du citoyen » như tự điển Pháp-Việt Đào Duy Anh e chưa đủ chăng.



có dấu vết khai đường mở lối nào thì đương nhiên ông phải bỏ cả tâm trí, năng lực, không chỉ một cá nhân mà là cả một khối người đông đảo, đề xây dựng. Việc đó thật là thiên nan, vạn nan. Bởi thế Phan Châu Trinh và các bạn ông phải diễn thuyết, mạn đàm, tranh thủ suốt tháng, suốt năm, suốt ngày, suốt đêm với đủ tầng lớp người trong xã hội, từ nông dân đến quan lại, đến cả thực dân, cố đạo sư sãi. Tôi đã từng đi vào những xóm xa, hẻo lánh mà vẫn còn nghe lại những việc vận động của ông, còn thấy cả những di tích của các cuộc vận động ấy. Không chỉ qua xóm làng, các ông còn lên tới tận những vùng thâm sơn cùng cốc. Ở Quảng Nam, các ông lên tới tận Tí Sé (còn lưu lại câu đối mà Phan Bội Châu rất khen: Lúc lắc đờ đưa Tí, Sé, Kẽm. — Gập ghềnh chân bước: Gành, Truông, Đèo), ngoài tỉnh nhà vào tới Phan Thiết, ra Hà-nội, qua Nhật-bản. Rồi cuộc dân-biến 1908, tuy không do các ông lãnh đạo, xong cũng đều là đồng nhân hoặc những người chịu tuyên truyền quá sâu rộng của các ông (và một phần của đồng nhân phái Đông du) lãnh đạo trong phong trào «Cúp tóc» (tân văn hóa) «Xin râu» (dân quyền) đã đưa Phong trào Duy tân đến chỗ cực điểm, trở thành một chính biến lịch sử.

Thực dân biết là nguy cơ thực sự xảy ra vì đã có đại-quần-chúng-tham-gia, liền ra lệnh bắt chém, giết, tù đầy hết các lãnh tụ Phong trào Duy tân và một số Phong trào Đông du. Đại cuộc ở Việt Nam tan vỡ kéo theo đại

cuộc của Phan Bội Châu ở Nhật-Bản Phan Bội Châu phải cùng học sinh chạy qua Trung Hoa. Phan Châu Trinh được ghi tên đầu sỏ quốc-sự-phạm tại Côn-Lôn.

Vào năm 1910, nhờ những hoạt động của Hội Nhân-quyền (tức Liên minh Pháp quốc bảo vệ nhân quyền và dân quyền) và ở Pháp, nhờ nghị sĩ Pressensé (1) ra sức bênh vực nên chính phủ Pháp phải bằng lòng trả «tự do» cho Phan Châu Trinh và muốn chỉ định nơi cư trú cho ông ở Nam. Nhưng Phan Châu Trinh đòi hỏi được hoàn toàn tự do. Ông nhất quyết sang Pháp và được thỏa nguyện vọng. Cùng Toàn quyền Klobukowsky ông đến nước Pháp, nơi ngự trị lá cờ ba sắc, nơi ông hy vọng đạt các mục đích:

— Minh oan (?) cho các đồng chí của mình.

— Học tập dân chủ (chủ thuyết) sinh hoạt thực sự mọi phương diện để rút những kinh nghiệm hữu ích.

— Kết nạp những đồng chí mới (học chữ Pháp) lo việc tranh đấu cho Việt Nam.

oOo

Trong phần này, tôi không nói nhiều về các mục tiêu ít liên quan trực tiếp tới chủ thuyết «Pháp Việt đề huề» mà ông đang theo đuổi tới tận cùng, chứng minh bằng sự kiện ông dẫn cả cậu con trai duy nhất (Phan Châu Dật) sang Pháp để cậu

(1) J.Chesneaux-Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne (Paris — Editions sociales, 1955).



sớm hấp thụ nền văn minh cao cả của căn-cứ-địa nhân-quyền và dân quyền.

*Tranh thủ dân chủ khó, sinh hoạt dân chủ khó hơn.* Âu Châu phải mất mấy trăm năm mà chưa hoàn thiện thì lẽ nào ta chỉ cần một sớm, một chiều mà xong hay sao? Chẳng thấy là ở bất cứ nơi nào cái lưỡi rắn độc tòi, chuyên chế cũng le ra, chức cơ hội là phun độc hay sao. Ở khắp Đông-Nam Á-Châu ngày nay có biết bao quốc gia có chủ quyền, có chế độ dân chủ mà có dân chủ thực sự chưa, có sinh hoạt dân chủ chưa? Chỉ nêu chừng đó câu hỏi cũng đủ thấy Phan Châu Trinh rõ ràng vì dân chủ, tù tội vì dân chủ, *đoán mệnh* vì dân chủ thật cũng đáng. Ở Việt Nam thế nào thì ở Pháp ông cũng hoạt động như thế. Nào kết hợp những bạn mới, cả những bạn Pháp. Với Đại-úy (sau là Thiếu-tá) Roux trong đảng Xã-hội Pháp ông còn kết-nghĩa-anh-em nữa thì phải; vì thư thứ nhất của Roux gọi ông bằng «quan lớn» (Roux viết tiếng Việt) mà các thư sau lại gọi ông bằng «em», ra cái giọng Đào-viên-kết-nghĩa lắm! (1) Nào tranh đấu cho các bạn cần lao Việt, nào cùng các đồng chí mới tranh đấu cho Việt Nam bằng trò chuyện, bằng diễn giảng, bằng báo chí, thỉnh nguyện minh oan, cả bằng diễn kịch (1) nữa.

Và tất cả những việc này đều bắt bạo động và căn bản trên thuyết «Pháp Việt đề huề», một chủ thuyết chắc chắn đã làm cho nhóm Ngũ Long của ông, qui tụ quanh ông, đề rồi sau chỉ còn Tam Long: Phan Châu

Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh. Một con rồng khác còn do dự giữa quốc gia và cộng sản: Nguyễn Thế Truyền. Một con rồng khác nữa bay thẳng sang Mạc-tư-khoa: Nguyễn Ái Quốc; rồng này nhuộm đỏ hẳn.

Có người sẽ cho là ông Phan Châu Trinh vì yếu đuối, tiêu cực, nông cạn, nên mới mất quá nhiều thời giờ như thế ở Pháp. Nếu ông can đảm, hăng hái chắc ông đã hoạt động một cách khác, thực tế và hữu hiệu hơn. Đúng là chúng ta thấy con rồng nhuộm đỏ trong nhóm Ngũ Long sau này đã thành công. Nhưng ta cũng đừng quên là Rồng đỏ đã rút được bao nhiêu thất bại đau đớn của chính Phan Châu Trinh và nhóm ông trong thuyết *Pháp Việt đề huề* mới có đủ lý do dơ đao cắt đứt với chánh giới Pháp, kể cả với đảng Xã-hội Pháp để bay xa. Sau này, ông Nguyễn Ái Quốc thực sự cũng sẽ nhờ vào các kinh nghiệm vận động quần chúng, tìm địa bàn hoạt động, lựa cán bộ để giáo hóa của nhóm ông Phan, trên những nơi ông Phan đã thành công hoặc thất bại (cả sau 1925, 1926) để rút những bài học xương máu bổ ích. Trở lại Phan Châu Trinh, tôi tin chắc không phải ông thiếu can đảm mà vì thừa can đảm, thừa hăng hái ông mới hoạt động

(1) Những hoạt động của ông khi ở Pháp sẽ được trình bày — có chứng liệu — trong chương khác. Riêng phần thư tín với Roux xin xem bài nghiên cứu của Gs. Nguyễn Thiếu Dũng, cũng trong số này. Roux hiểu ông lúc ở Pháp cũng gần như Huỳnh Thúc Kháng lúc ở Việt, nhưng Tây Ta tất nhiên có khác nhau nhiều.



như thế. Có thể vì ông không đề ý là sau 1908, tinh thần quần chúng đã đột ngột lên cao, ý thức chính trị của giới trí thức đã tiến bộ, những nhu cầu giải phóng thuộc địa cấp bách hơn và nhất là, sau 1917, sau Cách mạng Liên-xô, phương thức hoạt động cách mạng các nước nhược tiểu đã đổi mới. Cũng có thể vì lối cai trị của Pháp quá dã man, bóc lột ti tiện, chứ không cởi mở, nhất là không biết thiết lập các cơ sở tư-sản bản-xứ làm nòng cốt cho các lực lượng dân-chủ tư-sản như Anh quốc? Dù thế nào, chúng ta cũng thấy Phan Châu Trinh trí chí, nhất quyết đi cho trọn con đường "Ý Pháp cầu tiến bộ" vì ông không thể tin Dân-chủ là một sự ban cho, sự nhập cảng, sự bắt-chiến-tự-nhiên-thành, sự đột giai-đoạn mà phải là kiên-nhẫn tranh đấu, thuyết phục, giáo-hóa cho tới khi nào hình thành, quảng-bá trong nhân dân được mới thật sự có diềm khởi hành. Chắc hẳn ông khinh thị tất cả những ai vội vàng đề cho hỏng việc rồi tưởng là mình can đảm phi thường. Tôi không biết ông có khi nào nghe nhắc tới câu này của Ăng-ghê-n, bạn của Mác không:

« — Ôi ! Thật là ngây thơ non dại khi đem sự nóng nảy riêng ra làm lý chứng anh hùng » (Quelle naïveté enfantine que d'ériger sa propre impatience en argument héroïque). Tại liệu của Nguyễn An Ninh để lại cho thấy là Ninh hoàn toàn tin tưởng ở ông ; tôi chắc Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền cũng vậy. Nhưng rồi có

người bứt ông, bỏ ra đi, không hẳn vì ông mà chính vì chính trị nước Pháp, và cả đảng Xã-hội của Pháp nữa ! Đảng Xã-hội Pháp hồi đó thật ra chính là bần phận của Cộng-sản Quốc-tế (1) trong đó rất nhiều nhân vật thân thiết với Phan Châu Trinh, cộng với bao nhiêu thân hữu hay người quen biết tiếng tăm một thời, hoặc trong chánh giới, báo giới, có người làm Toàn quyền, làm Tổng-trưởng, hiện thư từ còn lưu lại, nhắc nhở tên tuổi như Pressensé, Sarraut, Outrey, Moutet, (2) (không kể : Charles Gide, Brioux, Noulens, E. Fabre (đảng Xã-hội)). Vậy mà đã giúp ông thành đạt những gì đáng kể mặc dầu ông đối lạnh tả tơi !

Ông đã trải qua bao nhiêu năm tháng đợi chờ, tranh đấu, ngao ngán, quyết liệt... Người bạn thân nhất của ông là Roux luôn luôn giúp đỡ ông. Kẻ thù luôn luôn hiện diện trước mắt ông như một định mệnh là Sarraut, người được xem như cha đẻ thuyết «Pháp Việt đề huề» tuy thực sự là đã cầm lăm của Phan Châu Trinh. Tôi chứng minh điều ấy qua thư của Đại-úy Roux gửi Phan Châu Trinh.

Paris 20 Juillet 1911

Mon cher ami,

Hôm qua buổi sáng, mười một giờ, tôi từ (?) lên thư của em trình quan Toàn quyền mới (3) nói về các điều em ước ao.

Quan Toàn quyền đã xem cái thư ấy rồi lại định rằng ưng cho các điều em tỏ ra trong cái thư ấy.

Nhưng mà có một điều em nên hiểu rõ là sau này quan Toàn quyền

(1) (2) (3) Xem trang 26 kế tiếp.



Hy mã nghị bá Đại nhơn.  
 Cách lâu không tiếp tôn tín, không hay Bác  
 hành chỉ thế nào và sự thế bên ta thế  
 nào? Và cháu muốn biết như cháu có  
 thể gặp Bác trước lúc Bác đi hay không,  
 vì cháu rất cần một ít lời tôn hội.  
 Xin Bác trả lời liền cho cháu, vì chừng  
 trong tuần lễ cháu sẽ xuống tàu đi  
 "chưa biết đâu".  
 Kính chúc Bác, M. Trường và em Dật  
 với các đồng bào yên hảo.  
 q. v. Tất Thành  
 10. Orchard place. 10  
 Southampton  
 England.

(1) Trên các nhãn thư, có vẽ hình búa  
 liềm và đề như sau :

Parti Socialiste  
 Section Française de l'Internationale  
 communiste  
 Comité directeur  
 120, Rue Lafayette Paris (Xe)

(2) Moutet. Theo nhãn trên thư năm  
 1915, mới làm quen với Phan Châu Trinh :

Chambre des députés  
 Marius Moutet  
 Avocat  
 Député du Rhône

Nhờ vào bức thư ter Mars 1921, Mou-  
 tet chia buồn, mà tôi biết Phan Châu Dật  
 chết trước tháng 3-1921. Dật về nước 1919.  
 Chi tiết này giúp chúng ta biết Nguyễn  
 Tất Thành (N. A. Q) sang Paris trước 1919  
 Vì tôi còn thấy một bức thư của ông đề ở  
 Anh quốc trong đó có hỏi thăm Dật. Vì  
 thư rất quan hệ đối với lịch sử chính trị  
 nên tôi chép lại nguyên văn tuy vài chỗ  
 đọc không rõ :

Hy mã nghị bá Đại nhơn

Cách lâu không tiếp tôn tín, không hay Bác  
 hành chỉ thế nào và sự thế bên ta thế  
 nào? Và cháu muốn biết như cháu có  
 thể gặp Bác trước lúc Bác đi hay không,  
 vì cháu rất cần một ít lời tôn hội  
 xin Bác trả lời liền cho cháu vì chừng  
 trong tuần lễ cháu sẽ xuống tàu đi  
 «chưa biết đâu»

Kính chúc Bác, Mr. Trường và em Dật  
 các đồng bào yên hảo

q. v. Tất Thành  
 10 Orchard place 10  
 Southampton  
 England

Đáng tiếc là thư không đề ngày, song có  
 thể giúp cho chúng ta biết một dữ kiện  
 quan hệ : sự quen biết giữa hai chính-trị-  
 gia tuy xưa nay vẫn được nói tới song  
 không có di tích mà đây là duy nhất tôi  
 được thấy. Cũng xin nhắc là trên Bách  
 Khoa số 397, tôi có tìm ra được sự liên  
 quan giữa Phan Bội Châu và N. A. Q.

(3) Tức Sarraut, nhiệm kỳ I.



*Sarraut thật là một người yêu mến dân Annam lắm* ».

.....

Như vậy, không còn chứng cứ nào rõ hơn là thuyết « Pháp Việt đề huề » là của Phan Châu Trinh và Sarraut, người « yêu mến dân Annam lắm » đã « ưng cho các điều em tỏ ra trong cái thư ấy ». Chúng ta cũng đều biết các điều Phan Châu Trinh « ước ao » là chương trình thực hiện thuyết trên của ông (1).

Ai không nghĩ Sarraut làm Toàn quyền là Phan Châu Trinh về ngay như Roux hứa hẹn trong thư ấy : « quan Toàn-quyền định cho em ở bên Tây này một năm nữa ».

Nghĩa là Sarraut quyết định cho ông Phan về nước năm 1912. Thế nhưng suốt thời y làm Toàn quyền, ông Phan lại vẫn phải ở bên Pháp và Sarraut được tiếng là « thương dân Annam ». Cho đến đôi cái gì xảy ra ? Ấy là « vào khoảng năm 1916-1917, chiến tranh thế giới vẫn còn tiếp diễn (...) cuộc cách mạng Nga bùng nổ, đưa đảng Bôn-sơ-vít lên cầm quyền, trong khi ở Việt-nam, xảy ra vụ Duy Tân và Thái Nguyên. Trước một tình thế, nguy kịch như vậy, hoặc chính phủ Pháp gửi thêm binh lính sang Đông-Dương ; hoặc phải đề ra một đường lối chính trị hiệu nghiệm. Louis Roubaud, một nhà báo đã ghi lại câu nói của một viên tướng Pháp hồi đó : « Có hai giải pháp, một là gửi một đạo quân, hai là cử ông Sarraut sang (2). Chính phủ Pháp đã chọn giải pháp thứ hai (3).

Sarraut mặc sức mỉ dân. Phạm Quỳnh mặc sức ca tụng y, đưa chủ thuyết y lên mây. Khiến nên 1919, trước khi về Pháp, y đọc bài diễn văn « lịch sử » có câu : « Tôi sắp rời đất Đông-Dương thật, nhưng tôi không có bỏ dân Annam. Dân đã quá mến tôi mà coi tôi như là người cha hiền, người cha có lẽ nào lại bỏ con ? (4) ».

Phan Châu Trinh luôn luôn tìm cách lột mặt nạ Sarraut. Trong một bức thư, ông có lời mỉa mai gay gắt :

.. « *Thuộc-địa Thượng-thor từ xưa nay, chẳng ông nào tỏ ra ngoài có lòng bênh vực người An-Nam, nhưng có người An-Nam nào đi trôi nổi làm ăn bên này, các ngài ấy để cho nó yên lặng làm ăn ở dưới luật Đại-Pháp như mọi bên thuộc địa khác.*

« *Quan lớn là người có tiếng thương yêu người An-Nam đến đôi gọi quan lớn bằng cha mà trong lúc quan lớn đang cầm quyền, người An-Nam ở bên Tây này cũng không được thông thả (5) hóa ra chẳng khó hiểu lắm ru ?*

Ấy là một sự rất vô ích mà làm chi

(1) Còn lưu lại trong thời kỳ này và các thời kỳ sau những sách quan hệ như « *Đông Dương chính trị luận* » bản kỹ từng vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa v.v... chưa xuất bản.

(2) Trích : « *Le Viet Nam, tragédie indochinoise*. Paris 1913 — trang 216.

(2 và 3) Toàn phần này trích « *Nam Phong* » Nguyễn Văn Trung, Đại-học Văn-khoa, Sư phạm (1972).

(4) Lịch sử báo chí VN. (sđd).

(5) tự do



là người An-Nam cũng xa cách với nước Lang-Sa (Pháp) mà thôi.»

(ngày, tháng, năm?)

Tiến xa hơn nữa, trong một bài báo dưới cái đề :

« Một người đã tự nhận là cha dân Annam — Sự nói một đằng làm một nẻo» Cụ gọi đích danh và vạch rõ : « Cách cai trị rộng rãi bên An nam» của ông ấy là thế nào, nói những sự cải cách giả dối như viện tư-vấn, luật pháp, học hành, sự đầu độc dân ta bằng rượu, bằng thuốc phiện, và sự đoạt quyền tự do của dân ta, như tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do du lịch v.v... (1)

Cái nhìn của Phan Châu Trinh so với cái nhìn của các trí thức chúng ta ngày nay còn sáng suốt hơn nhiều, kể chi hạng Phạm Quỳnh (2) thời ấy ! Và câu nói «Làm chi là người An nam cũng xa cách với nước Lang-sa (Pháp) mà thôi » đầy giọng thách đố quả là một cái tát tai vào mặt chính quyền Pháp, bảo cho họ biết là đất nước bảo hộ, thuộc địa của họ sắp rung rinh (và chưa tới 20 năm sau, lời tiên đoán đó đã thành tiên tri ; dân Việt-Nam cầm vũ khí để đoạn tuyệt với Pháp !)

oOo

Đề bạn đọc có ý niệm rõ ràng, chu đáo về những gì Phan Châu Trinh đã quan niệm về thuyết «Ý Pháp cầu tiến bộ» hay «Pháp Việt đề huề», đã đau khổ, phấn nộ, chán chường nhưng không bao giờ thất vọng vì nó, bạn đọc nên đọc toàn văn bức thư sau đây của Phan Châu Trinh gửi cho một quan lớn (?) :

«Tôi là một người sống lại nhờ cái lòng tốt của những người Tây thực, vậy nên tôi hết lòng kính trọng yêu mến cái văn minh nước Tây.

«Đã 12 năm nay, giàu người ta tìm hết cách để làm hại tôi, thế nào mặc lòng tôi cũng rán chịu đủ mọi sự đắng cay đau đớn, được ở lại bên này, chủ ý là muốn cho được ăn chung ở lộn với người xứ này lâu ngày, để suy xét cho biết thâu cái văn minh (tinh?) thần của người Pholangsa (Pháp) đang một ngày kia, trở về Annam, truyền bá cái văn-minh Tây cho người xứ tôi hiểu rõ, và khuyên người đồng bào tôi giốc một lòng tin cậy nước Tây, giậy bảo giu giắt đem lên đảng tiến-bộ, chớ trông thấy những bốn phía người ta đua tranh sẵn suốt sinh ra lòng nghi ngờ ghen ghét, say (xoay?) ra làm sự hiềm nghèo, làm thực hại cho cả cái lợi ích chung của hai loài dân về sau.

«Đến bây giờ thì thời thế đã rõ lắm rồi mà sự trông cậy của tôi cũng đã quit (quyết) định, chẳng còn có tí gì nghi sau nữa.

«Đã mấy năm nay, tôi cũng đã nhiều lần đem lòng ước ao của tôi,

(1) Giai nhân kỳ ngộ — Phan châu Trinh — Lê văn Siêu bình giải và chú thích. Phần trích trên đây là của Phan thị Châu Liên hay bà Đốc Âm là con gái ông Phan, hiện ở Đà-nẵng.

(2) Ý kiến Phan Châu Trinh đối với Trương Vĩnh Ký, Tôn Thọ Tường, Phạm Quỳnh, nói tóm lại, phe Nguyễn Duy Tân, Nguyễn đề huề. Xin xem : Nguyễn văn Xuân — Nhà thơ đen trắng phân minh — Chính Văn 1972.



tỏ cho các quan thuộc-địa biết, xin các ngài giúp tôi về bên annam, về sự đó, tôi có biên cho các quan lớn cai trị bên annam, và tôi có xin tới thăm ông Sarraut hơn 4, 5 lần, tuy các ngài không trả lời cho rõ ràng, nhưng các ngài cũng ngó ý cho tôi hiểu rằng: lòng tôi trung thành với nước Phalangsa các ngài không nhận đâu và có thể cũng không cần, chỉ có một điều là, nếu tôi không thể chịu nổi sự đói lạnh bên này, muốn về annam thì phải cúi đầu chịu lạy, họa là các ngài nới tay giúp cho chút đỉnh thôi.

« Ý đó thì nó nghịch hẳn với cái sự trông mong của tôi, nên tôi không thể nào làm được ».

« Nay tôi đã biết chắc rằng, trong 12 năm, các ngài thuộc-địa cố ý làm hại tôi, vì tôi là Phan Châu Trinh, chớ chẳng phải có nghi gì tôi, và cũng chẳng phải là vấn đề chính trị gì cả.

« Tình cảnh tôi ở bên này, quan lớn đã biết rõ rồi, còn ở bên annam thì sự nghiệp tôi đã tan nát cả. Vậy nay tôi có về bên đó, cũng trở ngỡ như một người lưu lạc đất khách thôi, và lại tôi ở bên Tây này, các ngài thuộc-địa còn kiếm đủ cách để làm hại tôi, huống chi là tôi về một xứ chẳng có pháp luật, vậy còn thể nào chịu được nữa. Cho nên sự tôi về annam lòng tôi nay đã nguội lạnh cả rồi.

« Tuy vậy tôi cũng không ngã lòng, nay còn một cách là tôi giúp lấy tôi, để cho đi đến cái mục đích tôi trông mong; vậy tôi phải ra sức đi làm đi cho được có tiền, thì những việc

gì tôi muốn, mới có thể làm được.

« Khốn nạn thay! Rủi gặp phải lúc bên Tây nghề gì cũng hút, lắm kẻ không công việc làm, nhất là nghề tôi lại là nghề chơi, công việc ít, thợ thì nhiều, càng đua nhau, tiền công lại càng hạ, đã hai năm làm không đủ ăn, những tiền để dành càng ngày càng mòn, gia gi tôi lại bị bệnh, cần phải thuốc men, lại càng tốn hơn, nên không ở lâu bên này được.

« Nay tôi đã quyết (quyết) ý phải tạm bỏ nước Tây một lúc để đi ngoại-quốc kiếm công việc làm, đợi có tiền sẽ trở lại đây.

« Tôi đã có nói chuyện với quan lớn tháng 12 - 1921 tôi định đi Tàu, trễ đến nay là vì tôi nghe lời Mr. Babut đợi ông Sarraut, nay tôi đã rõ rằng: có lẽ tôi lắm lắm. Vì có tôi đã nói trên đó, nên tháng 11 năm 1922 tôi có đi tới sở Commissaire ở Marseille xin giấy thông hành. Không ngờ các quan thuộc địa lại tìm cách ngăn trở, người coi việc sở Commissaire buộc tôi phải có cái giấy của sở Contrôle des ouvriers indo-chinois (1) tại Marseille, thì người ta mới cho giấy thông hành, tôi cãi cọ và đi tới nhiều lần, nhưng người ta cố ý không cho, và bảo phải đợi tin ở Paris, tôi có biên thư hỏi ông Commissaire cũng không trả lời. Tôi lấy làm lạ cho cách ăn ở các quan thuộc-địa, 23 tháng 12 - 1922 tôi có biên thư cho Mr. Sarraut, xin ông ta cắt nghĩa cho tôi nghe, có thù hiềm gì mà ông ta lại làm hại tôi như thế

(1) Sở kiểm tra thợ thuyền Đông Dương.



nhưng tôi chắc ông ta cũng không trả lời đâu.

«Quan lớn xét lại các việc cho các quan lớn thuộc-địa làm hà hiếp tôi quá, rất đỗi, ở trên đất Phalangsa các ngài còn muốn kiếp (*curóp*) cả cái quyền tự gio riêng của tôi. Quan lớn là người bênh vực tôi từ thuở nay, nay tôi xin quan lớn làm ơn giúp tôi đề lấy cho được cái giấy thông hành, cảm ơn quan lớn vô cùng.

«Tháng 2-1922 hội Ligue des droits de l'Homme (1) có biên thư cho tôi, nói: hội sẽ sẵn lòng giúp tôi một lần chót nữa, nay tôi bị người ta làm thực hại, chẳng còn gì là quyền riêng của tôi, tôi định sẽ biên thư cho hội xin giúp tôi một lần sau hết về vụ này».

Xem đoạn trên bức thư này, bạn đọc thấy rõ chủ trương «Ý Pháp cầu tiến bộ» của Phan Châu Trinh. Nhưng suốt 12 năm, (từ khi ông sang Pháp năm 1911, mà thư này viết sau ngày 23-12-1922) người ta chỉ hứa hẹn chớ không có gì gọi là thực tâm giúp đỡ cả.

Đoạn giữa thư cho chúng ta thấy rõ thái độ của Sarraut, người chủ trương «Pháp Việt đề huề», và các viên quan thuộc địa. Họ nhất định không chấp nhận sự «đề huề» (cùng dắt tay nhau mà đi) với những người như ông (mà chỉ có thể «đề huề» với các Phạm Quỳnh, Khải-Định cũng sang Pháp vào năm 1922, nhân đầu xảo Quốc-tế ở Marseille.)

Nhưng ông vẫn phải chịu đói lạnh vì bấy giờ chính phủ Pháp không

giúp đỡ nữa) và phải làm thợ ảnh (có lẽ Nguyễn Ái Quốc cũng chịu ảnh hưởng nghề nghiệp của ông) để kiếm tiền về nước. Nhưng chưa được mà còn bị làm khó dễ đủ điều. Lần này ông vận động với vị quan lớn (?) trên đây cũng như sẽ nhờ Hội Nhân quyền giúp ông lấy giấy thông hành đề về nước.

Trong khi đó, Albert Sarraut về Pháp đề làm Tổng trưởng Thuộc-địa và «năm 1919, cụ làm thuê ở Pons đến tháng 3-1920 gặp Tổng trưởng Bộ Thuộc địa là ông A. Sarraut; ông này đưa cụ xem một bản chánh trị phương châm Đông-Dương hứa hẹn nhiều cuộc cải cách lớn và bảo cụ chờ khi nào ông ấy trở qua Đông-Dương mới nên về. Nhưng đến tháng Giêng năm 1921, ông ấy gặp lại cụ thì có thái độ khác và có ý dọa rằng: Nếu cụ về Đông-Dương quan Annam sẽ chực đó mà làm thịt. Cụ trả lời ngay rằng: «Miễn là quan lớn đừng ra tay giúp chúng nó, tôi sẽ sẵn lòng đem cái đầu tôi về Annam và xem thử» (Giai nhân kỳ ngộ. sđd, trang LXXVIII.)

Nhưng Phan Châu Trinh rồi ra còn phải tranh đấu bao nhiêu năm, chịu bao nhiêu nhọc nhằn, vất vả, đau nhức túi hờn mới về nước được?

Năm 1922 là năm cũng có một biến cố lớn xảy ra: Vua Khải-Định cùng phái đoàn tùy tùng, trong đó có Phạm Quỳnh, qua Pháp.

(1) Hội Nhân quyền (nguyên bản ghi là: «Ligue trois de l'Homme» chúng tôi sửa lại).



越南國民潘周栢寄書於越南當今皇帝  
 生逢不幸家顛危之日日觀世界革新之機  
 吾不願身其危危為千九百二十年  
 且正治立憲商會以維生計而挽利權故若  
 下組於憲制一願身家忠事後效仇敵視  
 羅福徽更藉妙善類千九百二十年  
 救國因起事物以千計以此羅福徽為  
 獲其荒其夫以我事以五法不他法下  
 法不周法者為所而吾制一專治尚  
 得圖更使法法不私人志志作修業  
 故身而向有今日我事以五法不他法  
 羅福徽千九百二十年法法不他法  
 以轉世界之公理誠不虛也此後明進步之趨

Bản chữ Hán  
 "Thư Thất điều"  
 của Phan Châu  
 Trinh.

Về vụ ngự giá như Tây này, báo chí đã nói nhiều. Nhưng có một vài chuyện bên lề tôi được nghe chính một vị đường quan (Án sát), đã qua Pháp dọn đường cho cuộc ngự giá, kể lại. Có nhiều chuyện, mà chủ yếu là thời này một tên thực dân Pháp muốn làm Toàn quyền đã móc nối với một tên quan lại Việt Nam bằng cách nhờ nhà Vua đề cao y. Khi toại nguyện địa vị ấy, y bằng lòng giúp nhà Vua sang Pháp bề ngoài là dự đấu xảo (Hội chợ) nhưng bên trong là vận động với báo giới, chánh giới để thực hiện ý đồ xin trở lại hòa-ước cũ (có lẽ 1884?). Khải-Định dắt Phạm Quỳnh đi, nhưng làm ra vẻ như bất ngờ gặp nhau trên đất Pháp. Không rõ vì lý do gì Phạm Quỳnh có đến thăm Phan Châu Trinh? Thế rồi bất ngờ một tiếng

sét nổ vang: Phan Châu Trinh đưa thư cho Khải-Định ngang nhiên gọi tên húy Vua và kê bảy tội (thư Thất điều) (1) giữa thanh thiên bạch nhật. Khải Định vô cùng phẫn nộ nhưng đành cầm họng. Rồi phải chăng cái chết sớm đau đớn năm 1925 là hậu quả do tiếng hài tội sấm sét kia gây ra? Về câu chuyện này, có người, và hiển nhiên không phải chỉ một, cho tôi biết là Phan Châu Trinh mắc mưu Pháp quốc. Nguyên bấy giờ, tên Toàn quyền kia sau khi bị buộc phải đưa Khải Định qua Pháp rồi liền nghĩ cái mưu phá kế hoạch Khải Định. Tiện nhất là hạ bệ uy tín nhà Vua giữa nước Pháp. Một khi đã

(1) Một việc khôi h'i đáng ngẫm nghĩ: mới đây, 19 4, tôi đưa bản chữ Hán thư Thất điều cho một ông cụ. Ông đọc một đoạn rồi le lưỡi, không dám đọc nữa.



làm sụp đổ uy tín nhà vua thì sự xin xỏ gì của vua cũng sụp đổ theo. Do lẽ đó, hẳn mới nhờ người thân tín của Phan Châu Trinh tới dẫn dụ để ông Phan nổi cơn thịnh nộ. Và rồi sấm sét nổ ra. Ta cũng không quên là bấy giờ, ở Pháp, Phan Châu Trinh là nhân vật được xem như nhà đại ái quốc uy tín nhất của Việt Nam. Và nhà đại ái quốc đã chửi Khải Định quá nặng nề ! Nước Pháp rành nợ !

Tôi không bỏ thuyết trên đây. Vì rất có thể tên Toàn quyền kia đã có dã tâm làm việc mờ ám và độc địa ấy. Nhưng việc Phan Châu Trinh đưa thư Thất điều thì vẫn nằm trong kế hoạch từ nguyên thủy của ông : chống vua quan phong kiến (xin xem lại thật kỹ «*Đầu Pháp chính phủ thư*» đưa Toàn quyền Beau, 1906) và đã gây bao nhiêu hệ lụy cho ông khiến cuối cùng ông phải qua Pháp (gần như đi đày), không có lối về ! Đồng thời đó cũng là tiếng bom ông muốn nổ giữa một thời bình lặng để phá tan sự thái hòa giả tạo mà vạch trần cho thế giới và nhân dân Pháp, nhân dân Việt Nam biết là nước Việt Nam không đẹp đẽ như bè lũ Sarraut - Khải Định - Phạm Quỳnh sang rêu rao, mà nó đang lâm nguy dưới bàn tay hôi hám của hôn quân. Đây quan hệ hơn cả, là một tiếng hét báo hiệu cho biết chủ nghĩa dân quyền Việt Nam đang tới lúc phải hiện diện, phát triển sâu rộng trên giang sơn Việt Nam.

Thật vậy, sau phát pháo lệnh đầu tiên ấy là một nhân vật trong đám Ngũ Long xuống tàu về Việt Nam

với ngọn cờ tiên phong trong tay : Nguyễn An Ninh, năm 1922 về nước, 1923 cho phát hành tờ *La Cloche fêlée* (tiếng chuông rề) làm náo động dư luận Pháp, Nam và tiếng nói Dân chủ phát ra như vũ bão, dù nó ở trong khuôn khổ «*Pháp Việt đề huề*». Đó là ở Nam Kỳ.

Cũng năm 1923, một nhân vật vào hàng cừ khôi nhất của lực lượng Phong trào Duy tân 1905 - 1908, Tiến sĩ Ngô Đức Kế, được thoát ly Côn Lôn 1921, nhưng đến năm này mới ra Hà-nội nhận chức Chủ bút tạp chí *Hữu Thanh*, giữ vững cơ sở *Trung-Bắc nông công tương tế* để liên lạc với hai kỳ Trung Bắc. Rồi tư tưởng Dân chủ được công bố dưới nhãn hiệu «*Pháp Việt đề huề*». Nhưng không phải đề huề kiểu Marty-Phạm Quỳnh của Nam Phong nên liên tiếp đập và vạch trần bộ mặt buôn dân bán nước của bè lũ này (Khai Trí Tiến Đức, Nam-Phong, Vụ án truyện Kiều). Nhờ vụ án truyện Kiều, thanh thế nhóm Duy tân cũ lên cao thì lập tức sau đó thực dân bắt đình bản vĩnh viễn (1).

Đã có hai tờ báo ở Nam và Bắc trong tay, lực lượng Phong trào Duy tân cũ và mới liền tìm lại được sinh lực. Họ lập tức bắt tay hành động. Những năm 1923 là những năm sóng ngầm ló dạng. Hăng hái nhất là khối

(1) Xin đón xem Nguyễn văn Xuân. «*Vụ án Truyện Kiều*» do Trí Đả g sắp xuất bản. Trong sách này có trình bày một số văn kiện chưa được công bố để chứng minh đây là tập đoàn Phong trào Duy tân đánh đổ bè lũ Sarraut - Marty - Phạm Quỳnh v.v.. nặng chính trị hơn văn học.



nhân sĩ bị đày ở Côn Lôn Lao Bảo được tha về sau 1921 (một phần đáng kể là do sự vận động của Phan Châu Trinh ở Pháp).

Và tất cả đều chờ đợi vị lãnh tụ của Dân quyền.

oOo

Trong khi ấy Phan Châu Trinh đã làm gì ở Pháp?

Tôi xin giới thiệu một tài liệu. Tài liệu này suýt nữa làm hại thân danh ông và Cách mạng Việt Nam! May mà ông đã thoát. Tài liệu này cũng đồng thời đính chính một công bố của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trong *Chính Văn*, *Sổ đặc biệt Phan Châu Trinh* năm 1972: «Chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu một sự tìm kiếm kỹ lưỡng cho chúng ta thấy cụ Phan có thời kỳ đã nhập quốc tịch Pháp. Yếu tố nào cho phép người viết có ý nghĩ đó? Đó là việc chính phủ Pháp «chấp thuận» cho cụ trở về Việt Nam lập chính đảng, mà lập chính đảng ngay ở Trung kỳ, trước mắt triều đình Huế. Mặc dù 15 năm đã qua, vua quan VN đã đòi khác nhiều trong sự đối xử của người Pháp, phủ Khâm sứ cũng không có thể tự tiện cho phép một công dân của triều đình (cụ Phan người miền Trung) công khai lập chính đảng khi luật pháp Trung kỳ tuyệt đối không cho phép.»

Quả Phan Châu Trinh có ý định vào Pháp tịch thật. Tài liệu này ghi ngày 3-1-1924, và cho biết là ông xin một chứng thư thay giấy khai sinh để được nhập Pháp tịch (naturalisa-

tion française) và nó là một *minute* một *nguyên bản* phải do tay ông Phan Châu Trinh viết và ký:

Tại sao ông phải hạ tới mức xin vô dân Tây? Dù không có chứng cứ nào, tài liệu nào lưu lại, song chúng ta biết chắc chắn (qua các thư tôi công bố trên) là Pháp nhất quyết giữ ông lại — lưu đày khéo ông trên đất Pháp. Nhưng tình hình như lửa bắt đầu bốc cháy ở Việt Nam không cho phép ông lưu lại lâu hơn nữa ở Pháp. Vậy ông phải tìm hết cách để lên đường về Việt Nam. Ông không chủ trương bí mật, bạo động nên không noi theo đường lối Phan Bội Châu, rồi Nguyễn Ái Quốc. Cơ sở ông đang thiết lập công khai tại Việt Nam. Ông phải có mặt tại đó để cùng các bạn theo thuyết «Pháp Việt đề huề» mà tranh đấu, tức là dựng các cơ sở của Dân-trị.

Pháp cũng biết chắc như ông nói «lòng tôi trung thành với nước Phalangsa, các ngài không nhận đầu và có thể cũng không cần, chỉ có một điều là, nếu tôi không thể chịu nổi sự đói lạnh bên này, muốn về Annam thì phải cúi đầu chịu lạy, họa là các ngài nói tay giúp cho chút đỉnh thôi». Nhưng Phan Châu Trinh «không thể nào làm được». Vậy thượng sách không xong thì phải chịu hạ sách là vào dân Tây. Một khi là dân Tây rồi, ông có quyền về nước như Tây ra thuộc địa chơi! Ông có quyền mở báo, lập đảng, giao du, di xứ này xứ nọ kết nạp thế lực. Dân Tây thì còn sợ ai!



Nhưng cái gì rớt cuộc đã bắt ông dừng lại ? Tôi không có dữ-kiện song tôi nghĩ là chắc ông đã thấy những hậu quả bất lợi đối với lòng tin lớn lao của nhân dân nơi lãnh tụ... Thà ông chịu khó ở tại Pháp ít lâu rồi cơ hội sẽ đến... Varenne trong đảng Xã-hội Pháp có lẽ đã hứa hẹn nhiều với ông qua những Mou-tet, Roux... ?

Dù sao văn kiện này tuy chẳng thành, song chỉ cần nhìn qua, ta cũng đọc thấy biết bao khổ tâm của ông; ta cũng biết ông đã mất ăn mất ngủ vì nó, đau xót, uất hận vì nó. Nhưng mà nhân dân đang chờ ông bên kia đại dương ! Biết sao ! (1)

Ngoài hai ích lợi trên (biết rõ đã tâm Pháp, hiểu nông nỗi đoạn trường của ông) văn kiện này là duy nhất từ trước tới nay để cho biết ngày và tháng sinh của ông. Chính trong gia đình cũng xác nhận chỉ có văn kiện này nói tới và chưa công bố :

**Mồng 9, tháng 9 năm 1872**

Văn kiện cũng cho chúng ta biết thêm tên cha và mẹ. Song xưa nay vẫn gọi là Phan văn Bình (bà Lê thị Trung là vợ) thì lại viết Phan văn Bàng. Về tên này, người trong gia đình chưa thấy, song đã do ông Phan Châu Trinh viết ra thì cũng cần để ý.

Điểm sau hết đáng quan tâm là số nhân chứng đồng ký tên và tôi không thấy ai có chức phận gì mà chỉ là thợ thuyền, bồi bếp... Nó cũng cho chúng ta thấy Phan Châu Trinh quả luôn luôn sát cánh các giới cần lao (như Nguyễn An Ninh,

Nguyễn Ái Quốc) chứ không phải hạng chính trị xa-lông mới nghe mùi lao động đã hoảng hồn, bạt vía !

oOo

Phan Châu Trinh về nước có phải là chỉ theo Nguyễn An Ninh như một ông già bệnh hoạn không ? Từ trước tới nay, tôi thấy các sử gia khi nói về ông lúc về nước, lúc đọc diễn văn, thật chẳng khác gì một chuyện tình cờ, một bất ngờ. Chỉ có mỗi một ông Hồ Hữu Tường là nhắc lại các sự kiện này một cách tương đối trung thực. Nhưng tiếc thay, nhà văn Hồ Hữu Tường ít khi chịu dùng một tài liệu nào — dù loại đệ nhất đẳng — nên người đọc ông đôi lúc ngần ngại. Vì dù người ta biết ông có nghe các nhân chứng kể lại thật, song qua thời gian, biết rằng trí nhớ ông còn trung thành thế không ? Tôi chép qua một đoạn trong

(1) Nguyên văn đoạn đầu văn kiện :  
Le 3 Janvier 1924.

Extrait des minutes du Greffe de la justice de Paix au dix septième arrondissement de la ville de Paris, département de la Seine sis en l'hôtel de la Mairie des Batignolles, rue des Batignolles numéro dix huit. L'an mil neuf cent vingt quatre le trois Janvier.

Que Mr Phan Châu Trinh est né le neuf Septembre mil huit cent soixante douze à Quang Nam (Annam) (Indochine) du mariage d'entre Monsieur Phan van Bang et dame Le thi Trung, tous deux décédés.

Que par suite du manque d'archives de l'Etat civil de la commune de Quang Nam, il lui est impossible de se procurer l'expédition de son acte de naissance qui lui est nécessaire pour obtenir la naturalisation française.



« 41 năm làm báo » (1) của ông :

« Đỡ bằng kỹ sư hóa học, (Nguyễn Thế) Truyền không hành nghề, lại lên Paris mà hợp tác với Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Tất Thành (sau này là Hồ Chí Minh), để thành lập một nhóm người Việt « chọc trời khuấy nước » chống thực dân ngay tại thủ-đô nước Pháp. Năm 1922, Nguyễn An Ninh về xứ, sáng lập tờ La Cloche fêlée. Còn những người kia ở lại cùng một số người Phi Châu và người Pháp sáng lập tờ Le Paris (đúng = Paria). Ít lâu sau, Nguyễn An Ninh trở qua rước hai cụ Phan về Saigon, Nguyễn Thế Truyền lãnh trách nhiệm cho ra tờ *Việt Nam* hồn khét tiếng... » (2). (trg 11, 12)

Tôi không đủ tài liệu chứng minh, song có thể quyết chắc hai điểm : ông đã được Nguyễn An Ninh sang đón về (cùng Phan Văn Trường) để lo việc nước, qua một vế câu đối Ninh khóc ông :

— a/ Khứ niên địa hải đồng chu (chỉ hai người cùng về với nhau một lần, năm ngoái)... Kỳ tương huê thủ nhất trường, nhị trấp triệu đồng bào ưng trọng nhậm (nói rõ là dặt nhau về đề lo cái trách nhiệm đối với hai mươi triệu đồng bào Việt Nam.)

Thời cuộc Việt Nam bấy giờ nhờ trong Nam có La Cloche fêlée với Nguyễn An Ninh, ngoài Bắc có Hữu Thanh (đã bị đình bản) với Ngô Đức Kế, ở Trung có Huỳnh Thúc Kháng với rất nhiều nhân vật từ Côn Lôn về, kể cả Giải nguyên Lê Văn Huân

đang chuẩn bị đón Phan Châu Trinh đề bàn hiến pháp mà lập đảng Tân Việt (3) thật là náo nhiệt.

Sự kiện Phan Châu Trinh là lãnh tụ nhóm «Ngũ Long» thì chắc ai cũng biết cả, ông Hồ Hữu Tường có kể thêm :

« ... Linh hồn của nhóm «Ngũ Long» này là cụ Phan Châu Trinh. Và khi chường ra công chúng, nhứt là khi viết báo chống thực dân, thì ý kiến thường do cụ Tây Hồ xướng ra. » (Sđd trang 18)

Trong suốt cuộc đời hoạt động, chưa bao giờ Phan Châu Trinh chịu ở vai trò bị động. Luôn luôn ông cương quyết, can đảm đứng ra chịu trách nhiệm đối với quốc dân. Chắc chắn là lúc ở Pháp cũng thế mà lúc về Việt Nam cũng phải thế. Sau đây sẽ chứng tỏ.

— b/ Một tài liệu quan trọng khác là «Bức thư gửi người học trò tên là Đông», 1925, bày tỏ quan điểm của ông về mọi vấn đề mà những ai chưa đọc nó, thiết tưởng chưa hiểu được lập trường hợp của ông (4). Tôi đã trích mấy đoạn ở các bài khác. Trong

(1) Về thời kỳ này, ông còn đang viết hàng ngày trên nhật báo « Điện Tín ».

(2) 41 năm làm báo — Hồ Hữu Tường — Nhà x.b. Trí Dăng (1973)

(3) Trong câu điệu của ông Lê Văn Huân có nói rõ việc ấy. (Xem « Phong trào dân trị » : Các đoàn thể nhân sĩ đối với cái chết Phan Châu Trinh).

(4) Gia đình vẫn còn giữ. Đã được Ngô Đức Kế in ở Hà nội 1926 rồi báo Nhân Loại ở Saigon đăng lại (Nhân loại, bộ mới số 11,12 - 1959).



bài này, tôi trích một câu của ông để chúng ta hiểu ông là ai, muốn cái gì, có thể làm gì ?

«Cái trách nhiệm nòi giống của Dân tộc Việt-Nam tôi không nhường cho ai được cả».

Bạn đọc nào, sử gia nào còn ngờ vực ông, nghĩ là ông già cả, bệnh tật, yếu đuối mà trở nên bị động và câu trên chỉ là câu nói hăm hở phát ra trong một phút nhiệt thành thì nên đọc thêm đoạn này trong bức thư lịch sử nói trên :

«Về sự trong Hạ nghị viện nước Pháp giúp đỡ tôi về xứ, sự đó anh cũng biết tôi ở bên này lâu, tôi quen biết nhiều ông nghị viên và hội « Nhân quyền » cũng có giúp tôi, vậy anh nghĩ thử lại cứ sao 14 năm nay (1911-1925) tôi không về ? Và các ông ấy cũng không nói ? Nay sự đó đem ra Hạ nghị viện là tại lẽ gì ? Sự đó tôi có vận động gì không ? Và sự đó sau này hóa ra thế nào ? Còn tôi muốn gì ? Còn các quan thuộc địa ở bên ta đối với sự tôi về, ý kiến thế nào, bằng lòng hay không ? Nay tôi về bên ta tình cảnh khó dễ thế nào ? Anh đã nghĩ đến chưa ? Hay là anh thấy có người bênh vực tôi, thì anh mừng tôi đấy thôi ? Nếu như vậy, tôi cũng như một cái đồng hồ, khi người ta không lên dây, thì nằm chết đó, khi có người vặn máy thì lại chạy xịch xịch thôi, anh nghĩ một cái máy đó thì có thể làm ích gì cho nước ta không ?»

Đó, Phan Châu Trinh, chính trị gia.

Còn Phan Châu Trinh lãnh tụ

nhóm Ngũ Long ?

Đối với các nhân vật trong nhóm ông có cái nhìn thế nào ? Chúng ta nên xem lại đoạn cuối bức thư trên :

«Thực tế, tôi xem anh Quốc (Nguyễn Ai Quốc) anh Truyền (Nguyễn Thế Truyền) và ông Trường (Phan Văn Trường) rất là người thông minh bực nhứt xứ ta nhưng xem ra ông nào cũng bị một chứng bệnh nặng cả, chẳng biết ngày sau có làm ra công hiệu gì cho nòi giống ta được nhờ không ? Hay là trước học Tàu là ông đồ hủ Nho, nay học Tây lại đổi là ông đồ hủ Âu mà thôi.»

Trên đây chỉ là những kỳ vọng thối thiết đối với các lãnh tụ «thông minh bực nhứt xứ ta». Sai hay đúng ? Lịch sử đã trả lời. Dù sao đó cũng là nhận xét chân thành của bậc đàn anh. Trong số này ông không nhắc Nguyễn An Ninh có lẽ Ninh bấy giờ chưa có thành tích nào đáng kể so với các ông trên. Vậy mà nhiều sử gia khi nói tới hoạt động của Ninh ở Nam xem như vai chính một thời thì chắc chắn sai.

Với tinh thần trách nhiệm cao độ, với cái nhẹn sắc bén, với niềm tự tin vững như sắt đá, 1925, Phan Châu Trinh (Trung) đã cùng Phan Văn Trường (Bắc) theo tướng tiên phong Nguyễn An Ninh (Nam) trở về nước để chuyển hoạt động Dân quyền sang hoạt động Dân trị.

Từ đây, bắt đầu một thời kỳ cực kỳ sôi nổi trong lịch sử chính trị và báo giới Việt Nam, tuy ông chỉ sống



có hai năm ! Nhưng chỉ cần với hai năm ấy, ông đã làm cho quốc dân thức tỉnh sau gần hai mươi năm sống trong bóng tối âm u. Tôi nói quốc dân là chỉ chung những khối đại quần chúng (lấn trí thức) cùng ý thức chủ nghĩa dân chủ mà đứng dậy theo khối Duy tân mới : Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh (ở Pháp, học chữ Pháp) hợp tác với khối Duy-tân cũ :

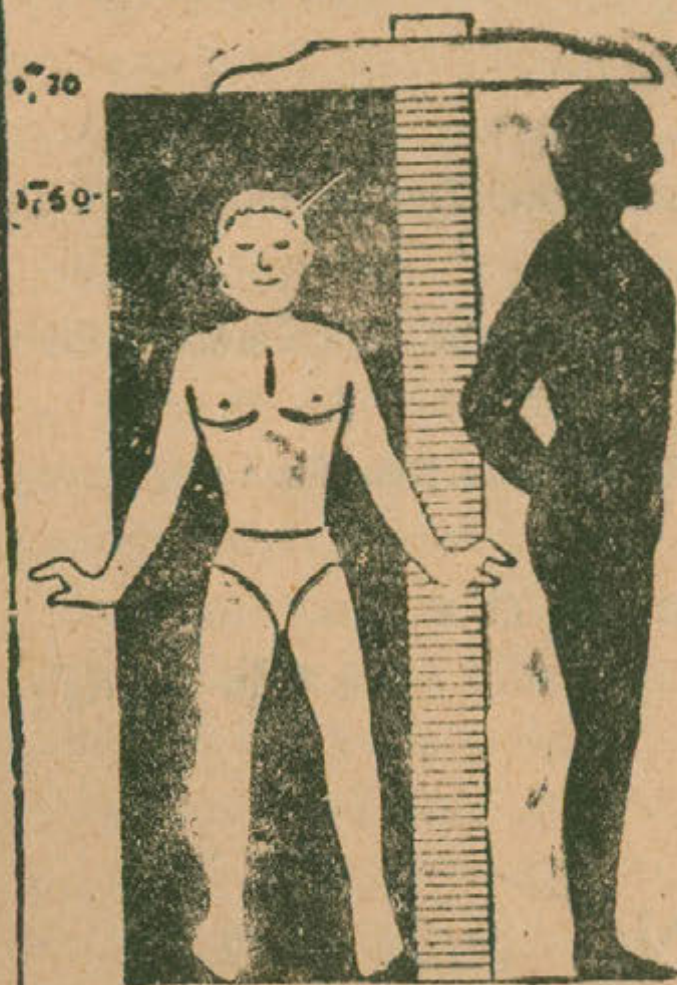
Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế... (ở Côn lôn về, học chữ Hán) với không biết cơ man nào tiểu tướng trẻ trung, hăng hái, hào hùng đề xây dựng một Phong trào Dân trị ở trong khuôn khổ «Ý Pháp cầu tiến bộ» hay «Pháp Việt đề huề» rung động đất nước một thời.

NGUYỄN VĂN XUÂN

*L.T.S. Trên đây là một đoạn viết lại theo quyền « Phong trào dân trị » của tác giả. Thuyết «Pháp Việt đề huề» của Phan Châu Trinh còn dài ; thời kỳ sôi động của Phong trào Dân trị còn nhiều diễn biến khác. Bạn đọc muốn hiểu rõ, xin đón xem tập «Phong trào dân trị» hay «Hậu Phong trào Duy Tân» của Nguyễn Văn Xuân sẽ xuất bản.)*

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ  
C. D. PP. B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- IT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.



*Đã phát hành: (từ tháng 1 đến tháng 9/1973)*

- CÔ BÉ TREO MỪNG *của Hoàng Ngọc Tuấn*
- HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU *của Hoàng Ngọc Tuấn*
- CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA  
*của Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*
- BẠCH TẦN *của Từ Vu, Vi Huyền Đắc dịch*
- HỒI KÝ 41 NĂM LÀM BÁO *của Hồ Hữu Tường*
- PHI LẠC SANG TÀU *của Hồ Hữu Tường*
- TẬP LUẬN *của Võ Phiến*
- BỨC BÌNH PHONG  
*của Somerset Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch*
- LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT-NAM *của Huỳnh Văn Tông*
- DỊCH CÁT *của Nguyễn Văn Xuân*
- MƯU SINH  
*của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch*
- TIẾNG CHIM-VƯỜN CŨ *của Nguyễn Mộng Giác*
- CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI *của Nguyễn Xuân Quang*
- NHỮNG NGÀY RẤT THÔNG THẢ  
*của Trần Thị Ngh.*

**TRÍ ĐĂNG xuất bản**



# Jules Roux

*Người bạn thiết nghĩa của nhà Cách mạng*

PHAN CHÂU TRINH

Năm 1925, sau khi về nước, cụ Phan-Châu-Trinh đã gọi cho một người bạn thân — Ông Jules Roux — những lời thư thật chí tình: « Tôi là người khờ sớ, đã từ bỏ quê hương từ bỏ vợ con có chín (?) năm trời rồi. Tôi đã chịu trăm điều xấu hổ, trăm điều cực khổ, hy vọng của tôi là cốt làm sao cho hai dân tộc Pháp Việt liên hiệp một cách thật tình. Nếu như tôi chết mà có lợi cho nước tôi và có lợi cho anh, thì tôi dẫu chết cũng cười... » (1).

Những lời tâm sự của cụ Phan đã bày tỏ rõ rệt chính kiến của cụ, đồng thời cũng bộc lộ cả giao tình của cụ với một người bạn thiết nghĩa. Nếu trong đời cụ, cụ đã không thực hiện được mộng tưởng liên hiệp bình đẳng giữa hai dân tộc Pháp-Việt, thì ít ra cụ cũng đã thể hiện được lý tưởng đó cùng với một nhóm trí thức Pháp như Marius Moutet, Pressensé, Babut và nhất là với Jules Roux. Đây là những đảng viên đảng Xã-hội Pháp hay là hội-viên Hội Bảo-trợ Nhân-quyền. Chính họ đã xé được bản án tử hình mà Nam triều và Thực dân định xuống tay đối với cụ năm 1908 để cụ có thể tiếp tục con đường tranh đấu. Chính họ đã buộc kẻ xâm lăng phải mở cửa ngục Côn-lôn năm 1911 để trả cụ về con

đường hoạt động. Và cũng chính họ đã đứng ra chống lại bọn chuyên chế đã vu hãm cụ trong ngục Santé, tránh cho cụ cái cảnh: «... Tôi thề chết tại giữa buồng giấy quan lớn, tôi thề lấy máu tôi mà bôi đầy đầu, đầy mặt, đầy cổ, đầy mình quan lớn, tôi bôi cho đỏ cả buồng giấy gian dối, tối tăm, hôi thúi của quan lớn; tôi chẳng chịu chết mòn, chết rục, chết vắng, chết thảm ở cái buồng giam 6-21 đâu... » (2).

Họ với cụ mỗi người đều có tổ quốc của mình, hết sức trung thành với tổ quốc và tận tâm phục vụ tổ quốc. Nhưng cả hai cũng đều là con người của thế giới tiến bộ, họ quyết lòng tranh đấu cho những quyền lợi căn bản của Con Người như là mục tiêu tối thượng và vinh dự của quốc gia. Trong tinh thần đó cả hai đã đi đến chỗ kết nghĩa đào viên, Phan Châu Trinh và J. Roux sẽ đóng trọn vai trò này.

Jules Roux, người Pháp đã từng sống ở Việt-Nam trong nhiều năm, nói và viết thạo tiếng Việt. Ông có

(1) Thư ngày 12-11-1925. Thế Nguyên-Phan Chu Trinh-Tân Việt 1956, trg. 50.

(2) Thư ngày 2-5-1915. Phan Châu Trinh-Giai nhân kỳ ngộ - Hương Dương trg. LXXVI,



ba người con trai và một người con gái. Gia đình thường hay xê dịch giữa khoảng Tours và Paris. Nhưng ở thành phố Paris ông cũng luôn luôn thay đổi chỗ ở, lúc thì ở số 7 đường Odessa, lúc thì ở 78 đường Assas cũng có khi ở tại 21 Ferdinand Fabre (1).

Jules Roux từng giữ chức Chỉ-huy-trưởng Lữ đoàn Pháo binh thuộc địa Ủy viên báo cáo ở Tòa án binh thường trực của Bắc-kỳ, tại Hà-nội, từ tháng 2 năm 1904 đến tháng 12 năm 1909, sau đó ông về làm Ủy-viên chính-phủ tại Tòa án binh khu IX, tại Tours (2). Roux được thăng Thiếu-tá từ tháng 3 năm 1913.

Như thế Roux đã ở Việt-Nam trong thời kỳ Phan Châu Trinh phát động Phong trào Duy-tân và ở tại Hà-nội đúng vào lúc cụ Phan bị chính quyền Thực dân bắt giao cho chính phủ Nam triều. Không biết Jules Roux đã gặp cụ Phan lúc ấy chưa. Dầu thế nào, Roux cũng đã nhúng tay vào cuộc vận động giảm án cho cụ Phan năm 1908, theo như thư Roux gửi cho Victor Bash « từ khi năm 1908 tôi cũng rần sức mà giúp ông» (3).

Cụ Phan bị giam tại Côn-lôn từ tháng 4 năm 1908 đến khoảng đầu năm 1911 mới được ân xá và bị an trí tại Mỹ-tho. Tại đây cụ bị quản thúc chẳng có chút tự do nào để hành động. Tức mình, cụ gửi thư cho Pháp đưa điều kiện, hoặc trả cụ trở lại Côn-lôn hoặc để cụ đi Pháp.

Khi được phóng thích, tại Tòa án

Pháp, trước mặt Couzineau, Tham-biện Mỹ-tho, ngồi ghế Chánh án — người đã nhân danh nước Pháp trả tự do cho cụ — cụ Phan đã yêu cầu Pháp phải trả tự do cho đồng bạn cụ đang còn bị giam giữ tại Côn-lôn vì họ vô tội, Pháp phải trị tội Phan Ngọc Quát, kẻ đã sát hại cụ Trần Quý Cáp đồng thời phải để cụ đi Pháp (4). Sở dĩ cụ Phan muốn đi Pháp vì cụ muốn gióng chống báo động cũng như vạch rõ bộ mặt thật của bọn thực dân Pháp ở thuộc địa để con dân những người đã từng tranh đấu cho tự do nhân quyền và dân quyền thấy được tính cách phi nhân và dã tâm xâm lược của họ.

Pháp thấy rằng không thể giam cầm cụ mãi trong mảnh đất đã mất hết tự do nên phải để cụ thực hiện ý nguyện của mình. Tháng 4 năm 1911 cụ sang Pháp cùng một tàu với Toàn quyền Klobukowsky. Cụ mang theo cả người con trai độc nhất của cụ là Phan Châu Dật sang du học.

Vậy, mục đích cụ Phan sang Pháp chính là để được tự do tranh đấu. Trong ý hướng này cụ tìm gặp những

(1) Gia Đình Roux giữ rất nhiều tài liệu về Phan Châu Trinh, tôi ghi những địa chỉ này để mong vị nào ở Pháp hằng lưu tâm đến Lịch sử có thể sưu tập những tài liệu hữu ích đó để công bố cho quốc dân biết rõ hơn hoạt động của cụ Phan trong giai đoạn ở Pháp.

(2) Thư ngày 12-3-1917 (tiếng Pháp) do Roux quay ronéo gửi cho thân hữu.

(3) Thư do Phan Châu Dật dịch ngày 18-4-1917.

(4) Phan Châu Trinh - Giai nhân kỳ ngộ - Hướng Dương, tr. LVI.



4/ Là Quan quân  
mیں سے بہت اہم  
ہے ایک ہی میں میں  
نہیں۔ ڈینگ میں نہیں  
میں میں میں؟

Votez avec tout  
sincère et à jamais  
attaché.

Capus Roux

Bây giờ là lần đầu tiên

qua phải về đến  
không biết em là  
mình sẽ tới hôm nay  
qua phải viết tới

Cái thư. Lại qua  
cũng nên gửi tới  
cho nhà tôi ở Le Rainy

mình em gái em  
ngày kia 9 giờ tới  
qua tới gần mình  
tên ở Marseille - là khi

qua cũng xuống Marseille  
thứ đi ở Hyères mà coi

Bút tự của Jules Roux trong thư gửi cụ Phan Châu Trinh

nhà trí thức Pháp biết yêu chuộng tự do và hòa bình để họ có thể làm hậu thuẫn cho lập trường chính đáng của cụ. Jules Roux là người đã đáp ứng được yêu cầu đó. Thế nên cụ đã liên kết chặt chẽ với ông này.

Thật sự Phan Châu Trinh không tìm đến Roux mà chính Roux đã tìm đến họ Phan trước, theo chỉ thị của Thượng thư Bộ Thuộc địa, như Roux đã tiết lộ cho cụ Phan biết trong bức thư đầu tiên gửi cho khi cụ mới chân ướt chân ráo đến Paris: «Theo nhời quan Thượng thư thuộc địa, tôi xin viết mấy chữ này để mời quan lớn lại chơi nhà tôi, phố Odessa số 7 gần «la ga Montparnasse» (1).

Trong bức thư đầu tay này, Roux đã gọi Phan Châu Trinh là quan lớn.

Tiếng xưng hô kiểu cách này chỉ được dùng một lần rồi biến mất không thấy ở bức thư kế tiếp nữa. Chỉ cách hai tháng sau trong bức thư ngày 20-7-1911 Roux đã gọi Phan Châu Trinh là em và ghi, ở đầu thư, là «Mon cher ami». Điều này cho thấy họ thân nhau rất nhanh. Roux gọi Phan Châu Trinh bằng em và ngược lại Phan gọi Roux là anh có lẽ vì Roux lớn tuổi hơn cụ Phan.

Tiếng «quan lớn» cho chúng ta thấy rằng mãi đến khi Phan Châu Trinh sang Pháp hai người mới thân thiện nhau, tuy trước đó Roux đã một lần giúp cụ Phan. Trước khi Roux gửi thư cho Phan Châu Trinh, họ cũng đã gặp nhau một lần: «Hôm

(1) Thư ngày 25 tháng 5 năm 1911.



no tôi không dám mời quan lớn vì tôi trông thấy quan lớn chưa được mạnh khoẻ như thường» (1). Có lẽ, lần gặp gỡ xảy ra khi Phan Châu Trinh vừa đặt chân xuống đất Pháp, và cụ còn mệt nhoài vì phải trải qua những ngày dài lênh đênh trên biển cả.

Những giòng thư chúng ta vừa đọc là nguyên văn bằng chữ Quốc ngữ do chính tay Roux viết gởi cho cụ Phan. Roux rất rành tiếng Việt. Ông đã ở Việt-Nam ít nhất sáu năm. Roux đã học tiếng Việt với Đỗ Xuân Hật ở số 79 phố Hàng Đào, Hà-nội, có lẽ từ cuối năm 1909. Theo thư ngày 17-9-1912, Roux cho cụ Phan biết ông đã học với Đỗ Xuân Hật ba năm rồi. Thời gian đó Roux vẫn còn tiếp tục liên lạc với họ Đỗ. Có thể vì thông thạo Việt ngữ mà Roux được lệnh Thượng thư Thuộc-địa tiếp xúc với nhà chí sĩ Việt Nam. Roux có nhiệm vụ chuyên đạt lên Bộ Thuộc-địa những nguyện vọng của Lãnh tụ Phong trào Duy-tân. Jules Roux bấy giờ là Đại-úy làm việc ở Tòa-án Bình nghĩa là Roux là một viên chức chính phủ phải làm việc theo lệnh cấp trên: « Cho nên tôi xin viết mấy các nhời sau này để mời quan lớn, đến ngày thứ hai sáng đến là ngày 29 tháng này, tám giờ rưỡi, khi quan lớn xơi cơm thì lại chơi nhà tôi, để nói chuyện riêng mấy (với) tôi về các sự dân hay là về các sự riêng của quan lớn, quan lớn muốn quan Thượng-thư Thuộc-địa biết» (1).

Roux là người hết sức thành thực

như ông sẽ chứng tỏ ở những bức thư sau. Trước khi đến với Phan Châu Trinh Roux đã xác định rõ vai trò của mình. Roux là viên chức nhà nước có những bổn phận phải làm. Thế nhưng Roux còn là người của đảng Xã-hội, của Hội Bảo-vệ Nhân-quyền, yêu thích lẽ phải và quyền sống của con người. Roux phải đứng trên hai vị trí đó. Roux phải làm thế nào để thủ trọn vẹn hai vai trò có thể đối nghịch này? Đó là nỗi khó khăn mà Roux đã đặt ra sau khi kết nghĩa với cụ Phan: « Trong bụng tôi sự quan hệ thứ nhất là tôi không muốn phạm sự thiết nghĩa chúng ta, sự quan hệ thứ nhì là tôi cũng không muốn phạm Thượng thư, phạm sự quan Toàn-quyền tin mấy tôi » (2).

Mục đích của cụ Phan sang Pháp, như đã nói, là tiếp tục con đường đề kháng Pháp trong tinh thần bất bạo động, tranh đấu cho các đồng chí bị giam cầm ở ngục Côn-lôn được phóng thích, lên án chính sách chuyên chế của thực dân ở Việt Nam cũng như sự tàn ác của bọn quan lại Nam triều. Vì thế, vừa đến Pháp cụ đã thảo ngay bản cáo trạng « Trung kỳ dân biến thi mật ký » để đưa ra những đòi hỏi chính đáng của mình. Bản này cụ Phan viết bằng chữ Nho rồi tự dịch ra tiếng Việt để Roux có thể dịch ra tiếng Pháp (3).

(1) Thư 25-5-1911

(2) Thư 5-4-1912

(3) Chúng tôi sẽ trình bày đầy đủ vấn đề này trong bài « góp tài liệu về quyền Trung kì dân biến thi mật ký ».



Roux làm công tác này hết sức nhiệt thành. Tất nhiên công việc này đã được sự đồng ý của Thượng thư thuộc địa nhưng cũng chính vì Roux muốn chia xẻ với cụ Phan những oan ức của con người bị áp bức. Roux và cụ Phan làm việc đêm ngày để hoàn tất bản dịch hầu có thể trình cho Albert Sarraut lúc đó sắp sửa qua Đông-Dương nhậm chức Toàn quyền. Sarraut hứa xét lại bản án. Sau này nhận biết Sarraut chỉ hứa hão, Roux rất buồn, còn cụ Phan thì phẫn nộ. Cụ quyết định tranh đấu đến cùng. Thấy sự vận động của Roux không đem lại kết quả, cụ Phan bèn quay sang nhờ Pressensé lên tiếng. Phan Châu Trinh muốn đưa bản dịch của Roux cho Pressensé sử dụng. Cụ hỏi ý kiến Roux. Lập tức Roux từ chối: «Giả như các bài tôi dịch ra tiếng Tây tôi đưa cho ông nào để về sau ông ấy trách đến nhà nước hay đến quan Toàn quyền thì chắc là một cái sự tôi không nên làm» (1). Roux muốn cụ Phan nhờ người khác dịch lại một bản khác để dùng, vì Roux từ chối không trao bản dịch vì Roux được ủy nhiệm dịch đề trình riêng cho Toàn quyền Đông Dương và Thượng-thư Thuộc địa. Nhà cầm quyền Pháp không muốn dư luận chú ý đến vấn đề đó. Roux là một viên chức, Roux không muốn vượt qua nguyên tắc hành chánh. Roux cũng không muốn trái nguyên tắc để liên lụy đến gia đình. Roux đã viết cho cụ Phan: «Tôi một mình ở thế gian này tôi không sợ gì sốt, nhưng

mà tôi có vợ, tôi có bốn đứa con, tôi phải giùm giúp ở trong đời» (1). Lời của Roux rất thành thật, việc này cũng cho ta thấy rõ được giới hạn của Roux trong sự giao thiệp với cụ Phan. Dẫn chứng bổ túc sau đây cho thấy rõ thêm tính thẳng thắn và tự trọng của Roux. Năm 1917 Roux có viết một bài điều văn nhân dịp một người Việt Nam qua đời. Roux cho ấn hành bài đó để bán lấy tiền giúp cô nhi và quả phụ Việt Nam tại Pháp. Roux muốn đưa cụ Phan đọc trước nhưng đã gạt bỏ dự tính này: «Khi tôi làm cái bài viếng này xong rồi tôi muốn gửi cái bài đó cho em mà xem nhưng mà một phần tôi chắc trong cái bài đó câu ngược và không hoạt thì nhiều mà phần khác tôi không muốn một người annam sửa lại sợ người ta nói rằng ông quan tư Roux tiếng An Nam cũng biết khá nhưng mà khi cần nói cái gì quan hệ ít nhiều đề người annam nghe rõ thì ông tư đó nhờ một người annam hay chữ» (2). Tính Roux bộc trực như thế nên rất hợp với cụ Phan. Giao tình giữa hai người càng ngày càng đậm. Và càng sống gần cụ Phan chừng nào dường như Roux càng bị cụ cảm hóa chừng đó. Điều này cũng chẳng lạ gì, cho dầu đứng dưới chiêu bài nào người Pháp cũng là kẻ xâm lược Việt Nam. Cụ Phan có đủ chính nghĩa để thuyết phục những ai còn biết trọng lẽ công

(1) Thư ngày 5-4-1912.

(2) Thư ngày 18-3-1917



bình. Roux là một trong thiểu số người Pháp tương đối tiến bộ đó. Roux sẽ dần dần vượt qua những bước thận trọng buổi ban đầu. Năm 1913 ta thấy ông mạnh dạn hơn, hăng hái hơn. Roux đưa một ký giả của báo Le Journal đến phỏng vấn cụ Phan Châu Trinh về tình hình Đông Dương. Roux đã viết về hành động của mình : «Tôi dám ăn ở như vậy vì tôi tưởng rằng tình thế Đông Dương hiện bây giờ hiểm nghèo quá, các người Tây yêu mến nước mình và lại yêu mến nước Annam hiện bây giờ bồn phận là nói thật đề về sau xứ thuộc địa Đông Dương khỏi sự thiệt hại càng nhiều hơn trước». (1). Tư tưởng Roux tuy chưa dứt khoát vì còn có ý niệm muốn bảo vệ quyền lợi thuộc địa nhưng dầu sao nó cũng đã được xây dựng trên tinh thần hợp tác nhân đạo. Roux rồi cũng sẽ chống lại những hành vi bất chính của bọn Tây thuộc địa chỉ biết bóc lột và đàn áp nhất là vụ án năm 1915, bấy giờ cụ Phan bị vu khống trắng trợn là gián điệp cho Đức và bị tổng giam ở ngục Santé. Roux và Marius Moutet cực lực bênh vực cho, cụ mới được thả ra. Từ đó, Roux càng vì cụ Phan mà dẫn thân tranh đấu với bọn quan lại ở Bộ Thuộc-địa ngày một quyết liệt hơn. Trong vòng sáu năm qua lại với cụ Phan, thái độ của Roux đã thay đổi nhiều. Ta không còn thấy cái giọng ngần ngại giữ miếng của Roux đối với chính phủ của ông mà tinh thần những bức thư năm 1912 đã biểu lộ. Năm 1917 Roux có giọng khác hẳn, hăng hái hơn, hùng hồ hơn, nhiệt thành hơn : «Dầu tôi cũng biết

là làm thế thời người thuộc địa nó ghét tôi nữa. Mà tôi không cần. Lẽ nào tôi lại bỏ một người anh em bạn thân thiết của tôi sao. Ở thuộc địa Thượng thư người ta cho ông Phan Châu Trinh là «người bạo nghịch». Người ta lại nói tôi là theo ý ông ấy mà chống cự lại nước mình. Bây giờ tui ghét chúng ta nó như điên...» (2)

Sự thay đổi thái độ của Roux là một minh chứng cho chúng ta thấy tài lãnh đạo và khả năng vận động của cụ Phan. Chiến đấu tự trong lòng địch, cụ đã khôn khéo tìm được những đồng minh liên hiệp hỗ trợ tích cực cho lập trường tranh đấu của cụ. Càng gần cụ, Roux càng thấy chính nghĩa Việt-Nam sáng tỏ, bộ mặt thật của bọn Tây thuộc địa càng phơi bày trắng trợn.

Khi hai cha con cụ Phan sang Pháp, chính phủ thuộc địa có cấp mỗi tháng 450 quan đề làm số phí. Pháp định lung lạc, mua chuộc cụ nhưng chí khí can cường của cụ dễ nào chịu khuất phục được. Bọn quan lại thuộc địa đề tâm thù ghét, tìm cách hãm hại cụ. Nhất là sau vụ Santé thất bại trong thủ đoạn vu khống, bọn Tây thuộc địa bèn triệt đường lương, không trợ cấp cho cụ nữa. Từ đó, đời sống của cụ thật chật vật. Cụ phải học thêm nghề thợ ảnh để sinh nhai. Làm việc nhiều, ăn uống lại thiếu thốn, cụ mang bệnh nặng. Tháng

(1) Thư ngày 1-5-1913

(2) Thư Roux gửi Victor Bash do Phan Châu Dật dịch ngày 18-4-1917 đề cụ Phan xem.



ba, năm 1917 cụ phải vào nhà thương nằm hơn hai tháng. Thời gian này cụ ít liên lạc thư từ với Roux: « Trong ý tôi tưởng không được tin của em đã lâu nay và cũng đã lâu tôi không viết một cái thư gì cho em » (1). Mặc dầu thế nhưng khi nhận được thư của Phan Châu Dật tường trình bệnh tình cùng cảnh ngộ của cụ Phan đồng thời thỉnh ý Roux về dự tính đi làm đê nuôi cha, tức thì Roux mở ngay cuộc vận động bạn bè giúp đỡ cụ Phan. Cử chỉ của Roux thật sốt sắng và thật là cảm động. Tất nhiên cụ Phan sẽ không bao giờ nhận sự giúp đỡ này vì cụ muốn tự lực mưu sinh như cụ từng chủ trương: « Đừng bao giờ trông ở người ». Dầu sao hành động đó cũng nói lên được tấm lòng ưu ái của Roux đối với cụ Phan, hành động đó cũng đã cho ta thấy rõ sự thay đổi trong thái độ của Roux về một chiều hướng có lợi cho cụ Phan hơn. Nhận xét hành động của Roux, Phan Châu Dật trong một bức thư gửi cụ Phan đã bảo là « dữ tợn quá »: « Ông tư Roux kỹ quá, việc nguy hiểm chưa gì mà ông đã lo trước lo sau, biên thư cho người này người kia giữ tợn quá. Ông đã biên một cái thư thiết giải cho ông Bash, còn ông sắm sửa biên thêm vài cái dài thế nữa cho ông Farjenel, ông Charles Gide, ông Brioux, ông Noujens, ông Guernat, ông Emile Fabre, ông Fréd Buisson là mấy ông Xã hội hết. Ý ông quan tư Roux là muốn biên thư cho hết cả mấy ông ấy cậy các ông hội lại, làm sao cho cậu (tức cụ Phan) lại cái số tiền nhà nước cho

khi trước. Ấy đấy tánh ông tư Roux nóng nảy lắm không biết có được gì không, mà lại gây thêm thù oán nữa » (2). Roux đã viết những gì? Để rõ hơn tình cảm nồng nhiệt của Roux đối với người bạn thiết nghĩa chúng ta thử theo dõi một đoạn trong thư Roux gửi Victor Bash:

« Tôi nghĩ rằng ông cũng đã quen biết tôi và tôi cũng đã quen biết bà Bash và ông Marius Moutet cho nên tôi biên ngay cho ông cái thư này, để cho ông biết cái sự khốn nạn của một tài sĩ Annam. Như mà nhà nước không muốn cho ông đó phải chết đói mà làm xấu cho nước Tây, thời nhà nước phải lo liệu mà giúp cho ông ấy. Ông này là người đáng khen mà đã chín năm nay mắc người thuộc địa làm hại.

« Đó là tôi muốn nói ông thân sĩ Phan Châu Trinh đau ở tại nhà thương Cochin sắm sửa ra mà không có tiền...

« Mấy cái người cao lớn (như các ông) mà đã có chí bỏ danh lợi riêng mình mà theo danh lợi chung thời phải ra sức giúp một ông bị tai nạn mà người (Tây) thuộc địa đã dối trá nhiều lần. Như ngó bộ tôi thấy đấy, thời các ông giúp hay không, đúng là sống chết cho người ấy.....

« Để tôi nói lại cho các ông biết rõ cái việc khốn nạn của ông Phan Châu Trinh, là người tài năng mà nhà

(1) Thư 18-3-1917

(2) Thư Phan Châu Dật gửi cho cha ngày 18-4-1917.



nước đã cho qua bên này, với con ông năm 1911, và lại bây giờ nhà nước tí nữa bỏ chết ở nhà thương.

« Đó là một việc quan hệ lắm. Tùy theo cách xử trí bây giờ thế nào thì sau lợi hại cho nước Annam đó. Tôi xin ông phải nghĩ lấy. Không kè là như mà bây giờ chúng ta lo liệu đến, thời chúng ta thật là người tàn nhẫn nhứt.

« Ông cũng biết là khi ông Phan Châu Trinh qua bên Tây này nhà nước có cho một số tiền mỗi một tháng. Bây giờ nhà nước đã lấy lại số tiền đó vì ông không chịu lộn về bên Annam, biết rằng về bên đó thời muôn sự cực khổ nó tới cho ông (1) Khi đó tôi và ông Moutet cũng nghĩ như vậy.

« Cách ăn ở đó là xấu xa thật. (2) »

Về phương diện tình cảm, Roux thật là người bạn thiết của Phan Châu Trinh. Chỉ trong một thời gian ngắn sau những lần gặp gỡ vì công vụ Roux đã đề tình cảm tiến rất nhanh. Từ tình bạn chẳng mấy chốc đã đổi sang tình anh em: « Anh mấy em bây giờ như hai người bình đẳng là như hai người bạn hữu thật » (3) Tình cảm đó đôi khi được Roux bộc lộ một cách hết sức chân thành: « qua tức mình không biết tiếng Annam cho đủ để tỏ ra các tính ở trong bụng mình về việc đó như tôi nói được bằng tiếng Tây. Dầu thế là em có một điều vững chắc là qua yêu mến em như anh em ruột yêu mến nhau. Đừng nói thêm mà biết làm gì » (4). Những tình cảm Roux tỏ bày với Phan Châu

Trinh không phải là những tình cảm giả dối, những tình cảm dàn cảnh của tên mật vụ đề nhằm theo dõi Phan Châu Trinh. Đây là những tình cảm thật sự phát xuất từ một tâm hồn ngay thẳng. Tinh Roux cũng giống như tinh Phan Châu Trinh, cả hai đều thích nói thẳng. Roux luôn nhấn mạnh điều này: « Một sự quan hệ là tôi muốn em được chắc cái tính nết của tôi ăn ở mấy (với) em là phải, là thẳng bởi tại thiết nghĩa, bởi tại sự yêu mến tôi mấy em » (5). « Sự quan hệ nhất là tính nết hai anh em ta là thẳng » (5).

Tình cảm Roux đối với Phan Châu Trinh ào ạt như vậy nhưng ngược lại cụ Phan thì rất dè chừng. Vì đối với Roux, tuy là người của Hội Nhân quyền, tuy là người đã từng giúp Phan Châu Trinh khỏi vòng tù tội, nhưng Roux chỉ đến với cụ Phan trong tư thế một người liên lạc theo chỉ thị của Thượng thư Thuộc địa. Tất nhiên với một người đang lo cho vận nước hơn là lo cho thân mình cụ Phan phải có những hành động thật dè dặt. Như việc đề Dật trong nhà Roux cụ Phan cũng ngại tiếng thị phi (6) Ý định nhờ Prèssensé vận động chống vụ án 1908 thay thế Roux cũng cho ta thấy cụ rất e dè đối với Roux. Mãi về sau hiệu Roux

(1) Chữ « cực khổ » ở đây có nghĩa là bị bọn Tây thuộc địa « làm thịt ».

(2) Thư Roux gởi Victor Bash 18-4-1917.

(3) Thư 20-7-1911. (4) Thư 3-8-1911

(5) Thư 5-4-1912.

(6) Thư 23-7-1912.



nhiều cụ mới có giao tình thân mật và xem Roux như người anh. Trong bức thư viết khoảng năm 1917 Roux có nhắc lại thái độ cụ Phan buổi ban đầu.

« Trong cái thư em gửi cho tôi thì em nói mấy tôi về một cái sự nhắc lại cho việc hóa ra năm 1911 tại ga xe lửa St. Lazare tôi cũng không quên.

« Em nói rằng : « Lúc ấy khi chúng ta ở Houlgate về Paris thì tôi bạo (1) em đề hai cha con với anh Đầu phải đi ở trong nhà bà đầm Melon nhưng em trả lời em chưa biết nhà đó là thế nào, em nên đi xem trước thì về sau mới đi. » em cũng viết thêm lúc ấy thì tôi cũng không bằng lòng... ấy cũng... một cái sự tôi sợ không em hiểu cái... làm sao tôi không bằng lòng. Tôi không bằng lòng một lúc bởi vì tôi thấy em ăn ở như vậy mấy tôi là tại sự nghi ngờ của em đến tôi mà chỉ tìm cái cách để em thỏa mãn lòng của em mà thôi, và cũng tìm một cái nhà để cho em được tự do.

« Tôi tìm đi tìm lại một cái chỗ ở như thế cho em và được rồi mà về sau tôi thấy em không tin tôi về việc đó như tôi tin em về việc gì thì tôi bỏ lo liệu về việc ấy mà nói giận mấy em rằng : « em muốn đi ở nơi nào thì đi. »

« Lúc ấy tôi đã yêu mến em như ruột mà em chưa biết tính nết tôi là như thế nào bởi thế cho nên cũng tại tính em thì em ăn ở như vậy về sau tôi hiểu rõ làm sao, thì thôi ấy là tại tính của em là như thế. » (2)

Không những Roux thương Phan Châu Trinh như em mà cả quyến thuộc cũng thế. Trong một buổi tiệc mừng Roux lên Quan Tư họ đã cho mời cha con Phan Châu Trinh: « Chúng ta định rằng chiều đó chỉ có người họ, nghĩa là bà con hợp mấy nhau mà thôi, mà chơi, nhưng mà trong nhà tôi ai ai cũng lấy em mấy thằng Dật làm bà con thật, bởi thế cho nên em mấy Dật có thể xoi cơm mấy chúng tôi » (3).

Thật thế, Roux thương Dật như con trai đem Dật về ở tại nhà mình mặc dầu nhà ông không thích người lạ, bà vợ ông lại hay đau ốm : « Người Tây nào xin ở nhà tôi thì tôi không nhận nhưng mà thằng Dật tôi lấy làm một đứa giai thứ tư. Em nghĩ đi nghĩ lại cho đủ thì em về nhà tôi mà định thằng Dật ở buồng nào và cách ăn ở thế nào vân vân. Nhưng mà thằng kia có một điều phải biết là tôi yêu mến nó nhiều nhưng tôi cũng nghiêm lắm. » (4)

Roux khuyến khích con trai là André Roux vẽ ảnh Phan Châu Trinh đăng trên nhật báo L'Astré tháng 2 năm 1913.

Khi nghe tin cụ Phan Châu Trinh qua đời, Roux đã làm một bài điệu văn thật cảm động. Ngoài ra Roux

(1) Trong thư Roux vòng chữ này và ở đậm dấu nặng ý chỉ cho cụ Phan thấy cụ viết sai.

(2) Thư mất những tờ đầu, có lẽ vào khoảng tháng 3.1917.

(3) Thư 28-3-1913.

(4) Thư 17-9-1912



cũng đã có dự tính viết một cuốn sách về đời cụ Phan. Về việc này Roux có thông báo cho Ông Bà Lê Ấm, rề và con gái cụ Phan Châu Trinh, bảo sẽ hoàn tất trong vòng hai năm. Sách đó có được xuất bản hay không cho đến nay vẫn chưa ai tìm thấy dấu tích của nó.

Suốt mười bốn năm trời giao thiệp với Phan Châu Trinh, Roux đã chứng tỏ một tình bạn chân thành, một sự liên-hiệp bình-đẳng giữa hai cá nhân giàu nhân-loại-tính mà cũng đầy quốc-gia tính.

Họ gặp nhau một cách kỳ diệu.

Cả hai đều yêu chuộng tự do, công bình, thẳng tính và phân minh.


Roux chính là Huỳnh Thúc Kháng bên cạnh nhà Cách-mạng Phan Châu Trinh tại Pháp. Cả hai đều là bạn cố tri của cụ Phan: Muốn tìm hiểu hoạt động của lãnh tụ Phong trào Duy Tân tại Việt-Nam chúng ta phải gõ cửa nhà sử gia của Phong trào : cụ Huỳnh Thúc Kháng. Cũng thế, muốn tìm hiểu hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp, chúng ta không thể nào không tìm đến Jules Roux, người bạn thiết nghĩa không đồng quốc gia của cụ.

NGUYỄN THIẾU DŨNG

*Công thức mới  
Thuốc mới*

# hemocalcium B12

VI, SUY YẾU - CHẬM LỚN  
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



**hemocalcium B12**

có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu nhưm sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

**S**  
SIPAPP SINGON

*Công thức môn  
thuốc mới :*

## HĒMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN  
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu nhưm sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.



\* Chúng ta có một chữ kỳ dị. Đó là chữ «*thống khoái*». Tại sao đã đau đớn (*thống*) lại còn khoái?

\* Tuy nhiên *thống khoái* đúng là cái cảm tưởng khi đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đọc *Le Pavillon des Cancéreux* của A. Soljenitsyne.. cũng như đọc **CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI** của Nguyễn Xuân Quang. Nghĩa là khi đối diện với những đau khổ cùng cực của kiếp người, hoặc dồn dập trên đám trẻ con Do-thái, hoặc trên một cô gái long đong, hoặc trên đám tù nhân dưới chế độ độc tài, hoặc trên những cơn bệnh hiểm nghèo ..

\* Tại sao những cảnh thê thảm ấy làm ta say mê? Phải chăng con người có cái tâm lý mâu thuẫn lạ lùng là *khoái* biết đến cùng những gì *đau đớn* nhất có thể xảy đến cho con người? Muốn rõ hơn nên tìm đọc:

## **CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI**

*của Nguyễn Xuân Quang*

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

**( S. O. A. E. O. )**

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tô (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE  
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION  
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



**CAPSTAN** điều dài đầu lọc  
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích  
hương-vị hảo-hạng  
của

**CAPSTAN**

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

**CAPSTAN** điều dài đầu lọc

**THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN**

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)  
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



# Đông-dương chính-trị-luận

## *một di cảo chưa được công bố của*

### *Phan Châu Trinh*

**Lời dịch giả.**— Phan Châu Trinh trước sau vẫn chủ trương «Pháp Việt đề huề», «Ý Pháp tự trị» cho nên đường lối tranh đấu của tiên sinh là công khai và bất bạo động. Song song với công việc cổ xúy Duy tân như bài xích từ chương khoa cử, bài xích hủ tục, lập hội rộng, hội thương, hội tầm tợ, lập trường học dạy theo lối mới, Phan Châu Trinh không ngừng tranh đấu với thực dân Pháp đòi hỏi quyền sống dân tộc, lột trần mặt nạ, bọn tham quan ô lại Nam triều cùng chính sách cai trị bạo ngược của người Pháp tại Đông-Dương.

Qua «Đầu Pháp Chính Phủ Thư», Phan Châu Trinh đã phô bày những tệ trạng của quan lại Nam triều và chính sách cai trị tàn bạo của thực dân với ước vọng chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương không còn hà khắc mà thực sự khai hóa dân ta. Nhưng những lời kêu gào ấy đã vô hiệu người Pháp vẫn thản nhiên hút cạn máu mỡ dân ta, cố tình dập tắt những yêu sách chính đáng. Quả thế, Phan Châu Trinh, linh hồn của Phong trào Duy tân, cùng các đồng chí, người bị chém kẻ bị đày sau vụ xin xâu chống thuế khởi phát ở Quảng-Nam tháng 4 năm 1908.

Năm 1911, Phan Châu Trinh được trả tự do, từ nhà tù Côn-lôn trở về Sài-gòn nhờ sự can thiệp của Hội Nhân-quyền Pháp. Tiếp tục con đường đấu tranh công khai đòi lại dân quyền cho dân tộc, ông đã sang tận Pháp quốc, tranh đấu cho dân quyền Việt-Nam. Tại đất Pháp, Phan Châu Trinh đã viết bản «Đông-Dương chính-trị-luận» bằng Hán văn (1), nội dung trình bày những tệ chính cùng những tệ trạng tại Đông-Dương đang do Chính phủ Pháp bảo hộ dưới chiêu bài khai hóa, đề cho những người Pháp công bình bác ái thấy rõ mà bênh vực cho dân tộc khốn khổ này.

Chiêu bài khai hóa không thể che lấp được dã tâm của người Pháp. Người Việt nào còn chút lương tri lại chẳng căm thù uất hận thực dân và bọn phản quốc làm tay sai khi đọc qua «Đông-Dương chính-trị-luận» của Phan Châu Trinh. Tuy sở học còn nông cạn, vốn liếng Hán học chẳng có là bao nhưng nhờ sự chỉ giáo của quý vị túc nho và nhờ sự hợp tác của anh bạn

(1) Lúc sang Pháp Ông chưa biết tiếng Pháp, nên viết chữ Hán rồi nhờ dịch lại. Ngay cả việc giao thiệp với các nhân vật trong Hội Nhân-quyền Pháp như Jules Roux, Marius Moutet ông đều nhờ con ông là Phan Châu Dật làm thông dịch.



Trương Xuân Phạm Liễu, chúng tôi đã dịch xong hai bản di cảo « Đông Dương chính-trị-luận » và « Pháp-Việt liên-hiệp hậu chi tân Việt-Nam. » Chúng tôi xin trích đăng sau đây vài đoạn trong « Đông-Dương chính-trị-luận » (1) để độc giả thấy rõ một số tệ chính và tệ trạng xã hội Việt-Nam thời Pháp thuộc, và độc giả có thêm những tài liệu nghiên cứu, phê bình về Phan Châu Trinh.

## Đông-Dương chính-trị-luận

**Cách dùng người :** Họa phúc của nhân dân là cốt nguồn ở chính sách cai trị mà cái hay, hay dở của chính sách cai trị là giềng mối ở chỗ cách dùng người, chính sách cai trị nếu nhằm mục đích vì nước, lợi dân thì hạnh phúc bắt đầu thấy được là do cách dùng người phải công bằng.

Cách dùng người công bằng thì tài trí hiệu lực, mọi việc sẽ được phát huy. Do đó chính sách cai trị sẽ không trở nên bất lương. Nếu chính sách cai trị mà chớm thấy vì tư lợi cá nhân thì cách dùng người sẽ bất công, thì tham nhũng trắng trợn, kị cương rối loạn. Tuyền thêm một ông quan thì thêm cái hại của một ông quan. Đưa ra một chính sách sẽ thêm cái bê bối của một chính sách. Dùng pháp luật mà thứ pháp luật đó là một mớ «ngôn từ» để hại người mà thôi. Nói về giáo dục mà lại thứ giáo dục gây thêm mối manh của oán hận, nói về tài chánh là bắt nguồn ở sự lạm dụng mà sự lạm dụng đó có thì đương nhiên phải tăng thuế khóa. Sự thưởng phạt phát xuất nơi lòng tư vị thì người ta sẽ không làm tròn nhiệm vụ (vì bất mãn) sẽ không bao giờ bỏ được

chính sách cai trị bê bối hại dân dù có phương pháp tốt lập tức, ý hướng đẹp đến đâu cũng chẳng khác gì cái cạm bẫy xảo trá thâm độc vậy.

Xét đoán tất cả sự kiện vừa kể trên đều là chính sách của chính giới Đông Dương hiện nay không cần tìm hiểu cũng có thể biết một cách hiển nhiên vậy.

**Cái bê bối của chính sách dùng người :** Từ xưa đến nay chính sách cai trị của người Pháp ở Đông Dương họ không để ý lắm nhất là việc dùng người và thêm quan. Việc làm này không ngoài cái địa vị của một vài người. Địa vị của cá nhân mỗi lần không thay đổi thì chính quyền sẽ đưa thêm người vào (thêm bộ hạ). Cá nhân ai lại chẳng muốn lựa chỗ tốt để hưởng quyền lợi thì đương nhiên người mới càng đông (mỗi lần thêm bộ hạ) do đó mà phải tăng thêm nhân viên và tăng thêm số làm, bịa thêm nhiều việc thì dĩ nhiên thêm nhiều chuyện nhiều hại nhân dân. Một sở có thể chỉ cần vài người làm mà lại tăng tới mười mấy người. Một việc chỉ cần có một sở làm lại tăng thêm ba bốn sở.

(1) Để thấy rõ toàn diện sinh hoạt xã hội ở Đông Dương dưới thời Pháp thuộc, xin quý vị độc giả đón đọc « Đông-Dương chính-trị-luận » của Tây Hồ Phan Châu Trinh do Nguyễn Văn Tường và Phạm Liễu chú dịch, có đầy đủ phần Hán văn để đối chiếu, nhà xuất bản Trí Đăng ấn hành.



Đã tăng rồi cứ tăng thêm. Đã thiết lập rồi lại thiết lập nữa, do đó máu mỡ của nhân dân khô cạn dần.

**Sự lạm dụng trong việc thiết lập quan Ti thương chính :** Thương chính ở Đông Dương kể cả : Bắc kì, Trung kì, Nam kì, Cao-miên và Ai-lao tất cả 5 nơi đều có tổng cục. Dưới tổng cục lại có nhiều phân cục. Tỉnh nhỏ thì 5, 3 sở. Tỉnh lớn thì hơn 10 sở. Mười năm trước đây lại thiết lập thêm Tổng cục Thương chính Đông Dương. Ti lục lộ cũng thế, Bắc, Trung, Nam kì, Ai-lao và Cao-miên đều có tổng cục lại còn tăng thêm Tổng cục lục lộ ở Đông-Dương nữa.

Sở Canh nông, Sở Bách công, Bắc Trung, Nam kì, Ai-lao, Cao-miên đều có một tổng cục, trong Tổng cục lại có nhiều phân cục lại còn lập thêm Tổng cục canh nông Đông Dương nữa. Kề ra việc này là việc cần thiết xây dựng Quốc gia nên không thể không có. Tuy nhiên lập các Ti, Cục để làm việc (qui ở phẩm) chứ không phải đợi có nhiều cục, nhiều người mới làm việc được.

Nay rườm rà như thế thật không đáng kinh quái hay sao ? Huống gì một cục có thể chỉ cần một vài người làm mà lại tăng lên tới năm, sáu hoặc mười mấy người. Một việc có thể một vài cục là đủ rồi mà lại tăng lên 4, 5 cục (thật là một tai nạn hành chánh). Vì thế nhiều khi không có việc làm chỉ ngồi đó lo giấy tờ hoặc là đưa người thân tín vào ngồi chơi Hằng năm tốn cả triệu bạc. Tài chính vì thế thử hỏi làm sao không hao hụt cho được ? Thuế má làm sao

không tăng ? Đời sống nhân dân làm sao mà không khốn khổ được. Nhưng nếu dùng đúng người, người đó làm tròn bản chức thì dù có một ít lợi cho Quốc dân thì dầu Quốc dân có chịu cực khổ nhất thời để mà gánh vác tài chính, cung cấp cho những người làm việc đó, còn có thể chấp nhận được, còn hơn là không có lợi cho dân mà người đó hưởng quyền lợi. Sở dĩ có những tệ hại như thế rõ ràng là bọn quan trường đã dùng mồ hôi nước mắt của dân tộc liệt bại này (Việt-Nam) để dâng cho dân tộc ưu thắng (Pháp). Cái hy sinh của dân tộc Việt-Nam là việc đương nhiên vậy.

Nay bỗng nhiên thiết lập thêm một «Cuộc» thì phí tổn lại tăng thêm. Tuyển thêm một quan thị tăng thêm sự tệ hại. Lợi ích đâu chưa thấy mà cái họa, cái hại đã sinh quá nhiều, nào sách nhiễu, nào gian lận, nào dối trá. Tùy theo việc, đôi khi người dân ở dưới không biết tố cáo thì quan trên cũng giả điếc.

Phàm có người nào còn chút lương tri nói đến đây đều rợn tóc gáy vậy.

**Cái tệ của Thương chính cục :** Phân cục Thương chính đã nhiều lại dùng người không biết việc. Hễ gặp ghe thuyền của dân qua các thủy đạo thì sách nhiễu đòi hỏi đủ điều. Mấy chiếc thuyền chở nào muối, gạo, thóc, thuốc lá, thò sản khi qua lại. Mỗi chủ thuyền phải hối lộ cho quan thương chính ít nhất 2,3 đồng bạc thì họ kiểm soát ngay và cho đi. Bằng không thì mượn cớ giữ lại thẻ chủ quyền và hóa đơn hàng hóa



nói là đề tiện việc kiểm soát hoặc đôi lúc nói nhân viên đi khỏi, hoặc nói vì nhiều việc quá, hãy đợi đã hoặc gọi thuyền đến bến gần sẽ đỗ lại. Nếu rủi ro gặp ngày chủ nhật thì ít nhất đề trễ mấy ngày mới cho đi. Tiền chuyên chở công phu họ đâu cần biết, chính các nhân viên thương chính cố tình tạt nước làm cho ướt hàng hóa đề trọng lượng không phù hợp với hóa đơn, do đó họ bảo thuyền này gian lận, thuyền kia bất hợp pháp chẳng hạn.

Dân Việt-Nam sợ quan như sợ cọp với quan Tây họ còn sợ hơn nữa, có ai mà dám cãi họ đâu? Nếu nói tại sao không kiện lên tòa thẩm phán thì thử nghĩ phí tổn đệ đơn lại gấp đôi số tiền trị giá hàng hóa, thêm vào đó thời gian kiện tụng có thể kéo dài vài tháng, phải trái chưa phân, mà phí tổn đã gấp mười. Huống chi quan Pháp từ xưa đến giờ bất kể là việc gì hễ ra tòa thì họ đều cố tình bênh vực cho người Pháp dù có kiện thì dân Việt Nam cũng không bao giờ thắng cả, mà cho họa hoằn có thắng đi nữa cũng không được bồi thường. Người buôn bán phần nhiều là hạn trung lưu, ai dám đi tranh hơn thua để chịu thiệt thòi, vì thế buộc lòng họ phải đem ra 2,3 đồng đề lo lót cho bọn quan thương chính cho êm chuyện. Cái tệ hại này nay đã thành thói quen nào có khác chi cái lương ngoại lệ của nhân viên thương chính từ lâu rồi vậy.

Còn sở tửu chính ở Đông-Dương buộc dân phải mua rượu, mà uống

rượu nhiều thì hại dân biết mấy? Việc này ở Bắc kì hơn cả, ở Trung kì chỉ mấy tỉnh Thanh Nghệ là chịu thiệt hại mà thôi. Cái tệ chính về rượu này dù bất cứ người Pháp nào ở Đông-Dương cũng biết cả, khỏi cần nhiều lời. Cái tệ hại này chẳng những là do các quan thương chính mà phải nói chung là cái tệ của các quan cai trị. Bởi vì, thật ra quan Thương chính không có quyền dính dáng nhiều với dân sự chỉ có các quan cai trị với các tay bao thầu rượu thông đồng với nhau để hại dân lành. Còn một việc cần nói là khắp cả ba kì nhân viên thương chính thường hay đột nhập nhà dân bất hợp pháp để kiểm soát rượu lậu thì chỉ có việc đập phá đồ đạc của chủ nhà cho sượng tay.

Việc chế rượu do thương chính kiểm soát không đúng độ nên rượu đó để lâu ngày bị nhạt đi, do đó đem rượu này để ngâm thuốc bắc cũng không ra gì? Đến khi nhân viên Thương chính đi kiểm soát lại rượu không đúng độ đó họ bảo đây là rượu lậu vì thế người buôn bán rượu bị oan không biết bao nhiêu mà kể. Lại nữa, rượu của nhà thầu có khá nhiều chất độc vì nhà thầu chỉ cần lợi chứ không kể gì đến sức khỏe của dân thêm vào đó, giá rượu quá cao, dân chúng uống ít, nên Thương chính phải thông đồng với quan cai trị địa phương dựa theo dân số của mỗi xã/ mỗi một làng, để phân phối và ép buộc dân chúng phải mua nạp tiền



cho Lý Trường và Lý trưởng mang tiền đến Thương chính để đưa rượu về chia lại cho dân làng. Có lẽ vì thế mà dân nghèo không bằng lòng lắm vì lẽ rượu của Thương chính dở, nhiều chất độc, nồng hơi vôi, vì thế mùi rượu cay, nóng không bằng rượu của người Việt tự nấu lấy, do đó không thể nào tránh khỏi nạn rượu lậu. Nhưng rượu lậu lại bị phạt quá nặng, nếu có ai rủi ro bị bắt là bị phá sản lập tức, thậm chí còn bị đày khổ sai, từ đó người cùng đinh chỉ còn hơi thở tàn thoi thóp vì thế họ chỉ còn cách phải trộm cướp vì lẽ vợ khóc con than, âu đó cũng là hành động bất đắc dĩ vậy.

Nhân viên Thương chính đã biết rõ số phận lớp dân nghèo này, cùng túng đến nỗi không còn cách thở than nữa, nếu có tróc nã được cũng chả làm gì? cũng chả lợi lộc nào? vì thế nhân viên Thương chính đã tung người mang những hũ bình đựng rượu lậu ném vào các gia đình giàu có để vu oan giá họa cho họ, mong mỗi kiếm được chút ít tiền phạt hoặc cầm tù họ.

Thêm vào đấy kẻ ngu dân Việt-Nam vì quá dốt nát không biết rằng có một số ít người dòm ngó xoay trở mưu đồ báo oán, cam làm bọn mật thám để thỏa lòng oán giận, vì thế cho nên cả đến gà chó của nhân dân trong ba kì cũng không yên ổn.

Dân làng chịu không nổi sự quấy rầy đó mới nổi lên tranh biện nhau đả thương đến chết, nhẹ thì bị thương, nếu có kiện đến quan người Pháp thì mười việc chưa chắc được một

việc thắng, mà nếu có thắng được thì bất quá khỏi phạt là cùng còn phí tổn về việc kiện thưa, tiền ăn uống lúc chờ đợi cứu xét, tiền cho Luật sư, phí tổn không biết bao nhiêu mà kể. Một lần vu oan hãm họa cho người láng giềng đến khi được trả tự do trở về quê thì cửa nhà đã tan nát, thân hình bị đánh đập đến trầy da sứt trán. Tệ hại này mấy chục năm nay đã gây hại cho dân Việt khắp cả ba kì nhưng những sự kiện vừa kể đều bị các quan người Pháp che lấp lâu ngày nên khó mà minh chứng cho hết. Nay thử trích một việc có đủ chứng cứ hùng hồn nhất mà mọi người đều biết để cho người Pháp phê phán. «Việc này đều có nhật ký chứng thật nhưng lúc bị bắt đã bị thất lạc, người Pháp nếu không tin thì khi nào về nước sẽ soạn lại tập khác để chứng tỏ rằng đây không phải là việc bịa đặt.» Mấy năm trước nhân viên Thương chính ở hạt Gia-Định ban ngày tự tiện đột nhập nhà dân để kiểm soát tình hình. Hương chức trong xã nghe tin đến hỏi thì bị người Pháp bắn chết một người và bị thương một người nữa. Việc này có kiện đến tòa án, quan Thẩm phán bênh vực người Pháp hỏi qua loa rồi thả ra. Việc này các nhà báo Pháp ở Đông-Dương đều tranh luận nhau sôi nổi, một ít người Pháp nào ở Đông-Dương còn chút ít lương tri và óc công bằng đều lấy làm phẫn nộ và bất bình. Việc bắn chết và làm bị thương người quá lẽ như thế, sự thật đã rõ ràng nên quan cai trị khó bề bùng tai bịt mắt thiên hạ nên đưa vài trăm bạc cho các nạn



nhân đó đề cho xong chuyện. Nhưng việc này đã phát sinh ở Gia-Định vì mà nơi đó có nhiều kẻ biết chuyện nên không thể nào che lấp được vì thế nạn nhân mới được một ít tiền bồi thường. Nếu ở những hạt xa xôi hay ở các tỉnh miền Trung kì hoặc Bắc kì thì chắc chắn sẽ không có ai đề ý việc bồi thường đâu ?

Những việc như trên nếu người Pháp nào xem xét một cách công bằng đều phải bực tức (vì đây là những việc phi công lý) nhưng với những quan Tây ở Đông Dương nhìn thấy sự việc đó thì họ chỉ biết nhìn nhau đề cười chơi vì họ cho rằng người Việt-Nam như bầy trâu ngựa khi nghe ta mỗ thịt thì sợ đến chết. Những tệ hại vừa kể đã trở thành thông lệ vậy.

Lại còn ở Trung kì, nhân viên Thương chính tự thiết lập những nơi tạm giam, nếu có người Việt-Nam nào không làm vừa lòng họ thì họ sẽ bắt giam ngay.

Trước đây mấy năm Trinh này có dịp đi ngang qua cảnh Vĩnh-lâm huyện Đồng-Xuân tỉnh Phú-Yên khi sắp xuống thuyền cùng với mấy người đồng hành để đến Phan Rang có thấy mấy người Việt gặp nhân viên Thương chính chưa kịp nghiêng dù liền bị người Pháp bắt tống giam ngay, Trinh này cũng chung số phận ! Sau 2 giờ tranh biện Trinh mới được đưa lên tỉnh và sau một hồi cãi vã nữa mới được thả ra, nhưng khi thả ra thì thuyền đã nhờ neo, Trinh này đành nằm đợi hết mười mấy ngày ròng. Dân địa phương vùng

này đều nói rằng có thằng Tây bạo ngược, cứ chiều thường bắt dân làm kiệu nó đi dạo mát trên bãi biển. Nếu có người nào đi ngang qua trước mặt ông ta mà không gục đầu và không nghiêng dù thì lập tức người đó sẽ bị đánh. Nếu dân làng có người cứng cổ không sợ mà thấy việc diễn ra trước mắt cũng ghê cho cái ngang ngược của viên Thương chính mà cũng không thể không ghét sự ngu muội của người Việt nhưng cũng không thể không thương được.

Những việc vừa kể như trên đều diễn ra khắp nơi trong xứ Đông Dương này. Tôi là người qua đường chưa có dịp xúc tiếp với nhân viên Thương chính nên cứ mạnh dạn tranh biện còn bị liên lụy như thế huống chi là người dân ở tại địa phương này, họ rất nhu nhược ngu muội.

Sự qua lại ghe hàng rất liên quan đến vốn liếng của mình mà ngày ngày phải tiếp xúc với nhân viên Thương chính, do đó nạn xôi thịt của nhân viên Thương chính còn phải tra hỏi làm chi cho mệt.

Hiện tình thế giới, cái tệ hại của Thương chính nhất hạng là Trung-Hoa, hàng hóa thường bị giữ lại các quan ải để đòi hối lộ, thậm chí thuyền bè trong nước đều phải treo cờ nước ngoài để tránh tình trạng làm trò cười cho mấy nước văn minh Âu Mỹ. Cái tệ hại của Thương chính ở Đông Dương còn quá quất hơn ở Trung-Hoa nữa.

Cái tệ hại của cảnh sát cục : Cảnh sát Đông Dương ở các thành



phố lớn như Hà-Nội, Hải-Phòng, Sài Gòn đều đặt đại cục, ngoài ra, các tỉnh có công sứ ở đều t iết lập phân cục. Người Pháp chủ trì đại cục và tuyển thêm người Pháp làm cảnh binh phụ. Ở các tiểu cục đều do người Việt đảm trách. Quyền hạn ấn định: Việc trọng yếu thì do cảnh sát bắt giải giao tòa án. Việc nhỏ thì giao nhân viên cảnh sát xét hỏi và xử phạt. Việc dùng người Pháp phần nhiều là không xứng với chức vụ vì họ không kể gì đến công lý, động một tý là bắt giam, bắt phạt, quấy nhiễu lương dân. Còn lối tuyển chọn người Việt lại không cần đến nhà phân. Khi đã tuyển người làm trước tiên là làm mật thám từ 3,5 tháng, khi đã có công rồi mới có lương. Cái mà gọi là công đó nếu không phải là bắt người vô cớ thì là bịa đặt vu cáo. Dân lành, kể cả người trung lưu, đều không muốn làm cảnh sát. Do đó người làm cảnh sát đều là những tên du đãng, thất nghiệp, đi khi cũng có một vài người lương thiện vào làm nhưng chắc chắn sẽ bị cho là không làm tròn nhiệm vụ rồi bị đuổi ngay. Trên thì đòi hỏi như thế, dưới thì buộc phải gian dối nhiều loạn không điều gì là không làm tốt để cho nhân viên được tưởng thưởng. Thiết tưởng như thế thì người dân Việt Nam còn đất nào để đứng chân nữa.

Mấy năm trước đây ở thành phố Hà-nội, cảnh binh Pháp đánh người Việt chết, nội vụ giao cho tòa án giam giữ nhưng chưa xét hỏi thì tiếp đó lại nghe nói ở Gia đình nhân viên

Thương chính giết người vô tội rồi cũng phóng thích luôn. Lại chuyện năm ngoái ở Chợ-lớn có một người Việt nọ bị can vì có phát giác là âm mưu góp tiền để tổ chức Hội kín bị cảnh binh bắt được, đánh đập đến bị thương, rồi chửi vào nhà thương qua ngày hôm sau người đó chết và cho là bị đau mà chết nhưng chuyện thật là người đó bị đánh tàn tệt mà chết. Việc xảy ra, có người Việt và người Pháp nào là không biết đâu:

Lại ở kinh đô Huế (Thừa-thiên) 3,4 năm trước thường hay phát sinh biến động nhân tình hoảng sợ. Thấy vậy người Pháp nghiêm cấm nhân dân từng tam tứ ngũ đề nói chuyện. Nếu cảnh sát đi dạo gặp sẽ bắt ngay. Nhân viên cảnh sát nhân đó lại nhiều hại thêm. Nếu gặp người mua bán hay đi bộ, thường thường mượn cớ đòi hỏi lộ, nếu không thỏa mãn họ, họ sẽ bắt tổng giam, người bị bắt quá đông mà nhà tù thì quá chật hẹp nên thường bị nghẹt thở. Những người bị giam suốt mấy đêm ngày không thể ngồi và nằm được vì hai tay bị cột treo vào cột để phòng tẩu thoát. Bà con đi đường gặp nhau mới hỏi một vài câu cũng có thể bị bắt đi, hoặc là đột nhập gia cư của họ bắt thần, bắt bà con họ trong nhà cho là tụ họp nói chuyện trái phép. Do đó chủ nhà phải rán lo lót mới được thả ra.

Lúc Trinh này bị bắt giải ngang qua Hải-phòng bị tạm giam nơi Ti Cảnh sát có nhìn thấy 3,4 cảnh binh người Pháp bắt một người Việt Nam độ ngoài hai mươi tuổi dẫn vào phòng



khác đánh đập. Thảm trạng thật khó nói ! Chỉ mấy giờ sau người đó đã thổ huyết và ngã gục không nói ra lời mới thả ra. Thế rồi một lát dất người đi giam lại.

Đối xử với dân chúng tàn nhẫn như thế đó. Cục Cảnh sát nào cũng thấy. Đó là việc tai nghe mắt thấy của Trinh này.

Thêm vào đó, trại giam của Cảnh sát cục, đồ ô uế chất chồng hôi thối không chịu được. Theo chỗ Trinh này thấy trại giam ở Thừa-thiên là cái ổ nhớp nhất.

Thứ đến là Đà-nẵng.

Trinh này là người từng qua lại chỗ này nên đoán chắc là đúng như thế.

Lúc tôi ở quê có mật thám đi trên chiếc kiệu có 3, 4 người đi theo vào nhà Lí trưởng trong xã ra lệnh cấp nơi ăn chốn ở. Ngày hôm sau tôi mới nghe chuyện đó, cho người đi dò hỏi thử thì tên mật thám đó đã đi nơi khác Nghe nói khắp nơi rằng dân trong các xã lân cận không ngày nào là không bị bọn mật thám này quấy rầy.

Trinh này khi ở tỉnh nhà quan lại của 2 nước đều cho Trinh là hung hãn không tốt, có thể làm giặc mà tại này còn dám ngang ngược như vậy huống gì là dân quê ngu dốt bị bọn chúng làm tiền đòi xôi thịt, không hỏi cũng thừa biết rồi!

Lại cái chuyện lúc quan và lính Pháp bắt giải nhóm thân sĩ Nghệ-Tĩnh đi đày ra đảo Côn-lôn mỗi người đều bị trói chặt tay chân bằng sợi dây dừa

to bằng ngón tay. Lúc ăn uống ngồi ngủ đều không chịu mở trói trầy da đổ máu, nhìn không nổi, đi 3, 4 ngày mới tới nhà lao lớn ở Sài-gòn. Đến đây mới được mở trói. Lòng tàn nhẫn và tay độc ác đáng sợ thật.

Ở Đông Dương những nơi bến tàu thủy đò, trên bờ đều có Thương chính và Cảnh sát. Thương thuyền vừa cập bến thì lập tức có cảnh sát nhân lúc người ta mới lên bờ thì giục họ đem đưa giấy thông hành và thuế thân để kiểm soát, còn hành lý phải đưa đi nơi khác để kiểm soát, người một nơi của một chỗ, phải lo cả hai bên Cảnh sát và Thương chính. Vì cả Cảnh sát và Thương chính đều dọa nạt làm tiền, có tiền thì được đi ngay, không có tiền thì kiểm soát xong rồi số hành lý mang theo không cánh mà đã bay đâu mất dạng. Hai cục gặp nhau thì làm tiền được nhiều, còn người dân thì chỉ biết cúi đầu mà chịu. Sài-gòn và Hải-phòng, tệ hại này xảy ra quá nhiều. Lại có chuyện ở Hà-nội có một cảnh binh người Pháp nọ giữ chức kiểm tra thuế chợ chỉ trong vòng mấy năm đã xây cất được 3, 4 nhà lầu, cho thuê mỗi năm được hơn ngàn bạc. Lương tháng của cảnh binh là bao nhiêu nếu không phải là hối lộ thì tiền đâu nhiều thế.

Lại chuyện cái vụ đầu độc lính tập ở Hà-nội có người Việt nọ can án thì gia sản bị tịch kí, lúc đấu giá phát mãi người Pháp nọ sợ có người ra mua nên đã lén đưa tin rằng đã có người trong tổ chức sẽ mua cái nhà đó. Một khi bị vu cáo sẽ bị tra tấn nên không ai dám đến mua. Lúc đấu giá



có ai ra mua sẽ bị bắt đê cho người Pháp được mua rẻ. Một sở vườn với một tòa nhà ngói mà chỉ tốn có 700đ. Sau chỉ riêng sở nhà đã bán được gấp đôi số vốn.

Người Pháp kia từ hai bàn tay trắng mà đã hưởng được cái lợi lớn như vậy. Việc này có chứng cứ ai ai cũng biết cả. Cảnh sát phải là người bảo đảm tài sản tính mệnh của dân chúng, các nước văn minh đều rất thận trọng trong việc tuyển chọn tinh vi nhân viên Cảnh sát. Nếu không làm được như thế thì không thể phòng kẻ trộm cướp đê bảo vệ việc tị an được. Với các bộ mặt gian ác hung dữ và vô nhân tính của Cảnh sát Đông-Dương thử hỏi người Việt hằng năm tốn cả triệu bạc đê nuôi họ không phải là oan hay sao ?

bến Tân-gia-ba, rồi Colombo, lên bờ dạo chơi thấy cảnh địa phương mang gương đúng nghiêm với vẻ mặt nhân từ không thua gì các nước văn minh. Nếu lạc đường hỏi họ sẽ được chỉ dẫn ngay, lời nói và cử chỉ đều rất lễ độ. Có người phu xe thấy Trinh này không biết tiếng địa phương nên đòi giá cao, Trinh này nói cho cảnh sát xét xử một cách công bình ngay và rồi họ đưa Trinh này xuống thuyền một cách ân cần. Thử hỏi dân quê Việt-nam khi đến các thành thị có ai dám hỏi đường cảnh sát đâu ? Nếu có gì tranh biện, đâu có dám đến hỏi nhờ cảnh sát giải quyết. Người cảnh sát Pháp đã như vậy còn số cảnh sát vô lại của Việt-nam thì đâu có thể trách được!

PHAN CHÂU TRINH

Lúc Trinh này sang Pháp tàu ghé

Nguyễn Văn Tường và Phạm Liễu dịch

## CẢM TẠ

Chúng tôi chân thành cảm tạ Cha Chánh xứ Thăng-Long, quý Cha, quý Sư Huynh, quý Ông bà, quý bạn cùng thân bằng quyến thuộc đã đến phân ưu dự thánh lễ cầu nguyện cho :

Linh hồn **Giuse NGUYỄN-ĐỨC-HẠNH**

đã tử trận tại Lệ Minh ngày 19-2-1974.

Là con cháu em anh chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng tại Thánh Minh tương tế.

Trong lúc bối rối tang gia không khỏi có điều sơ sót xin quý vị niệm tình tha thứ.

Ông Bà **NGUYỄN-VĂN-HỢP.**



**BNP**

*A votre service*

*tous les services de la*

**BANQUE**

**NATIONALE**

**DE PARIS**



## Một tấm lòng son

Công việc tôi phải lo nghĩ trước nhất vào những ngày đầu xuân Giáp dần, là chuyện thanh-toán một món nợ văn-chương cho anh Nguyễn-văn-Xuân. Nói rõ hơn là phải có bài kịp thời cho số đặc-san tưởng-niệm cụ Phan Tây-Hồ.

Lời yêu-cầu chỉ được đưa ra trước Tết có mấy hôm thôi, bài vở đặc-san lại cần được thu nhận sớm, cho nên lễ tưởng-niệm mặc dù còn xa, nhưng riêng tôi, tấm lòng hoài-niệm đã được phát-khởi ngay từ những giây phút đầu tiên phải bận rộn vì những tập-tục, nghi-thức nghênh đón Tân Xuân. Có thể nói năm nay, ngay trong cái phong-vị đặc-biệt của ba ngày xuân-nhật, tâm-tư của tôi lại phải hướng về quá-khứ nhiều hơn, hướng về lớp chí-sĩ, cách-mạng tiền-bối. Lễ tự-nhiên là tôi đã nghĩ nhiều đến Tây-hồ. Tôi phải viết gì đây để tưởng niệm tiên-sinh? Và nếu tưởng-niệm có nghĩa là, cùng với sự biểu-lộ niềm tri-ân, kính mộ, phải có sự tìm hiểu những điều cần học-hỏi, những điểm đáng noi gương, thì tôi phải nói những gì?

Những câu hỏi này đến với tôi đúng lúc tôi đang hướng nhìn về phía bàn thờ gia-tiên. Tôi hướng nhìn với một tắc tâm thành. Và chính cái "tắc thành" đang được khơi dậy trong ánh nền bùng sáng, giữa những làn khói trầm hương nghi-ngút, đã gợi ý cho tôi về những gì

cần nói.

Tôi nghĩ đến cái đức chí-thành của các nhà cách-mạng, chí-sĩ tiền-bối cùng lớp với Phan Tây-Hồ. Với tôi, cái điểm quyến rũ nhất mà tôi nhận thấy ở các vị ấy là cái Thành Ý hay cái đức Chí Thành.

Theo nghĩa thông thường, chữ *Thành* thường được hiểu là Thành, khản, thành-thực. Nhưng nói như vậy là chưa nói được gì hết về cái đức Thành phải có của người làm Cách-mạng hay làm Văn-hóa. Có một câu sách cổ nói lên đầy đủ cái nghĩa của đức *Thành* cần hiểu ở đây. Ấy là câu: "*Lập cái thành-thực của mình để giữ vững cái nghiệp*" (Lập kỳ thành sở dĩ cư nghiệp dã) (1). Cái Nghiệp của người làm Cách-mạng là sự theo đuổi, tranh-đấu đến cùng cho lý-tưởng, chủ-nghĩa, đường lối cách-mạng. Cái Nghiệp của người làm Văn-hóa là cái nghiệp Giáo hóa, Giáo dục, cái nghiệp sáng-tác, trước tác, cái nghiệp Khám-phá, Phát-minh. Phải giữ gìn cái Nghiệp ấy với tất cả sự thành-khản của lòng mình, với tất cả thành ý. Và cũng chỉ có sự thành-khản này, chỉ có cái đức Chí-thành mới giữ-gìn khư khư được nó mà thôi. Giữ-gìn khư khư với tất cả sự thành-khản là biết yêu cái Nghiệp của mình đến độ quý nó, và quý nó đến độ phải coi nó như là

(1) Dịch: Văn ngôn truyện (Nho giáo: Trần-Trọng-Kim), trang 118.



thiên-chức, là lẽ sống, gắn bó thiết-tha với nó còn hơn cả cái tình của người mẹ đối với con thơ, của người nông-dân đối với Đất, Ruộng. Chính sự thiết-tha, gắn bó này đối với cái Nghiệp tạo cho người Cách-mạng hay làm Văn-hóa chân-chính một thái-độ đặc biệt của hạng chiến-sĩ bất-quyền và bất khuất. Đó là cái kiêu-hãnh vì ý-thức được giá trị cao cả của sứ mạng, nhiệm-vụ, đến độ sẵn-sàng chấp nhận mọi sự thiệt-thòi, chấp nhận cảnh nghèo nàn, chìm khuất, chấp-nhận sự khinh bạc ngu-xuân của thế-nhân hơn là chạy theo danh, theo lợi, nếu vì chạy theo mà phải ruồng bỏ, phụ phàng sứ-mạng. Đó cũng là cái kiêu-hãnh nó khước từ, chống trả quyết-liệt tất cả mọi sự mua chuộc, lung-lạc, nó phớt tỉnh một cách ngạo-nghễ trước mọi mưu-toan hạ nhục, áp đảo của Bạo-lực, Cường-quyền. Chính cái đức Chí Thành đưa tới và nuôi dưỡng tinh thần bất-khuất.

Như đã nói, Chí Thành là cái đức chung của lớp chí-sĩ, cách-mạng tiền-bối cùng lớp với Phan Tây Hồ. Thành hay bại, quan-niệm, chủ-nghĩa, đường lối đúng hay sai, những chuyện đó còn có thể luận bàn, đến như cái đức Chí-thành của các vị ấy thì thật là khó thể nghĩ ngờ. Ở một Hoàng-Hoa-Thám, một Phan-đình-Phùng, một Nguyễn-Hiệu, những người nặng óc hoài-nghi có thể còn nghĩ được rằng bên cạnh cái động-cơ «ái-quốc» còn có sự chi phối của máu «anh-hùng cá-nhân» chứ ở những Nguyễn Thành, những Phan - Sào - Nam, những Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần-Quý-Cáp, Phan-Châu-

Trình vv... thì động-cơ thực là thuần túy đại-nghĩa, mà cái tinh-thần phụng-sự là tinh-thần vô-công, vô danh. Hầu hết đã phục-vụ quyền-lợi quốc gia, dân-tộc với tất cả chân ý, thành-tâm và không mong chờ một sự bù đắp, một phần thưởng nào khác hơn là được hết mình vì nghĩa-vụ. Tuy vậy, khi nói đến đức Chí-thành, tôi lại thường nghĩ đến Tây-Hồ trước hết. Ở Phan Tây-Hồ, cái đức ấy có gì trời vượt hẳn lên với cái sức sáng tỏ vằng-vặc của Trăng, Sao. Chính Minh-viên tiên-sinh cũng đã nhấn mạnh điểm này khi so sánh Tây hồ với Sào-nam:

*«... Một anh học-trò vai gánh giang-son, lòng thương nòi giống, một mình xông đột, trăm cách toan lường, trong hai chục năm thừa, trải biết bao hiềm nghèo, nếm biết bao mùi cay đắng, những kẻ ngày trước có bị ngã đui đi, có kẻ tháo đường mà đi ngô khác, lại có kẻ thoy lời đòi mặt, đành chịu người mắng chửi, quay đầu trở lại để tìm lợi riêng một mình quên cả mặt mũi; ngày trước, thế mà tiên-sinh cứ khăng khăng ôm một cái chủ-nghĩa, đeo-đẳng mãi với cảnh hoạn-nạn mà không chịu rời ra, không những danh vị, lợi lộc không dõ-dành được, cực khổ không đòi dờn được, cho đến gươm kề trên cổ, súng dĩa trước bụng cũng không chút nào lay chuyển, sánh với ông Sào-nam, chỉ khi đồng nhau, nhiệt thành đồng nhau, phách-lực đồng nhau, mà cái cảnh càng khó, cái lòng càng khổ hơn vậy» (1).*

(1) Phan Tây-hồ tiên-sinh lịch-sử của Minh-viên Huỳnh-Thúc-Kháng — Anh Minh xuất bản. 1959. tr. 34.



Quả thế, so với Sào-nam, cảnh-ngộ, trạng-hướng, tình-thế của Tây-hồ có phần khó khăn, gay cấn hơn nhiều. Cái khó-khăn, như Minh-viên đã nêu ra, của một chí-sĩ Việt-nam trong khoảng đầu thế-kỷ thứ XX. Cái khó vì bị bao vây, cản trở, phá-hoại bởi rất nhiều thế-lực phản-động: bọn Thực-dân với chính-sách bảo-hộ đê đầu, chặn cò, bọn quan-đảng ngậm độc hại người với cái chánh-thề chuyên-chế từ mấy mươi đời và thứ pháp-luật ác-độc, bọn Hán-học mục xương, bọn Âu-học đầu lưởi, cũ không thành cũ, mới chẳng ra mới, dơ gác vênh sừng, chia nhà cắt ngõ, thêm vào đó, một đại khối dân gồm những mười mấy triệu người, sống ngủ chết say, ốm đau đói rách, chỉ biết cúi tai gài trốt, nhắm mắt theo càn mà thôi.

Nhưng thay vì theo lối thoát thân của Phan Sào-nam: *nhảy ra vòng ngoài, làm sách, làm báo để kêu vang tình thức người trong nước*, Tây-hồ đã:

*«Cúi-cúi một mình, xông pha trăm ngã, gây thù chuốc oán, ngậm đắng nuốt cay, càng ngã xuống càng đứng lên, càng bị thua càng hăng-hái, trước sau ôm một chủ-nghĩa, lặn mình vào cái cảnh khổ đã nói trên mà tìm một con đường rộng cùng ông Sào-nam chia đường đưa tới đê cắm nêu, chỉ lối cho người sau» (1).*

Ngay đến chuyện lựa chọn đường lối, chủ-trương khác biệt này, nếu cứ đặt vào hoàn-cảnh và tâm-lý chung thời đó mà xét, cũng là một cái khó phải cần đến một sự can-

đảm phi-thường không thể có được ở hạng người thiếu đức Chí Thành. Tây-hồ đã dám coi thường sự dị-nghị, dám bất chấp sự ngộ-nhận, ngò vực của chính ngay một số anh em giao-cổ đề theo đuổi chủ-nghĩa, đường lối riêng biệt của mình. Mà cái «dám» này là do vì tấm lòng chí-thành đối với đại-nghĩa mà có.

Đáng kể vào hàng đầu trong số tri-kỷ của Tây-hồ phải là Minh-viên tiên-sinh. Không ai hiểu Tây-hồ cho bằng Minh-viên. Cũng không ai tâm-phục Tây-hồ cho bằng Minh-viên. Ngày Tây-hồ xin đi Pháp, trong lúc các bạn đồng-bối hoang mang, ngò vực, dị-nghị đủ điều, thì riêng Minh-viên lại tỏ ý tin tưởng vào sự sáng suốt của Tây-hồ và ca ngợi tấm lòng nhiệt-thành cao độ, qua bài thơ tiễn biệt:

*«Chích thủ quân tòng cao xứ trước  
«Bán sanh toàn vị quốc quân mang»  
(Nhắm thế cờ cao toan đặt ngón.  
Trọn đời việc nước khéo đa-  
mang) (2).*

Mà nguyên do sự tâm-phục này cũng chính là vì Minh-viên đã cảm thông tấm lòng chí-thành của Tây-hồ trước hết. Chí-thành là cái đức từng được Minh-viên nêu thành một tiêu, chuẩn để định sự hơn thua nhau giữa người với người. Thực vậy, khi bàn đến lẽ hơn thua, tiêu-chuẩn thường được người đời nhắc tới là

(1) Phan Tây-hồ tiên sinh lịch-sử của Minh-viên Huỳnh Thúc Kháng (sđd).

(2) Phan Tây-hồ tiên-sinh lịch-sử. Minh-viên Huỳnh Thúc Kháng - tr. 3 - Anh Minh 1959.



tiêu chuẩn «Anh hùng» Hơn nhau một tiếng Anh hùng mà thôi. Nhưng Minh-viên tiên-sinh không nghĩ như vậy. Minh-viên đã chọn một tiêu-chuẩn khác. Theo tiên-sinh : «Hơn nhau chỉ một TẤM LÒNG SON». Và Minh-viên đã thực sự sống trọn đời mình theo tiêu-chuẩn đó. Trước sau như nhất, lúc còn hít thở khí trời cho đến khi già-từ cõi sống ra đi vĩnh-viễn, Minh-viên đã giữ trọn một tấm lòng son, đã biểu-thị một sự chân-thành rất mực trong các hành vi, hoạt-động của mình : chính trị cũng như văn-hóa. Và Tây-hồ cũng đã sống trọn đời mình với một tấm lòng son sắt hiển dăng trọn vẹn cho Non Sông, Tò Quốc, Giống Nòi, trong một hoàn-cảnh, tư-thế khó khăn hơn, lắm chông gai, nhiều thử-thách hơn so với Minh-viên và Sào-nam. Và tấm lòng son ấy, chính Minh-viên đã nhận thấy ở người bạn đồng-tâm đồng-chí, ngay từ buổi thiếu thời :

«...Tiên-sinh đởm thức tốt người, lại giàu đường huyết-tánh, từ buổi nhỏ đi học đã để con mắt xem đời mà chứa sẵn một lòng yêu nước». Và : «Huyết-thống di-truyền cùng gia-đình giáo-dục đã nắn sẵn một cái «đặc-tính vì nước quên nhà từ lúc» nhỏ (1).

Phải nói là chính cái đức thành sớm có này đã tạo nên một Phan Tây hồ kiêu hùng, bất khuất, một thứ người hùng không biết thối mết là gì :

«...Dạ sắt vàng thêm thử lại thêm bền.

«Uy sấm sét chẳng kinh cùng chẳng hãi...».

đã tạo nên một chiến-sĩ dũng mãnh, xông-xáo ngang tàng trên cả hai mặt trận : Chính-trị, Văn-hóa :

«Ba tấc lưỡi, mà gươm, mà súng, nhà cường-quyền trông gió đã gai ghê.

«Một ngòi lông, vừa trống, vừa chuông, cửa dân-chủ đèn treo thêm sáng chói (2).

Và xông-xáo như vậy ngay trong cái thế bị vây giữa trận giặc, đầy đất chông gai, tứ bề tên đạn, sức mình đã không chống nổi mà cũng không trông mong vào đâu là người tới cứu mình, ngay giữa một trận-địa hắc-ám, đầy đầy hiểm nguy :

«... Trường nô-lệ chung quanh là rần rít, vẫn cứu-thời khen khéo gây oan,

«Ồ dã-man ngáo-ngán những hùm beo, miệng ái-quốc hóa nên buộc tội

«Thành Hà-nội ùn-ùn mây ác độc...

«Đảo Côn-lôn rục-rỡ lửa oán cứu... (3).

Nếu thiếu một tấm lòng chí-thành thì làm sao có thể bền gan, vững chí để thắng vượt những thử-thách lớn-lao như vậy, làm sao có thể từ chỗ bi-quan, cho «việc đời là không làm gì được», thờ dài mà ngâm câu : «... Thôi cũng cùng đường xem cuộc thế, có đâu dư bụng chứa tuồng đời», đột nhiên vươn vai, ngẩng mặt, mạnh dạn dẫn thân, nhập cuộc, vững

(1) Phan Tây-hồ tiên-sinh lịch-sử Lâm bộ thuộc ở Kinh cùng thời kỳ tân học du nhập. Tr. 13.

(2) Văn tế cụ Tây-hồ của Phan Sào nam.

(3) Văn tế cụ Tây-hồ của Phan Sào nam.



tin ở lẽ «nhân định thắng thiên» để mưu đồ đại-sự :

«Rắn mắt dò chơi then Tạo-hóa,

«Sẵn vai nhắc thử gánh giang-sơn. (1)

Nếu thiếu một đức chí-thành thì làm sao có thể từ bỏ dễ dàng con đường hoàn-lộ sắp mở rộng thênh thang với rất nhiều viên tượng vàng son rực-rỡ, từ bỏ cái «hạnh-phúc cao xa, tư mã, vinh thân phì gia ngày sau đã thấy rõ ràng trước mắt», làm sao có đủ can-đảm coi thường việc chuốc oán, mua thù với bọn Vua Quan Nam-triều thời đó để soạn thảo «Đầu Pháp chính-phủ thư» và «Thư Thất Điều», làm sao có được cái văn khí hùng tráng, cái sức truyền cảm mãnh-liệt, dữ dội của chính-khí, chính ngôn, đề với một bài «Chí thành thông thánh» phang cả một gậy vào đầu bọn sĩ-phu còn say mê cái học khoa-cử và gậy thành «một tiếng sét đánh vang lừng cả nước» (2), làm sao có thể, khi đi tù, vẫn thanh thản ngâm câu : «Giống nòi mòn mỏi non sông lặn, Ai đề Côn lôn ngã tấm lòng», làm sao có thể chịu đựng nỗi cảnh đọa đày ở nơi Côn-đảo và giữ vững tấm lòng khỏi ngã ở Côn-lôn. Không phải cần răng mà chịu đựng một cách thuận-thụ, nhưng chịu đựng với tất cả cái thói ngang tàng, ương ngạnh, cứng cồ, cứng đầu để sẵn sàng nhận lãnh biết bao nhiêu hậu-quả chẳng lành đã biết trước là không sao tránh thoát. Không có một tấm lòng son sắt, không có cái đức thành để giữ vững lấy cái nghiệp làm cách mạng thì làm sao có

thể vui lòng chấp nhận cảnh ngược đãi nơi quê người, có thể tự-đắc với cuộc sống kham khổ, cơ-cực, nghèo nàn, vất-vả hơn là chịu đi đánh giặc thuê cho Pháp để được hưởng lợi lộc và tránh được bàn tay sắt thép của bọn cường-quyền ?

Qua lối tháo-thủ đầy nhiệt-thành trên đây, chúng ta còn nhận thấy ở Phan Tây-hồ, chính cái đức Thành đã làm nổi bật thêm những cá-tính đặc biệt sẵn có : bộc trực, can cường, ngang tàng, ương ngạnh, phóng-khoáng, cương-nghị mà đa-cảm, nghiêm-cần mà hào-hoa. Nói chung ở con người ấy kết-hợp cả cái phong-độ của một nhà Đại-nho, một chiến-sĩ cách-mạng, và một nghệ-sĩ phóng khoáng ẩn náu bên trong.

Một bậc đại-nho. Tôi muốn nhấn mạnh điểm này. Trong «Phong-trào Duy-tân», anh Nguyễn văn Xuân có viết : «Phan-Châu-Trình vượt lên ý-thức hệ cũ, đẩy vua quan vào hậu-trường, đẩy Nho-giáo vào tàng-viện, đặt Dân-quyền lên ngai vàng» (3). Đẩy vua quan vào hậu-trường, đặt Dân-quyền lên ngai vàng. Đúng như vậy. Nhưng «Đẩy Nho-giáo vào tàng-viện», theo tôi nghĩ, về điểm này, có thể tác-giả «Phong trào Duy tân» nói chưa hết ý, và, ở đây việc biện biệt cho rõ hơn, tưởng cũng rất cần. Vì quả đúng là

(1) Họa thơ người gửi Phan Châu-Trình

(2) Phong - trào Duy-tân Nguyễn-văn-Xuân. Lá Bối. (Phan Châu-Trình cuộc đời, tư tưởng, hoạt động).

(3) Phong-trào Duy-tân của Nguyễn-văn-Xuân - tr. 45.



Tây-hồ đã cố đẩy Nho-giáo vào tàng việu. Nhưng cái Nho-giáo mà Tây-hồ muốn cho xếp xó là thứ Nho-giáo của bọn Hán-học mục xương, của bọn Tiều-nhân nho cùng bè lũ Hương-nguyên và hủ đạo-đức, thứ Nho-giáo chỉ có vỏ không có ruột, đã tạo loại sĩ-phu suy nhược, ươn hèn, vô-dụng, đắm chìm trong cảnh túy-sinh, mộng tưởng, loạn tưởng, hồ tư. Và loại Nho-giáo ấy thì không những Phan Tây-hồ, mà rất nhiều nho-giả thức thời vào thuở đó cũng muốn xếp bỏ nó vào tàng-việu. Nhưng nếu Phan Tây-hồ càng quyết liệt với chủ trương loại trừ thứ Nho-giáo suy đồi vừa nói, thì chính tiên-sinh, với những hành-vi, hành động, những cá-tính đặc-biệt, lòng nhiệt-thành và đức chí-thành đã biểu dương được một cách trung-thực tinh thần Khổng-giáo và cái nho-phong, sĩ-khí chân-truyền.

Hình-ảnh của Phan Tây-hồ mới quả đúng là hình-ảnh lớn-lao của một *Đại-trượng-phu*, bởi lẽ con người của tiên sinh đã thể-hiện đúng mức cái đức-độ, khí-phách, bản-linh mà Khổng-giáo đòi hỏi ở hạng chính-nhân, nhất là : *«giàu sang không thể làm cho đàng được cái lòng, nghèo hèn không thể làm cho đồi được chí-hướng, Uy-quyền, võ-lực không thể làm cho khuất được cái khí (1)»*. Và rõ-ràng là như vậy. Đồ đạc mà tránh chuyện ra làm quan kẻ cũng đã khó, nhưng đâu có khó bằng, ở vào cái thời của Tây-hồ và trong trường-hợp Tây-hồ, đã nắm chắc trong tay cái bả vinh-hoa, chung-đỉnh, lại sẵn sàng vất ném như chơi. Cái nghèo cũng đã thử-

thách Tây-Hồ đến tột bực, nhưng chẳng hề lay chuyển được cái chí kiên cường như sắt đá. Đến như điếm *«Uy vũ bất năng khuất»* thì không còn phải nói. Đáp lễ Cường-quyền, Bạo-lực, Phan Tây-Hồ đã sang sảng gióng cao cái giọng Chính-ngôn đề biểu-dương Chính-khí : chửi thẳng vào mặt bọn quan lại, viết thư Thất điều đề kể tội, lên án hôn-quân, khảng khái thách đố ngay cả bọn ngoại-nhân thống-trị : *«Thằng Phan Châu Trinh thà chết thì nó xách cái đầu của nó, nó quăng xuống đất như chơi, nó chẳng chịu làm thân trâu ngựa cho người ta cỡi trên đầu, trên cổ nó đâu» (2)*

Cũng chính Phan Tây-hồ mới thực sự là hạng người có đủ cái quả-cảm *«khi thấy cái lợi thì nghĩ đến cái nghĩa, khi thấy sự nguy-cấp thì sẵn-sàng trao mệnh mình mà chống lại ngay» (3)*.

Và ở Tây-hồ, nổi bật hơn nữa, là tinh-thần cầu tiến không ngừng, cái tinh-thần mà Khổng-giáo luôn luôn đòi hỏi, nhắc nhở người nho-giả trong việc tu dưỡng bản thân. Chính vì tinh-thần cầu tiến này, Tây-hồ cũng như Minh viên Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần-quí-Cáp và nhiều bạn đồng bối khác trong hàng nho-giả, đã hăng say cõ-động Phong-trào Duy-

(1) Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất (*Đặng văn Công hạ*)

(2) Thư số 4 ngày 2-5-1915 (trích dẫn trong *«Phong trào Duy tân»* của Nguyễn văn Xuân. tr. 105.

(3) Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thọ mệnh (*Luận ngữ—Hiển vấn—XIV*)



tân. Cùng với tinh-thần cầu tiến còn có cái phách-lực của hạng «tự cường bất tức». Thực không có gì có thể làm cho Tây-hồ mềm yếu, thối chí, nản lòng, đầu hàng nghịch-cảnh. Thực đúng như Minh-viên đã viết : «...Mưa gió què người, mộng hồn nước cũ, trăm cay ngàn đắng, nếm đủ mùi cực khổ, không chút nào ngã lòng. Không những thế, cái tinh thần tự chủ cùng tấm lòng thương nước yêu nòi, càng già lại càng tiến lên, càng cay chua càng bền chặt. Những người bọn cừu cho tiên-sinh, tìm điều quấy rối, nào dỗ-dành, nào dọa nạt, nào làm cho đày đọa thân-thề, muôn phương nghìn chước cũng không làm sao được (1).»

Ngay đến thái-độ Yêu, Ghét của Phan Tây-hồ cũng là thái-độ Yêu, Ghét theo đúng tinh-thần Khổng-giáo. Vì Khổng-giáo muốn rằng : đối với điều Thiện thì phải yêu như yêu sắc đẹp, đối với điều Ác thì phải ghét như ghét mùi hôi thối. Cụ Nguyễn-đình-Chiều đã đặt vào cửa miệng ông quán, trong «Lục-Vân-Tiên», lời dạy về cái lối Yêu, Ghét dứt khoát của người quân-tử :

«... Quán rằng : Ghét việc tâm phào,  
«Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới  
tâm...»

Đối với cái Ác, cái bất thiện, bất chính, bất lương thì không những phải ghét, mà phải ghét cay, phải ghét đắng, phải ghét đến độ nôn mửa, lộn ruột, sôi gan. Bởi lẽ có thực tâm yêu cái Thiện, thực tâm ghét điều Ác mới có được cái đức Tự-Khiêm là cái đức cần thiết để thành-tựu bản

thân. Tây-hồ cũng có cái lối Yêu, Ghét đến cùng như vậy. Đối với những chuyện tâm-phào, trái lẽ, bất công, Tây-hồ thường có những phản-ứng công-khai, ác liệt, không kiêng nể gì ai, dù kẻ xử sự bất chính là hạng quyền thế hay cả đến bậc thầy cũng mặc. Cái ghét của Tây-hồ đối với Cường-quyền, Bạo-lực, với sự chuyên-chế, với những trò áp bức, đục khoét, bóc lột lê dân của bọn quan lại tham ô, cường-hào, ác bá thì thực đúng là «ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm». Cứ đọc qua những bài thơ của Tây-hồ làm ra để chống cường quyền, chống bọn phản-quốc, bọn địa-chủ có máu ác bá, cường hào đủ thấy cái ghét ấy nó sôi trào ngùn ngụt đến mức độ nào. Và cái Yêu của Tây-hồ, yêu Dân-chủ, yêu Tự-do, yêu Công-chính, cũng đắm say, nồng nhiệt khác thường. Yêu Tự-do đến độ dám ngang nhiên thách đố cả Cường-quyền : «Con ma chuyên-chế, con sát Cường-quyền cũng kiêng ông thần tự-do trong mình tao...» Yêu Dân-chủ đến độ quyết thề sống chết với lý-tưởng, chủ-nghĩa :

«... Dân-ước Lư-Thoa sách một pho,  
«Trời máu vắt thây thề đất nước...!»

Chính cái thái-độ Yêu, Ghét dứt khoát đối với hai lẽ Chính tà này càng làm sáng tỏ cái đức Thành ở Phan Tây-hồ. Thành hay Thành Ý, đối với Khổng-giáo, là điểm trọng yếu nhất trong việc tu thân. Mà đã chí thành thì không thể không có thái độ Yêu và Ghét dứt khoát đối với cái tà và cái chính.

(1)Phan Tây-hồ tiên sinh lịch sử tr 29-30.



Viết tới đây, tôi nghĩ đến Phong-trào Duy-tân, đến tính-cách sâu rộng của cuộc vận-dộng cứu-quốc này với sự hưởng-ứng cuồng nhiệt của nhân-dân Quảng-nam cùng các tỉnh miền Nam Trung-Việt và cảnh-tượng «*hò reo nhờ gió đưa điều của nhân-dân Nghệ-Tĩnh*». Lẽ tự-nhiên có sự hưởng ứng nồng nhiệt như vậy, ngay trong một bối-cảnh lịch-sử chẳng mấy thuận lợi, là nhờ ở cái uy-tín lớn-lao của các sĩ-phu lãnh-đạo Phong-trào và nổi bật là Phan-Châu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần Quý-Cáp. Thử hỏi cái uy-tín lớn-lao này do đâu mà có? Hẳn nhiên là do nhiều yếu-tố, nhưng theo tôi, trước hết và trên hết là do cái Thành Ý, cái đức Thành sáng tỏ của các bậc sĩ-phu lỗi lạc này. Tất cả đã biểu thị được một sự chí thành. Không phải chỉ «Thành» ở đầu môi, đầu lưỡi, mà ngay cả trong quan-niệm tư-tưởng, ở hành-động, hành-vi. Không phải chỉ «thành», ở nơi có sự soi sáng của hai vầng nhật, nguyệt, mà ngay cả trong bóng tối, trong sự khuất vắng, trong cõi đơn độc chỉ mình mình biết và mình mình hay. Chính cái chí-thành này đã gieo vào lòng quốc-dân một niềm tin tưởng, đã truyền vào quần chúng một sức kích-động sâu sắc, mãnh liệt, đưa tới cái khí thế ào ạt như sóng tràn, thác đổ của một phong-trào vĩ-đại.

Cho nên, lời dạy của Minh-viên «*Hơn nhau chỉ một tấm lòng son*», và lời thào-thủ của Phan Tây-hồ, tiêu biểu cho cái đức Thành của những sĩ-phu đồng-tâm, đồng chí với tiên-sinh, là những gì đáng được chúng ta tiếp nhận như thước ngọc, khuôn vàng.

Tiêu-chuẩn «*Tấm lòng son*», hay toàn-tâm, thành ý, là thứ tiêu-chuẩn tiềm-tàng, nó không phơi bày bộc lộ như tiêu-chuẩn «anh-hùng». Nếu hiểu tấm lòng đây là con tim quả tim, thì quả thực chưa bao giờ có loại tim được treo lủng-lẳng như những huy-chương bên ngoài lồng ngực, ngoại trừ trường-hợp quái thai. Nếu lại hiểu tấm lòng đây theo nghĩa trừu-tượng hơn thì, cũng vậy, lòng thành, ý thành vốn là những gì uẩn tàng bên trong, tiềm phục bên dưới mà thôi. Và bởi lẽ nó tiềm phục, uẩn tàng, nó khuất kín như vậy, không phải là thứ dễ phô-trương chưng bảnh, nên thế sự thường tình, ít ai tra chọn. Lại bởi lẽ cái tiêu-chuẩn này vốn vô cùng bất lợi cho cá-nhân, trong một hội sống mà những nỗ lực lương-thiện, chân-thành thường chỉ được trả giá bằng những thiệt-thòi, bất-hạnh, nên đời lại càng muốn tránh né. Nhưng với những người muốn làm cách-mạng, muốn hoạt-động Văn-hóa đích-thực, muốn đóng góp hữu-hiệu cho quê hương, xứ sở, thì chính cái đức Chí Thành mới đúng là tiêu-chuẩn hàng đầu để đánh giá công-phu đóng góp. Vì khi đã lập được cái thành ý phụng-sự, thì sự góp phần vào công cuộc cứu-nguy cũng như kiến-tạo, ở bất cứ địa-hạt, lĩnh-vực nào, dù lớn hay nhỏ, dù ít hay nhiều, cũng sẽ mang lại những thành-quả và ảnh-hưởng tốt đẹp chung cho đại-cuộc.

Phan Tây-hồ là một cái gương sáng chói nhất để chúng ta cảm-nghịem được tất cả cái đẹp, cái quý báu và sự cần-thiết của đức Chí Thành và những «*Tấm Lòng Son*», trước cảnh nghiêng ngửa của Non sông, Xứ sở.



## Mấy bài về, bài ca liên quan đến phong trào Duy-tân tại Quảng-Nam

Lâu nay, nhiều nhà nghiên cứu sử học cũng như văn học thường nặng về suy luận hơn là căn cứ trên những tài liệu chắc chắn, có thật, tại địa phương xảy ra những biến cố lịch sử, văn học đó. Tính cách nghiên cứu theo lối suy luận đã làm sai lệch lịch sử, tạo thành tính lười biếng, phản khoa học, chỉ biết sao chép mà thôi. Chúng tôi, ở đây, không dám làm công việc nghiên cứu phê bình, chỉ sưu tầm và công bố những tài liệu sống còn đang lưu truyền trong dân gian, có liên quan đến phong trào Duy tân do tập đoàn Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp lãnh đạo.

Không cần biết phong trào Duy tân đã khởi phát từ ngoài Bắc rồi ảnh hưởng vào trong Nam, hay khởi phát từ Quảng Nam rồi ảnh hưởng lan rộng tận Nam chí Bắc. Việc này ông Nguyễn Văn Xuân đã tốn nhiều bút mực trình bày, chứng minh qua tài liệu sách vở, nhưng vẫn còn nhiều người nghi ngờ, cho ông Xuân là chủ quan, thiên lệch, nặng óc địa phương, nên quá đề cao các nhân vật địa phương của mình. Nếu bàn về phong trào Duy tân nhiều e rằng lắm người sẽ cho tôi là người địa phương, rồi cũng lên án khắt khe như có người ngầm nghi ngờ và phê bình ông Xuân. Tôi xin gác qua việc đó và chỉ trình bày thêm một số văn liệu

còn lưu truyền trong dân gian, có liên quan đến phong trào này.

Đề thấy rõ xuất xứ và ảnh hưởng sâu rộng của mấy bài về bài ca sau đây trong quần chúng địa phương, thiết tưởng nên lùi lại một chút lịch sử.

Sau khi kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở rồi xưng hịch Cần-Vương. Hưởng ứng hịch Cần Vương, tại Quảng-Nam cụ Hường Hiệu, tức Nguyễn Duy Hiệu (1) đứng ra lãnh đạo giới nho sĩ và quần chúng, cướp chính quyền, lập tân tỉnh ở làng Trung-Lộc quận Quế-Sơn chống lại thực dân Pháp. Nghĩa hội ở Quảng-Nam rất mạnh, cầm cự được hai năm (1885-1886) mới tan rã.

Công việc đánh dẹp Nghĩa-hội ở Quảng-Nam của người Pháp và bọn

(1) Nguyễn Duy Hiệu sinh năm 1847 tại làng Thanh-Hà gần tỉnh lỵ Hội-An, đỗ Phó-bảng và làm Phụ-đạo dưới thời vua Kiến Phúc, Hàm Nghi, được phong Hồng-lô tự-khanh, hưởng ứng hịch Cần Vương chiêu mộ binh sĩ, xây đắp đồn lũy, rèn đúc vũ khí chống Pháp được hai năm (1885-1886). Về sau thấy thế yếu, dân tình khổ sở, cụ đã đem mình cho quân Pháp bắt để nhận hết trách nhiệm về mình. Cụ nói "Công việc làm giặc ở tam tỉnh, chỉ một mình ta, dân chúng đều bị hiếp túng không tội lỗi gì, chỉ có giết ta thôi". Thế là cụ đã bị xử tử ở tỉnh thành. (Theo «Ngũ-hành-son chí-sĩ» của Anh minh Ngô Thành Nhân trang 26 và 27.



tay sai đã gặp nhiều khó khăn. Thực dân Pháp và triều đình bù nhìn Huế lúc bấy giờ phải điều động binh lực hùng hậu do Khâm sai đại thần Nguyễn Thân cầm đầu, ồ ạt kéo vào Đà-Nẵng, phân quân nhiều ngả tiến đánh nghĩa-quân đồng thời lợi dụng cơ hội này tàn sát cướp giựt của cải lương dân. Nổi oán thù, căm hờn của quần chúng đối với thực dân Pháp và bọn bù nhìn còn ghi vết nơi bài về «Khâm sai» thuật lại đầy đủ công việc đánh dẹp nghĩa hội (của cụ Hường Hiệu), đồng thời đánh dấu sự toàn thắng về quân sự của thực dân Pháp tại địa phương này vào năm 1886. Bài về «Khâm sai» sau đây do một cụ già vùng quê còn thuộc lâu, cách đây mấy năm đọc lại cho chúng tôi chép, như sau :

Lặng lặng mà nghe,  
Cái về sai đạo  
Danh vi trấp báo  
Vụ dĩ an dân  
Khâm sai đại thần  
Kéo vô Đà-nẵng  
Tướng quân đều sẵn  
Tán lý, Tán tương  
Chú bang, chú thương  
Chú đề chú lãnh  
Quân rông, tướng mãnh  
Các đạo, các cơ  
Đánh trống mở cờ  
Kéo vô tình cũ  
Phân quân vừa đủ  
Phát vãng Thượng du  
Thác-cá Rập-cụ  
Đôi đường tấn tiêu  
Nhất thời phương liệu  
Văn miếu, đồn binh

Ai thấy cũng kinh  
Gọi Khâm sai giỏi  
Kêu dân tới hỏi  
Rằng nghĩa đã tan  
Hạnh hoặc tương an  
Thị vi thanh sự  
Sau lên Phong thử  
Quân nghĩa tứ vi  
May chẳng hề chi  
Nhờ ba thằng Pháp  
Thâu quân yền giáp  
Trở lại La-thành  
Từ ấy thất kinh  
Vừa làm vừa sợ  
Tướng chi tướng dở  
Vi luyện quân tinh  
Chẳng có Tây binh  
Ai không khỏi chết  
Chút chi cũng hết  
Năm ngoài năm ni  
Làm chẳng ra chi  
Lại thêm ăn bậy  
Lũ quân đi lấy  
Các tướng về chia  
Thôi đã tràn đìa  
Cái chi cũng rách  
Cái quần đã rách  
Cái áo đã xơ  
Cũng giành mà quơ  
Hưởng chi cái khá  
Kẻ thì dào má  
Kẻ thì phá nhà  
Những chó những gà  
Những heo những vịt  
Bắt mà ăn thịt  
Lại bán lấy tiền  
Đem về Thừa-thiên  
Nghĩa, Bình, Quảng-trị  
Thậm vi khả bi  
Quân lệnh Khâm sai.



Từ đây (1886) người dân xứ Quảng âm thầm chịu đựng tủi nhục vì bất lực không đương đầu nổi với sức mạnh của văn minh cơ khí ngoại bang nhưng chí phục thù, lòng ái quốc vẫn không nguôi. Quả thế, truyền thống bất khuất, đấu tranh vẫn được tiếp nối. Sự hy sinh đền nợ nước của những bậc cha anh từ Hoàng Diệu đến Trần Dư, Phan văn Bình (1) rồi Nguyễn Hiệu v.v... đã đắp tô thêm ý chí kiên cường và lòng dũng cảm của thế hệ con em. Đồng thời sự thất bại của những người đi trước là bài học đáng suy ngẫm cho kẻ đi sau, do đó khi Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng Trần Quý Cáp... đứng lên tiếp nối truyền thống ông cha, đã hiểu rõ lý do thất bại của bài học lịch sử Cần vương, cho nên những nhà chí sĩ ái quốc này đã nhận định, phân tích rõ-ràng nội tình, ngoại cuộc, mà đề xướng một chủ trương, đường lối tranh đấu mới, có tính cách ôn hòa mà lại hợp thời thế: Chủ trương Duy tân.

Những vị lãnh tụ phong trào Duy tân mà linh hồn của tập đoàn là Phan Châu Trinh, đã sớm thức tỉnh, thấy rõ nội lực quốc dân yếu kém, sĩ tử còn hôn mê trong giấc mộng từ chương bát cồ thì làm sao có thể dùng bạo động để đánh đuổi thực dân, nếu chẳng phải chỉ làm cái việc «đem trứng chọi vào đá» để nhận lấy thảm bại mà thôi. Vậy con đường duy nhất, còn hy vọng cứu được nước là: ý Pháp tự trị, khai trí trị sanh, củng cố quốc dân nội lực vững mạnh, thì người Pháp dù muốn dè đầu cỡi cõ dân ta cũng không thể nào làm được.

Thế là kể từ 1904, Phan Châu Trinh từ quan, trở về liên kết với các đồng bạn, đồng chí: Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, vận động Duy tân, đề xướng tân học từ Nam chí Bắc. Riêng ở Quảng Nam các hội thương, hội nông, hội mặc đồ Tây, hội cúp tóc và trường dạy chữ quốc ngữ, mọc lên khắp các xã quận, Phan Châu Trinh là người tiên phong bỏ chiếc áo dài đen lượt bướt biết, thay vào bộ Âu phục gọn gàng và đồng thời giã từ búi tóc. Người Việt ta xưa quan niệm «cái đầu thờ phượng ông bà» cho rằng đụng đến cái tóc là lỗi đạo với ông cha nên đã có nhiều người phản đối, nhưng sức phản đối đó không thể nào ngăn cản được một cao trào với sức tuyên truyền mạnh mẽ ảnh hưởng sâu rộng vào mọi giới quần chúng. Một trong những tác động tuyên truyền mạnh mẽ đó là bài về «Cúp tóc» vào thời 1905 hay 1906 gì đó mà vẫn còn lưu truyền trong dân gian đến ngày nay.

### Về cúp tóc

*Vì ai nên nổi u-mê*

*Vì coi trước mặt không dè sau lưng*

*Cái tóc vô dụng quá chừng,*

*Lạ thay người thế lại ửng cho dài*

*Trời sinh một mảnh hình hài*

*Cái đầu thờ phượng, cái vai gánh  
gồng*

*Mắt xem thấy, tai nghe thông*

*Chân thì đi đứng, tay dùng đỡ nương*

*Cái mũi dè biết mùi hương*

(1) Phan văn Bình là thân sinh của Phan Châu Trinh làm Quản cơ Sơn phòng đã tham gia nghĩa hội chống Pháp do cụ Huỳnh Hiệu lãnh đạo ở Quảng-Nam.



Miệng thời ăn uống, lưỡi thường  
nói năng.

Ngũ tạng gìn giữ tánh hằng  
Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí ai rằng là không.  
Thực là thân thể phải dùng  
Phải nên xem trọng phải hồng trông  
coi.

Còn như một nổi tóc dài  
Tính ra cho kỹ được tài chi chi  
Gác tay lên trán mà suy  
Bùi nhùi giữa óc loạn xì trên cõi  
Chẳng chi nực nội mà thôi  
Đã thêm chi cản lại bởi bụi nhơ  
Gặp khi biến sự tình cờ  
Dầu không rồi rắm cũng chờ bởi bao  
Thế thôi có ích chi nào  
Đã thêm của tổn, công hao kia mà  
Bới củ tỏi bới đuôi gà  
Kẻ dùng nhíp bắt người sa lượt cài  
Cái chàng cũng muốn cho dài  
Đôi mỗi lông nhím bịt hai đường dầu  
Kẻ thì xúc đủ thứ dầu  
Sa nhọn trái kếp mượn màu làm  
duyên

Ấy là cái tục não phiến  
Xem qua bằng mắt biết liền vào tai  
Tệ này nào có tệ ai  
Tệ người Huỳnh Phước nổi nổi đến  
nay  
Xưa còn không biết không hay  
Không minh lẽ thẳng không bày lời  
khôn

Phát phơ vào đội ra lòn  
Bị bùng óc trí, dập dồn thói hư  
Từ mười bốn kỷ đến chừ  
Liu diu thói đại không từ không thôi  
Tôi nay cũng đã đại rồi  
Đại rồi há dễ còn ngồi làm thình  
Vậy nên xét lại trong mình  
Một phen rửa sạch cho tinh bấy chừ

Một, hai, ba, bốn xin từ  
Trước đưa một kéo sau từ vài câu.

Về giáo dục, phong trào Duy tân đã chủ trương một lẽ lối giáo dục mới có tính cách thực dụng và thực tế. Chương trình học dùng toàn chữ quốc ngữ thay cho chữ Hán, chữ nôm, chú trọng cả ba môn: Đức, Trí, và Thể dục. Các môn học khô khan khó nhớ thì thầy giáo soạn thành văn vần cho học trò dễ nhớ dễ thuộc. Riêng về môn Sử Địa không phải dạy những cái cao xa bên Tàu bên Tây, mà trái lại điều quan hệ trước hết là phải dạy cho học sinh thấu hiểu Địa lý Sử ký trong địa phương trước đã đề ngay từ thuở nhỏ nuôi dưỡng nơi tâm hồn chúng những tình cảm mến yêu quê hương làng xã. Chính tình yêu quê hương làng mạc là mầm mống đầu tiên nảy sinh lòng ái quốc và tình yêu dân tộc. Nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục vừa nêu trên, một trong những nhà giáo của phong trào Duy tân đã áp dụng đúng đường lối giáo dục mới, soạn những bài văn vần cho học sinh thuộc lâu, mà bài ca địa chí Quảng-Nam sau đây là tiêu biểu (1).

Quảng-nam vốn đất Chiêm thành  
Trần, Lê\* thuở trước đánh giành  
khá lâu  
Triều ta mở rộng năm châu,

(1) Bài ca trên là do cụ Tú tài Trương Trọng Hữu, người làng Châu-Lâu, quận Duy Xuyên soạn ra để dạy học trò. Cụ Tú tài dưới thời Thành Thái, hưởng ứng phong trào Duy tân, dạy học theo tinh thần mới. Cụ mất năm 1947, thọ 80 tuổi.



Từ vua Gia-Dũ thiết đầu khai cơ.  
 Tây-Sơn giáp ngũ dựng cờ  
 Cao hoàng khôi phục cõi bờ về tay  
 Đặt làm dinh trấn những ngày  
 Sau đặt làm tỉnh đổi thay mấy lần  
 Bắc, Thừa-thiên, giáp Hải-vân  
 Nam thì Quảng-nghĩa giáp gần núi  
 Phong

Tây thời giáp đến Mèkong  
 Mọi cao, mọi thấp mấy vòng núi xanh  
 Đông thì biển rộng thình thình,  
 Đất hai trăm dặm rành rành nhớ ghi  
 Bảy phủ huyện ấy tên chi?  
 Sát ngoài phía bắc vậy thì Hòa-vang  
 Giữa thời là phủ Điện-bàn  
 Tỉnh thành thì cũng ở ngang một bề.  
 Duy-xuyên huyện ở trong kê  
 Quế-sơn vô nữa thì về phủ Thăng  
 Hà-đông Quảng-ngãi sát dặng  
 Còn huyện Đại-lộc mới tăng trên cùng  
 Nhìn xem non nước trùng trùng  
 Ngõ nguồn có sáu phải thông tên gì?  
 Hưu-ban sát núi Trà-my  
 Chiên-đàn thì cũng vậy thì ở trong  
 Thu-bồn một dãy cong vòng  
 Ó-gia thì ở trên giòng sông con  
 Lô-đông sát núi Cao sơn  
 Cu-đê thì ở gần hòn Hải-vân  
 Lại xem đến dưới hải phần  
 Cửa biển có bốn xa gần đâu đâu?  
 Cu-đê thủy tú có đâu  
 Đà-nẵng hải khẩu cũng sâu đậu tàu  
 Phố cùng Đại chiếm gần nhau  
 Còn cửa Đại-yêm ở sau Tam-kỳ  
 Bảy trạm ấy là tên chi?  
 Nam-hòa phía Bắc Nam thì Hòa-  
 vang

Cứ trên đường cái kê lan  
 Nam-kỳ trạm ấy lại gần phủ Thăng  
 Lê-dương, Nam-ngọc sát dặng

Còn trạm Nam-phước ở gần Duy-  
 xuyên

Miếu Bông, Nam Giảng gần liền  
 Còn trạm Nam-ô ở gần Hóa-ô.  
 Ngàn năm gây dựng cơ đồ  
 Vật trong thổ sản tỉnh mô dăm bì.  
 Nồng sơn than đá thiếu chi.  
 Bảo-an đường tốt, Trà-my quế nhiều  
 Bạc vàng ở tại Bông-miêu.  
 Phò nam, Phú-thượng biết bao nhiều  
 chè  
 Tư, cau, thuốc chở đầy ghe.  
 Hội-an buôn bán tiếng nghe xa gần  
 Một ngàn bốn chục xã dân,  
 Ai ai cũng có một phần giang sơn.

Công cuộc Duy-tân thấu đạt kết quả tốt đẹp Chỉ trong vòng bốn năm (1904-1908) mà dân trí đã mở mang, dân sinh được khai hóa, nhờ những cơ sở Duy-tân mọc lên từ nông thôn đến thành thị, hướng dẫn và giáo dục quần chúng (1) Do đó không còn ngạc nhiên trước khí thế đấu tranh của quần chúng địa phương, Quảng-Nam xông lên đòi quyền sống. Họ đã sát cánh bên nhau, cơm đùm cơm gói kéo đến xin xâu xin thuế tại các phủ huyện, tỉnh và tòa sứ. Lúc đầu bất bạo động sau chuyển thành bạo động vì lòng căm phẫn càng dâng cao, vì những yêu sách chính đáng không được thỏa mãn. Bài về "Xin xâu chống thuế" sau đây mô tả trung thực diễn tiến phong trào xin xâu chống thuế tại Quảng-Nam khởi phát từ tháng 4 năm 1908.

(1) Đề thấy rõ về Duy-tân xin tìm đọc 'Phong-trào Duy tân' của Nguyễn Văn Xuân, Lá Bối xuất bản.



Lặng lặng mà nghe  
 Cái vè xin thuế  
 Mùa màng mất tẻ  
 Buôn bán không ra  
 Kẻ gần người xa  
 Cũng nghèo cũng khổ  
 Hai đồng sáu nợ  
 Bảy ngày công sưu  
 Cao đã quá đầu  
 Kêu ãn ngắn cổ  
 Ở đâu ở đó  
 Cũng rúc mà ra  
 Kẻ kéo xuống ãn  
 Người nằm trên ãn  
 Đông ãn quá đông  
 Trong tự Hà-đông  
 Ngoài từ Diên-phước  
 Đại-lộc xin trước  
 Duy-xuyên, Quế-sơn  
 Thăng-bình Hòa-vang  
 Huyện mô cũng có  
 Lạy quan bảo hộ  
 Dân thiệt cơ hàn  
 Phải tới kêu vang  
 Nhờ ơn chuẩn giám  
 Đưa thời lờm chờm  
 Đùm muối, đùm cơm  
 Đưa chạy lờm xờm  
 Bọc khoai, bọc đỗ  
 Quần thì đóng khổ  
 Áo chỉ mỏng trơn  
 Hình tự Châu ôn  
 Dạn như Phật đất  
 Trong tòa cũng chặt  
 Năm tới ngoài ãn  
 Từ phố Hội-an  
 Đón sông chợ Củi  
 Kêu nghèo kêu đói  
 Xin thuế xin xâu  
 Có kẻ cúp đầu

Người thì dài tóc  
 Đi ngang đi dọc  
 Kéo vô kéo ra  
 Miệng nói «Chao cha»  
 Lòng thời tỏ mở  
 Thằng thâu thuế chợ  
 Cũng đánh chạy tan  
 Ông Cai đắp ãn  
 Sợ đều trốn phứt  
 Ban ãn la cực  
 Sau lại làm hung  
 Vì kẻ lòng tung  
 Bắt người sậm sực  
 Nhộn nhộn nhứt nhứt  
 Túi bụi ãn băng  
 Kẻ ãn dù đen  
 Người trao trác ãn  
 Các quan sức ãn  
 Tất cả vọng hồ  
 Từ dân trấn vô  
 Bất tuân trong ãn  
 Lạ ãn quá lạ  
 Kinh cũng quá kinh  
 Trong rêu lãn binh  
 Ngoài khiêng tri phủ  
 Có quan ãn cũ  
 Cũng trấn nước nhàu  
 Xin thuế xin xâu  
 Sao hung chi dữ  
 Tự ãn tự sứ  
 Chỉ huyện chỉ nha  
 Thấy những người ta  
 Năm ãn chặt ãn (nách)  
 Sứ ãn hiểu sức  
 Biều kéo nhau về  
 Dân cũng chẳng nghe  
 Cứ vì ãn ãn ãn  
 Lĩnh kêu khổ ãn  
 Đánh bề mặt xanh  
 Kẻ thì đập ãn  
 Người kêu bề ãn



Mấy anh đầu trột  
 Cũng xiềng mang tai  
 Mấy chú tóc dài  
 Cũng giờ căng cước  
 Súng động rật rật  
 Roi quất vo vo  
 Ai cũng tự do  
 Khôn bề độc lập  
 Tòa tư ra gấp  
 Bộ kéo về liền  
 Tỉnh có quan phiên  
 Người về hiệu trấp  
 Hai trăm lính tập  
 Quan một, quan hai  
 Súng đạn hấn hời  
 Quan gia minh bạch  
 Cúp thì trốn sạch  
 Miệng hết nói vòng  
 Gần sông xuống sông  
 Gần núi lên núi  
 Kẻ rút vô bụi  
 Người rúc vô rừng  
 Bất đánh tung bưng

Bắt đi lưu đày  
 Vợ chồng bận bịu  
 Cha mẹ thiết tha  
 Kẻ giải xuống tòa  
 Người giam trên phủ  
 Tuê đà đến vụ  
 Xâu đã đến kỳ  
 Chẳng thấy giảm chi  
 Sao không xin nữa.

Việc sưu tập những bài về trên đây chắc còn nhiều thiếu sót và việc ghi chép lại không tránh khỏi những điểm sai lạc, chúng tôi rất ước mong được sự chỉ giáo những chỗ sai lầm để những tài liệu này được hiệu đính chính xác hơn, ngõ hầu giúp cho những nhà nghiên cứu có được những dữ kiện xác thực. Còn phần phê bình và thẩm định giá trị những bài về trên, chúng tôi xin nhường lại quý vị độc giả.

NGUYỄN VĂN TƯỜNG

Đón đọc :

## VẤN HỌC SỬ THỜI KHÁNG PHÁP

của Lê Văn Siêu

- \* Công trình biên khảo từ đầu cuộc xâm lăng đến ngày Pháp mất quyền ở Việt-nam
- \* Phải đọc để thấy người Việt lúc nào cũng chiến đấu, chống trả, đánh đuổi quân xâm lăng...

TRÍ ĐĂNG xuất bản phát hành



## SÁCH MỚI

— HITLER VÀ CÁC DANH TƯỚNG ĐỨC QUỐC XÃ.

Cuốn sách độc đáo về đệ nhị thế chiến của học giả, nhà văn, ký giả lừng danh thế giới RAYMOND CARTIER.

Sắp phát hành :

— CÁC TÊN ÁC QUỶ CỦA Y KHOA DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN.

— BỨC TƯỜNG THÀNH DO THÁI của JEAN LARTÉGUY tương Moshé Dayan đề tựa.

Cuốn sách lột trần các sự bí mật của quân đội bí mật như thế giới.

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN dịch

SÔNG KIÊN xuất bản và phát hành. 98 Trần nhân Tôn (lầu 3) Sài Gòn 10

hãy  
hút...



BASTOS MỚI



ĐẦU LỌC  
tuyệt hảo





## Chân dung Phan Châu Trinh

Bức hình cuối cùng của cụ Phan

### ● *Dưới mắt người con*

Những vị nào đi ngang qua Quảng Tín (một phần Quảng Nam xưa) từ Tam kỳ lên Cẩm Khê, nhìn về một phía đồi cao, đã thấy sừng sững một cây da (ta) dù tán tròn, xanh tốt giống như cây dù, cây lọng che, sẵn sàng mời khách tới ngồi đàm thoại dưới bóng lá xanh um.

Thời kỳ tản cư, ký giả đi qua vùng ấy vẫn thường nhìn lên nơi có cây dù lý tưởng kia thì được người địa phương cho biết :

Chỗ cây da dù là nơi mà ông Phan Châu Trinh và ông Huỳnh Thúc Kháng lúc trẻ thường đến đàm đạo với nhau.

Chuyện này, tôi nghe cả những người trẻ tuổi, chưa sống qua thời các ông, kể lại. Như thế chắc là đã được truyền miệng do cha anh. Và nó đã thành huyền-thoại. Thật vậy, sau này khi đi qua một số vùng khác có núi đồi cao, có cây da dù, đồng bào lại cũng bảo đó là nơi hai chí sĩ ngồi đàm đạo việc nước lúc thiếu thời.

oOo

Từ Cẩm Khê (Phú phiêu) lên ngã Đại Đồng thì đến Tây Lộc. Tới đây, sau khi băng qua những khe suối, đồi dốc, rừng sưa, cây lạ đầy vẻ hoang vu chúng ta chờ đợi đi vào những hang, những động huyền bí. Thế mà lạ lùng ! Vào cái buổi trưa hè chói chan giữa khu dày đặc những sâu sốt rét, khách bỗng thấy hiện ra trước mắt một miền đất rộng mênh mông, màu mỡ, đẹp



như tranh vẽ. Rồi giữa khu vực đó, một cái hồ rộng với muôn nghìn đóa hoa sen rực rỡ hiện ra như có phép lạ, như một sự-vô-lý-khó-tin, như thôn đào hoa nào ở bên Trung quốc. Không ai có thể tưởng tượng những loại hoa kiêu diễm ấy đến mọc ở vùng này để biến khu vực núi non xa lạ thành một nơi thanh tú đến thế.

Đó chính là Tây hồ. Nhà ông Phan Châu Trinh ở tại ngay trước hồ và khu vực màu mỡ này gọi là xứ-Bồ-lúa và thuộc về một trong những tộc to họ lớn tại đây. Vùng này là vùng giàu đất ruộng, đời sống nhân dân tương đối sung túc hơn nhiều vùng khác. Nó cũng như các khu vực lân cận khác thường do một đôi tộc to họ lớn chiếm lãnh rồi đương nhiên họ trở thành những thổ hào, gần như có toàn quyền quyết định địa phương mình... Và đó là lý do phát sinh những Lê Lợi, Tây Sơn, Phan Đình Phùng, Phan Châu Trinh...

Phan Châu Trinh đã sinh ra, đã lớn lên trong vùng. Ông trải qua những ngày thiếu thời hoạt động như tất cả những thanh niên hiếu động ở địa phương. Ông có vợ và ba con. Người con trai lớn, anh cả Phan Châu Dật qua Pháp rồi về chết ở Huế. Hai cô gái, cô Đậu, đã là bà Đốc Ấm (vợ ông Lê Ấm), cô Mè thường gọi bà Tham Hối (vợ ông Tham tá Nguyễn đồng Hối (1) tức thân sinh Nguyễn thị Bình) đã biệt cư trong Nam. Đây, chúng ta nghe ái nữ nhà ái quốc kể qua vài dật sự, vài giai thoại của người cha «rất nhiều chuyện» của bà (2):

Tôi lớn lên gần như không có cha. Những giai thoại, dật sự hình ảnh về cậu tôi (tức cha) lúc trẻ, tôi chỉ còn giữ lại một cách mang máng, hoặc nghe mẹ tôi hay chú bác tôi hoặc chính người ngoài kể lại. Suốt thời tuổi ấu thơ, tôi còn giữ lại một vài kỷ niệm và thắm thía nhất là lần bị cậu tôi rầy la vì nhác học. Tôi chỉ nhớ là cậu tôi nghiêm lắm, đối với vợ con, đối với mọi người.

oOo

Nhưng không phải bao giờ cậu tôi cũng nghiêm nghị. Trái lại cả nhà

nhiều lần cười ngặt vì những hành động cậu tôi đã có ngay thời đó hoặc được bà con kể lại.

Trước hết tôi phải nói là cậu tôi bền chí lạ lùng. Làm việc gì thì làm cho tới nơi, tới chốn, tới vãn cuộc mà vẫn chưa thôi. Tỉ như việc câu cá mà cậu tôi rất sành sỏi. Nguyên trước nhà chúng có cái hồ lớn thả sen. Lúc nhỏ, cậu chuyên môn theo lũ trẻ bắt cá, thả lờ. Lớn lên thì câu cần, câu ống. Câu ống là cách ném một lưới câu vào những nơi có ồ cá tràu con (cá lóc); nơi lưới có móc con ếch

(1) Người La Kham, Điện Bàn, Quảng nam.

(2) Bà Lê Ấm hiện nay ở nhà thờ Phan Châu Trinh Đà-nẵng.



sống, ếch sẽ khuấy động ồ cá và cá mẹ tức giận sẽ xông ra đớp ếch (cũng có khi móc con ốc trong lưới câu, buộc dưới chân con vệt). Người câu khi được cá thì quay cái ống kéo con cá về. Nói thì dễ, song câu loại này phải mưu trí, biết rõ chỗ ẩn của cá, hiểu tâm lý cá, phải thành thạo, mà nhất là kiên trì, thật kiên trì. Cậu tôi câu luôn từ lúc trẻ cho tới khi đậu Phó bảng về, cả làng bàn nhau đem cái hồ đẹp nhất vùng đó *kính* cho cậu tôi, gọi là mừng ông tân khoa. Thế là cậu tôi lấy tên làng (Tây Lộc) đặt cho tên hồ: *Tây hồ*; rồi cũng dùng luôn làm hiệu sau này. (Khi còn nhỏ, tôi được nghe làng cũng tế thường mở đầu bài văn tế giới thiệu vùng tôi ở như sau: Quảng Nam tỉnh, Tam Kỳ phủ, Hà Đông huyện, (sau đổi ra Tiên Phước) Trung tông, Tây Lộc xã, Bồ Lúa xứ; thời 1945, lại lấy hiệu Tây Hồ gọi tên làng thay cho Tây Lộc). Cậu tôi ham câu kỳ lạ. Cho đến nỗi khi có việc kiện tụng, quan huyện đòi xuống hầu về việc mắng lại viên huấn đạo, định bỏ tù mà cũng xách cần câu theo và hẹn chắc với bạn sẽ ra ngay để đi câu! (1) Thời đó, vào cửa quan là ai cũng run sợ mà cậu tôi coi như chuyện... đi câu. Sau này ra Côn Lôn rồi sang Pháp, cậu tôi vẫn đi câu. Có lần, một hội câu lớn ở Pháp mời cậu tôi tới câu, họ rất phục tài rồi như sau đó bầu cậu làm huynh trưởng. Cũng nhân chuyện câu, tôi có nhớ việc này:

Sau nhà tôi, có ông Đồi, chúng tôi thân mật gọi chú Đồi. Chú ở Xóm Rừng, nhà rất khá, ham nói chuyện

chữ nghĩa, chuyện cách mạng, rất ghiền đàm luận với cậu tôi. Một hôm chú Đồi câu được một con cá tràu khá lớn thì vừa có khách đến chơi. Cậu tôi liền sai đem làm con cá tràu để nấu cháo đãi khách. Thế rồi chú Đồi mang cá ra sau cứ vật lộn ỉ ạch mãi mà không giết được con cá. Cho tới lúc khách ra về, cậu tôi tức giận, gọi chú Đồi Khòm (chú bị khòm rất nặng) và cự nự:

— Chú tẻ quá. Có một con cá tràu mà vật nó cũng không nổi. Chú yếu tới vậy sao?

Chú Đồi cười:

— Không làm, chớ không phải không làm được.

— Tại sao vậy?

— Vì có mỗi con cá tràu để anh em mình nhậu nói chuyện chơi. Việc chi mà đem ra đãi khách!

Thì ra, chú Đồi Khòm chỉ muốn dành cá để cậu tôi với chú «lai rai» trò chuyện cho hả. Chú tốt lắm. Sau này, khi cậu tôi bị bắt, chú lập tức mang anh Phan Châu Dật về nuôi bên nhà, dẫu không cho mật thám biết. Anh Cả tôi — Dật — sống với chú một thời gian trong «Xóm Rừng» cho tới khi chính biến 1908 tạm yên. (1)

Cũng nhân kể chuyện *say mê* của

(1) Xem Nguyễn Văn Xuân — Phong trào Duy tân. Lá Bối 1969 — Có kể đầy đủ vụ này.

(2) Cái cần câu của ông Phan Châu Trinh sau cho ông Tham Nguyễn Đồng Hới, đệ thứ hai của ông.



cậu tôi, người ta có kể thêm câu chuyện mà đến nay, cả tộc còn kể, còn cười :

Vùng tôi ở, có giếng lầy, đàn ông khi tắm thì cời truồng, còn đàn bà thì cời trần (ký giả đã từng thấy nhiều nơi ở vùng này, đàn bà cũng "sản đúc một tòa thiên nhiên" khi tắm, như ở Nhật bản!) Cậu tôi cũng theo tục ấy. Năm đó cậu đã đi học, đi thi tức là khá lớn rồi. Bấy giờ gần nơi giếng có một tờ ong, tôi không rõ là ong gì. Cậu tôi quyết bắt cho được con ong Chúa để làm chủ tờ ong nên lấy đất vụn vãi vào ổ cho bầy ong bay ra mà bắt Chúa. Song con ong Chúa lại lập tức cùng bay theo ra cùng đồng bọn cuối cùng. Cậu tôi bỏ tắm, chạy theo bầy ong, cứ lấy đất vãi mạnh cho chúng phải mệt mỏi, tê bại. Nhưng bầy ong cứ quây quần nương đỡ nhau, bay từ vùng này sang vùng khác, qua những đám ruộng mênh mông, không cây cối. Cậu tôi cứ cương quyết lấy đất vãi kỹ cho con Chúa phải đầu hàng, nhưng con Chúa cũng nhất định dẫn cậu qua các ruộng làng An Tráng, Phú Thị (đến 5,6 cây số) xa xôi... cho tới khi chợt nghe tiếng kêu, tiếng cười, tiếng chế diễu !

— Ê ! Lêu lêu mắc cỡ !

— Ê ! Lớn mà tông ngỗng.

— Ê ! Quần đâu ? Anh kia ?

Cậu tôi mới nhớ là mình... truồng như như nhộng, đành bỏ cuộc trở về. Có lẽ đó là một trong những lần ít ỏi mà cậu tôi đành bỏ cuộc nửa chừng. Vì chẳng lẽ một anh học trò thi

mà có hành trang chường kỳ như thế khi đi qua những làng có tiếng là văn vật hay sao ?

oOo

Nhưng anh trò thi là cậu tôi sẽ không bỏ cuộc những lần khác, khi đã đủ áo quần. Cậu tôi hay tìm cách giáo hóa mọi người dù phải vất vả tới đâu. Nhiều người ở xa xôi, trong những vùng hẻo lánh, thâm sơn cùng cốc, cậu cũng tìm tới kết giao, trò chuyện và thuyết phục.

Muốn chơi với tất cả mọi người thì phải biết những cái ham thích của mọi người. Bởi thế, không chỉ giỏi võ, cậu tôi còn biết hết tứ đồ trường : trai gái (1), cờ bạc, môn gì cũng chẳng kém ai. Nhưng khi cần dừng lại vì thấy nguy hiểm là dừng lập tức (1) không chút do dự. Vì lẽ đó, cậu tôi kết giao rất đông và với đủ hạng người. Còn những người không giáo hóa được như các quan lại, lính tráng, người Pháp (sau này) các nhân viên giáo huấn v.v... thì cậu tôi chống lại một cách ngang nhiên, mạnh bạo, bất ngờ (1). Không chỉ với người trên mà với kẻ dưới, những kẻ gọi là bất trị, không cách gì giáo hóa nổi, cậu tôi cũng tìm cách giáo hóa cho được mới nghe.

Đó là một lần qua vùng nọ, nghe giếng có chị lái đò quá hớn, không biết nể mặt một ai, dù hạng cha chú mình cả làng trên xóm dưới đều nể mặt và cam chịu nhục ; cậu tôi hơi bất bình. Ngày kia, đi ra bến đò thì

(1) Xin xem thêm : «Phong trào Duy tân» số 4 và bài «Phan Châu Trinh và tiếng tăm lòng», Bách Khoa số 379.



quả đúng như người ta nói : chị lái đò hồn một cách không tả được. Ngay đối với cậu tôi, chị cũng chẳng cần biết là ai, cứ chửi càn. Cậu tôi lấy lời khuyên bảo :

— Này, chị. Chị cần phải biết...

— Biết cái ông bà tổ cổ tụi bay...

— Chị không được hồn nghe.

— Tau chửi đó, cha đũa mô dám ra miệng.

Khuyên bảo chị cũng không nghe, cậu tôi phải hạ tới mức đấu khẩu :

— Nè, tôi dạy chị bằng lời tử tế mà chị không nghe thì tôi dạy cho chị chửi nghe.

— Chửi đi.

Tức thì cậu tôi đòi lại ngôn ngữ. Cuộc chửi lộn kéo dài giờ này sang giờ nọ, không ai nhất định thua ai. Cuối cùng, chị kia bỏ về, cậu cũng đuổi theo chửi tới tận nhà. Chửi cho tới độ chị kia phải hạ mình khuất phục, thề từ nay không bao giờ dám hồn nữa mới thôi.

Cái lối giáo hóa này cậu tôi chỉ dùng có mỗi một lần mà về sau trở nên kiến hiệu hơn bất kỳ lối nào : chị lái đò nọ hết hồn láo và đôi tánh. Trước đó, cả một vùng nơi bến đò thật hết sức khờ sở với chị, nay mọi người thoát khỏi tai ách của con mẹ lảm điều, lảm lời, bất trị.

Ở trong gia đình, đối với những ai hồn hào, ngạo ngược, cậu cũng thẳng tay trừng trị, cho tới lúc nào phải giác ngộ mới nghe. Như trường hợp cô em gái thứ năm của cậu vì hồn với bà gia, cậu tôi la hoài không được

liền dẫn về bắt nầm và đánh cho một trận. Từ đó cô không dám có thái độ coi thường bà gia nữa.

oOo

Cậu tôi không phải cho tới khi học Tân thư rồi mới bỏ tính mê tín. Thật ra, khi còn trẻ, cậu cũng đã chống sự cúng cấp, bói toán nhảm nhí hết sức kịch liệt. Mẹ tôi thường quen lệ là hề có việc gì liền cúng việc đó : đi học, đi thi, dọn nhà, sửa ngõ... Tỉ dụ như việc đi học : đáng lẽ ngày mai tôi mới phải ra đi, nhưng hôm nay tốt ngày, mẹ tôi đã làm lễ cúng đường sá, lễ *kính ông*, coi dò gà rồi *dời gói*; nghĩa là đưa cái gói đồ đạc của tôi ra gói nhà trước ngõ, làm như tôi đã ra đi. Thế rồi hôm sau, khi ra đi, có người chờ sẵn nơi ngõ trao lại cái gói cho tôi và trong ý tưởng tất cả những người hiện diện đều yên trí là tôi đã đi hôm qua rồi; *ông* đã nhận lễ và vui lòng phù hộ cho tôi từ hôm qua...

Lễ *kính ông* luôn luôn diễn ra với con gà; gà úp trên bộ lòng đặt trên cõ bông xôi và dề giữa trang. Việc cúng nào cũng do mẹ tôi lo liệu, vái lạy, cậu tôi không bao giờ biết tới. Một hôm, mẹ tôi cúng xong, xuống nhà dưới lấy nước cúng thì cậu tôi liền leo lên ghế, nhón tay lấy bộ lòng gà rồi tìm chỗ chén ngay. Bộ lòng gà bao gồm những mề, gan, tim, cật. không phải nhỏ nên khi mẹ tôi bưng xuống thấy nó bay đâu mất, liền trở lên gọi cậu :

— Này, ông ơi ! nguy quá, không biết tại sao ?



— Cái gì mà bà sợ dữ vậy ?

— Không biết tại sao bộ lòng gà biến mất.

— Thế bà đề đâu ?

— Thì tôi làm lễ kính ông, tôi đề trên trang.

— Vậy thì tôi biết ai ăn rồi !

— Ai ? Mèo à ?

— Không. Thì ông chó ai ?

— Ông nào ?

— Cúng ông mà còn hỏi ông nào nữa.

— À...

— Thằng cha ông ni ăn hỗn thật ! Minh cúng là cúng giả mà ông ăn là ăn thật. Chán chưa.

Mợ tôi cũng không rõ là cậu tôi ăn. Cho tới khi cụ Huỳnh Thúc Kháng xuống chơi, cậu tôi mới bật mí, kể lại đầu đuôi cho cụ Huỳnh nghe và kết luận :

— Mấy chị đàn bà tin bá láp !

oOo

Ông Huỳnh Thúc Kháng giao thiệp với cậu tôi ra sao, các sách đã nói tới. Song cái lý do thì ngoài việc học hành, còn việc sau này : vợ ông Huỳnh và bà bác tôi là chị em ruột, con gái ông bá Trứ ; nhà ông bá Trứ ở Tú Cầm, ngay phía trước vùng tôi. Bác Phan Cừ, con trai đầu ông nội tôi cũng là rề ông bá Trứ, nghĩa là bạn cột chèo (cùng bạn rề) với ông Huỳnh. Bởi lẽ đó, khi nào ông Huỳnh đi làm rề thì lại có ghé nhà cậu tôi. Trước khi ông đến, chúng tôi đã nghe tiếng cười ròn từ ngoài

rồi. Ông cùng cậu tôi nói cười âm ỉ rất tương đắc. Mợ tôi làm đồ nhắm cho các ông nhắm rồi đánh kiệu. Tôi ngồi bên cạnh để xem. Về sau, tôi được ở gần ông nhiều hơn là ở gần cậu tôi.

Trở lại câu chuyện chống mê tín, tôi còn nhớ chuyện này.

Hồi đó, bà chị đầu cậu tôi có thờ Tồ sắn. Những nhà khá giả thường có sắn lười, khí giới, chó sắn nên có thờ tồ và sự cúng lễ rất trọng vọng. Có lẽ họ sợ núi rừng linh thiêng có thể gây nên tai họa. Cậu tôi cũng là một tay sắn giỏi, nhưng không tin gì cả. Một năm đi thi rớt về muốn ăn thịt heo, thịt gà mà không sắn được, cậu lại chọc bà chị chơi. Một lần đêm tối, trên cây đa, cạnh miếu ở sau nhà nơi rất linh thiêng, có tiếng cú kêu. Bà cô tôi hay mê tín liền chạy ra sau vái :

— Như thật là cú, xin kêu ít tiếng nữa, tôi xin sẽ làm gà mà cúng.

Tức thì mấy tiếng cú rợn người phát ra từ trên cây thăm thăm. Sau tiếng cú, lại có nắm cát sạn trên cây cao ném sào sạo xuống nhà. Cô tôi khấn :

— Như thật ngài thì xin ném cho lần nữa.

Tức thì cát sạn lại ào ào đổ xuống.

Rồi mọi tiếng động tan biến khi cô vào nhà.

Lát sau, cậu tôi sang chơi, cô liền nói :

— Nè, chú Ba nè, khi nãy tôi sợ quá.



— Việc chi mà chị sợ ?

Bà cô tôi kể lại đầu đuôi. Cậu tôi hỏi :

— Vậy bác khẩn là sẽ cúng lễ những chi.

— Tôi khẩn heo gà.

— Vậy thì mình phải làm ngay: Chuyện quỉ thần đâu phải chuyện chơi ! Phải làm ngay, chị à.

Thế là mười bốn cái bàn được nhắc ra sân để cho mười bốn con gà lên nằm trên mười bốn cò bông xôi..

Mãi về sau, cô tôi mới biết cậu tôi phá. Nhưng bấy giờ, có lẽ cậu tôi đã ở Côn đảo hay bên Pháp rồi.

oOo

Cậu tôi bị bắt bị giam ra sao ? Tôi không biết. Tôi không bao giờ nghĩ là mình có cha suốt một thời gian khá dài (có lẽ 1905-1908-1910 nghĩa là suốt thời ông Phan hoạt động Phong trào Duy-tân và 1a Côn đảo, bấy giờ bà mới năm, sáu tuổi)(1). Những chuyện tôi kể trên kia là nhờ người lớn kể lại hay giúp tôi hồi tưởng có mạch lạc. Còn trong dĩ vãng, tôi chỉ nhớ mang máng là thỉnh thoảng có một người được gọi là ông Nghè về nhà với bà Nghè là mẹ tôi. Người ta bảo ông-đó-là-cha-tôi. Tôi không có thâm mật, kỷ niệm âu yếm nào với cha. Tôi chỉ nhìn thấy ở ông một người nghiêm nghị và rất hay nói chuyện... Thế thôi.

Rồi cậu đi biển biệt. Cho tới một hôm, có người tới báo là Cậu ra

khỏi Côn Lôn và sắp qua Pháp. Rồi ông Trần đình Phiên (anh bác sĩ Trần đình Nam) làm ở Công ty Liên-Thành tới dẫn mẹ tôi đi. Chị em tôi hỏi :

— Mẹ đi đâu ?

— Mẹ vô Sài-gòn cho gặp cậu.

— Mẹ đi với ai ?

— Với anh Cả (Dật).

— Rồi anh Cả đi đâu ?

— Đi với cậu sang Pháp.

— Sang Pháp ? Xa không.

— Xa lắm. Xa lắm.

— Bao giờ cậu và anh cả về.

— Mẹ cũng không biết.

Đến bấy giờ, tôi mới biết rõ là tôi có cha. Cũng là lúc tôi được biết cha tôi vượt trùng dương xa tít một mù. Mẹ tôi mang cả hai chị em tôi gửi nơi nhà ông Thệp ở Cẩm Khê để vào thăm chồng... lần cuối cùng. " Ai hay vĩnh quyết là ngày chia tay ! "

oOo

Khi cậu tôi sang Pháp, có gửi thư về. Được một thời gian thì không thấy thư từ gì nữa. Thay những bức thư, chúng tôi nhận được những tập sách lớn, đủ những quảng cáo về áo quần, dày dép, xe cộ, máy móc ; sau này lớn lên, tôi mới biết đó là những sách ca-ta-lô, quảng cáo các món hàng của một doanh-nghiệp lớn ở Pháp. Cứ mỗi năm, người phụ

(1) Năm nay 1974, bà cũng 74 tuổi.



trạm lại mang vào một cuốn dày như thế. Mẹ tôi nhận và hỏi :

— Có thơ không.

— Thừa bà không.

— Sao không có thơ mà chỉ toàn sách vẽ cả ?

— Tôi cũng không biết. Nếu có thơ thì tôi đã mang lên cho bà. Tôi nghĩ có lẽ thư từ của ông đã bị...

— Sách này chúng tôi cũng không biết dùng làm chi.

Không dùng, song vẫn cứ nhận, vẫn cứ mong mỏi, vì còn sách gửi về là tin cha chúng tôi còn về. Người phu trạm từ trạm Nam Phước xa xôi, trải qua mấy chục cây số mang vào. Mẹ tôi đãi một quan tiền để thưởng công. Mỗi năm một cuốn, quyền này chồng lên quyền kia...

Năm tôi lên chín tuổi, ông cử Lương Trọng Hối mới dẫn tôi ra học ở Huế. Còn em gái tôi xuống Hội An ở với ông Trần đình Phiên nơi công ty Liên Thành (1) (gần nhà dây thép) để đi học.

oOo

Thời kỳ học ở Huế, có biết bao nhiêu chuyện thăng trầm. Sau này tôi mới biết là tôi được nhận vào, được lên lớp, bị đuổi học, bị gọi học lại, đều không phải do cá nhân tôi mà thật sự do tình hình chính trị nước Pháp đối với cậu tôi ra sao thì tôi phải chịu hậu quả như thế của nó (2).

oOo

Sau này, năm 1925 cậu tôi ở Pháp

về với ông Phan văn Trường do Nguyễn An Ninh sang mời. Bảy giờ tôi đã có chồng con rồi. Cô em gái tôi (tức Cô Mè hay Phan thị Châu Lang; bà Lê Ấm là Phan thị Châu Liên) đã được phép cậu tôi gả cho Nguyễn Đồng Hối, đám cưới cứ hành thời kỳ cha tôi về. Nhà tôi vào thăm cậu tôi trước (3) khi cậu tôi diễn thuyết ở Saigon (hai bài : Đạo đức và luân lý Âu Châu— Quân trị và dân trị chủ nghĩa) thì ông Bùi Công Trưng (sau theo Cộng sản) đem hai bài diễn thuyết đóng thành tập ra Huế. Có bản phát không, có bản bán ở tiệm sách 10 xu, rất chạy. Cậu tôi dặn tôi chưa cần vào vội.

(Thời kỳ cậu tôi về nước, tiếp theo sau là cụ Phan Bội Châu về, gây nhiều xúc động cho toàn dân. Bài diễn văn của cậu tôi cũng gây phong trào diễn thuyết. 1927 có nhà văn Bửu Đình (sau là tác giả «Mảnh trăng thu», «Cậu tám Lọ») cũng nổi lên diễn thuyết ở nhà cụ Phan Bội Châu. Ông người thấp, đẹp trai, hoàng phái mà chữ Khải-Định một cách công khai và mạnh dạn; cả chính phủ Nam triều bị ông điếm mặt, đã kích toí bời. Hôm ấy, nữ sinh trường Đồng Khánh bị cấm đi coi mà các cô cứ đi. Bửu Đình tuy nói

(1) Công ty do Phan Châu Trinh hướng dẫn thành lập 1906 ở Phan Thiết; về sau có chi nhánh khắp nơi. Nay vẫn còn hoạt động.

(2) Xin xem Nguyễn Văn Xuân « Chính trị nước Pháp và cô gái nhỏ » Phò thông tháng — 1973.

(3) Kề từ đoạn này có thêm ý kiến ông Lê Ấm.



hãng, song ban đầu người ta vẫn nghi là người của Pháp. Ông làm việc ở sở Bru-điện Saigon. Sau ông bị đày đi Côn Lôn, người ta mới hết nghi. Ông có tư tưởng dân chủ cực mạnh. Về sau chết ở Côn Lôn.)

Thời kỳ cậu tôi diễn thuyết và hoạt động trong Nam, chúng tôi thường nhận được tin tức vào ra luôn. Và các thanh niên cũng bắt đầu ý thức được trách nhiệm nên luôn luôn bàn tán việc lập báo, lập đảng và nhờ đó đã có một lực lượng tại hầu khắp các tỉnh Trung-kỳ.

Nhà tôi vào Saigon thì cậu tôi mệt nặng. Bác sĩ khuyên phải đi đổi gió. Do lẽ đó, cậu tôi đi Trà Vinh với ông Trương Văn Bền, ông Nguyễn An Ninh và một số thân hữu. Việc đi này còn có mục đích là để trốn khách. Vì khách ngày nào cũng đông nghẹt. Người Bắc, Nam, Trung, già, trẻ, trai, gái... quá đông! Nhiều bữa không ăn cơm. Vì cậu tôi nói rất mạnh, rất thẳng, không úp mở bất kỳ vấn đề gì. Đi xe buýt nói chuyện, người ta xúm lại nghe. Ra đường dạo chơi, nói chuyện, là người ta xúm lại nghe. Chỗ nào cũng như đám hội. Mật thám (lính kín) mà dờ dờ gì ra là cậu tôi gọi lại, hoặc giáo dục, hoặc đuổi mắng. Bấy giờ Varenne sang làm Toàn quyền mà Varenne ở đảng Xã-hội, vốn có liên lạc với cậu tôi, nên Tây cũng có phần nhẹ tay đối với phong trào ái quốc VN. Cô-Nhắc là Thống đốc Nam-kỳ cũng mời cậu tôi. Cậu mới bước vào, chưa kịp bắt tay vị chúa Miền Nam, uy danh khét tiếng, là đã la lên bài bài :

— Các ông vô lý lắm. Đến bây giờ mà các ông chưa thả cho dân Việt Nam đi là lẽ làm sao ?

Cô-Nhắc cười :

— Chính phủ Pháp cũng muốn mở mang cho dân Việt-Nam chứ không bó buộc.

Cậu họ :

— Các ông coi dân Việt-Nam như cái xe bò, có kéo mới chạy, chứ không để tự do cho nó. Các ông cứ thả cho nó đi. Mà có kéo lại cũng không được nào. Thế thì tại sao không thả ?

Nguyễn An Ninh quẩn quít bên mình cậu tôi. Hai người đánh bài Tây làm trò vui. Có lúc ông Ninh đòi làm con trai cậu tôi thay cho anh Phan Châu Dật, cậu tôi cười :

— Làm con trai cũng vậy thôi. Cốt yếu làm sao cho ích quốc lợi dân là quý hơn hết.

Ninh xem cậu tôi như cha mà cậu cũng thương yêu Ninh hơn hết. Cậu thường bảo với nhà tôi :

— Nguyễn Ái Quốc, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền là ba người khá nhất. Còn "thằng" Ninh là người linh hoạt, nói năng đúng, mạnh mẽ, không ủy mị. Con nên bỏ lối rụt rè, quan cách, bắt chước "thằng" Ninh cho có phách khí. Mình cư xử với Tây mà lễ phép quá cũng không được. Xem Ninh mà bắt chước.

oOo

Bệnh cậu tôi mang từ Pháp về là bệnh đau mũi (sinusite). Thời ấy chưa



có thuốc trụ sinh nên bệnh này, các lương y Pháp cũng bó tay. Tôi không rõ cậu tôi có bị mồ không. Nhưng rồi cậu tôi không phải chết vì sưng mũi mà vì phổi. Bệnh phổi đó bác sĩ cho là không lây và sau biến chứng kết ly rồi làm cho sức khỏe mỗi ngày một nguy kịch.

Tôi liền vào Sài Gòn. Cùng đi với tôi có ông Quyển và cụ Giải nguyên Lê văn Huân, vốn ở Côn Lôn về, nay vào gặp cậu tôi để bàn chính trị. Bảy giờ nhân sĩ miền Trung, sau một thời im lặng khá lâu dài vì bị bắt giam ở Lao Bảo, Côn Lôn, đã lục tục trở về và muốn tiếp tục hoạt động lại. Ông Huân vào chuyến này có hai mục đích : bàn chính cương đảng Tân Việt và mời cậu tôi làm đảng trưởng. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng vào nhưng đi đường thủy, còn chúng tôi đi đường bộ. Cụ Huỳnh vào bàn việc xây dựng dân chủ.

Khi chúng tôi tới Sài Gòn thì cậu tôi lên nhà ông Nguyễn An Cư trên Hóc-môn dưỡng bệnh. Nguyên lúc mới về cậu tôi ở nhà bà cô ruột mà cũng là «mẹ nuôi» Nguyễn An Ninh, gọi là bà Chiêu Nam Lầu, em Nguyễn An Khương, chị của ông Cư mà ông vẫn gọi một cách thân mật là : «Chị Năm tôi.» Bà bảy giờ đã trên sáu mươi tuổi, già hơn cậu tôi. Bà vốn là người ở tổ chức Duy tân, rất tích cực hoạt động. Nhà ở Boulevard Charner, phía dưới có bán hàng. Cả một gia đình ông Ninh, trai như gái, đều có liên quan tới chính trị và bà Chiêu Nam Lầu thật đáng mặt là «đàn bà để có mấy tay» !

Chúng tôi lên Hóc-môn, nhà ông Nguyễn An Cư. Cậu tôi nghe tin, liền đi ra. Mới xuống các bậc cấp, cậu nói với ông Lê văn Huân :

— Tôi đau.

Bảy giờ, tôi mới thấy rõ mặt «người cha» của tôi. Ông Lê văn Huân hỏi :

— Cụ đau nặng thế à ?

— Tôi đau đã mấy năm rồi. Anh ở Côn Lôn về rồi làm chi ?

— Tôi có làm chi ở mô ?

Cậu tôi cười :

— Không làm thì lấy cút chi mà ăn ?

Ông Huân cười :

— Không làm chính trị chớ làm ăn thì đương nhiên rồi.

Cả hai ông già cười ha hả. Lối nói có pha thêm những tiếng thô tục ấy, ở quê tôi thường có luôn. Tôi không ngờ qua Pháp mười bốn năm, cậu tôi chưa quên «tục» cũ. Tôi cảm thấy cậu tôi không quá xa lạ, thần thánh như tôi nghĩ. Cậu tôi gần gũi mọi người, và có ai ngờ, đây là cuộc nói chuyện của lý-thuyết-gia Dân-chủ với đảng trưởng đảng Dân-chủ đầu tiên của Việt-nam !

oOo

Sấn sóc cậu tôi bảy giờ có các bác sĩ Nguyễn văn Thịnh và Trần văn Đôn. Hai ông này do anh em trong nhóm cắt ra để lo cho cậu tôi. Các bác sĩ này đều có tham gia chính trị và ông Thịnh sau là đảng trưởng một đảng Dân-chủ ở Sài Gòn rồi ông tự tử vì bị Pháp gạt sau biến cố 1945. Ông Trần văn Đôn quen cậu tôi lúc ở Pháp.



Suốt thời kỳ cậu đau, cha ông Nguyễn Ái Quốc là Phó bảng Nguyễn Sinh Huy (hay Sắc) tới luôn. Ông bảng Huy có ba người con mà ông đều không bằng lòng cả ba: Ông Nguyễn Tất Đạt, anh ông N.A.Q., thì cờ bạc rượu chè. Bà Bạch Liên thì tuy có tham gia cách mạng, song cũng rất "đại khái". Riêng ông N.A.Q. thì tuy cậu tôi rất yêu chuộng, rất quý mến mà ông Bảng vẫn cho là ở một thế giới "hoang đường", xa xôi, khó hiểu. Ông Bảng tuy có ý thức chính trị song đã là người "thế hệ cũ". Ông bị an trí ở Mỹ Tho, sau về ở với Trần Duy Bình, làm nghề khắc con dấu; Ông thì làm thuốc. Nghe nói ông đang làm tri huyện, nổi giận đánh công sứ rồi bị cách chức. Người ông trông hao hao ông Nguyễn Ái Quốc song thấp hơn. Ông thường bảo cậu tôi:

— Nước là nước của hai mươi lăm triệu đồng bào, chớ chi của riêng ông mà ông cứ ngày đêm lo nghĩ cho bề nào.

Cậu tôi la:

— Thôi đi anh. Anh làm thuốc sao dốt vậy? Nếu bề nào thì chết rồi còn gì. Tôi đã chết đâu.

Thời kỳ cậu tôi đau, ban đầu ở Học môn, sau xem chừng nặng quá thì các bạn về kiếm nhà ở Sài Gòn cho tiện việc săn sóc và lỡ có mệnh-hệ nào... Nhà này ở đường Pellerin, số 54, người ta bảo là của ông Huỳnh Đình Điền, nhưng không phải. Nó là nhà thuê.

Tới lui với cậu tôi thời kỳ này, có

đủ thân sĩ khắp ba kỳ: ông Nguyễn Văn Đính, Trần Huy Liệu (Bắc) bấy giờ cưa qua Việt Nam Q.D.Đ. để rồi trở thành cộng sản), Nguyễn Trọng Hy (Huế) Ngô Châu Danh (Hội An) Hoàng Phò (giáo sư, mới từ Huế vào) Trần Đình Phiên, Hồ Tá Bang (cha Bác sĩ Hồ Tá Khanh, Phan Thiết) Bùi Công Trưng v.v... và hầu hết nhân sĩ Nam-kỳ. Lúc ấy đảng Tân-thế-u-niên do các thân hữu đã lập (mường gọi đảng Jeune Annam; Trần Huy Liệu có viết sách nói về đảng này) nên đã có những người hoạt động hăng hái. (1)

Những bạn thân của cha tôi ở Páp về thì có Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, sau đó là Nguyễn Thế Truyền. Ông Phan Văn Trường luật khoa tiến sĩ, người Bắc, đẹp trai, đã trên bốn mươi tuổi. Thời bấy giờ ông vẫn còn rất thân với cậu tôi, song có chuyện lạ này. Là cậu tôi đau nặng, ai cũng lo lắng tới lui. Ông cũng tới luôn, song chỉ đứng ngoài dòm vô. Mà lạ lùng: hễ cậu tôi ngó ra thì ông lại tránh né lập tức, như không muốn gặp cậu tôi. Mà thật thế. Hễ cậu tôi gặp ông là cự nự liền:

— Anh chỉ lo ngày đêm dạy Tây, Sao anh không lo dạy người Nam mình?

(1) Bấy giờ có tờ Jeune Annam của Lâm Châu Hiệp, tờ La Cloche fêlée của Nguyễn An Ninh đã giao cho Phan Văn Trường kể từ 26-11-1925 rất hăng hái, bên cạnh một tờ báo tiếng Việt sôi động dám nói, là Đông Pháp thời báo (Diệp Văn Cường Nguyễn Văn Bá...)



Ông Trương nhìn như có ý rất nặng nang song cũng bắt bình... Sau cậu tôi mất, ông có đi một xe kéo toàn giấy tiền, vàng, bạc, giấy ngũ sắc của thợ mã. Tôi gọi lao công, cho họ đem đi bán.

Ông Nguyễn Thế Truyền, kỹ sư, năm sau mới về. Ông có bà vợ người Ý-đại-ly, dẫn theo 4 đứa con. Ông biểu bà thấp hương lạy cậu tôi, bà bụm miệng cười, bị ông la gắt. Sau ông xuống đò ở với cụ Phan Sào Nam. Gia đình xem ra rất thanh bạch.

Còn ông Nguyễn An Ninh bấy giờ trẻ lắm. Mới trên hăm mấy tuổi. Mặt mày ông tươi sáng, nói cười rất có duyên; giới nữ mê lắm. Nghe nói ông diễn thuyết rất hấp dẫn. Hỏi ông làm ăn ra sao, ông bảo:

— Tôi à? Tôi nghèo lắm. Không có gì hết. Đi tới chỗ nào thì ăn chỗ đó thôi.

Bà vợ ông Ninh rất dễ thương. Hình như bà có nhiều hột xoàn nên cậu tôi mua. Tôi cười:

— Tôi đâu có tiền.

(Khi cậu tôi mất, bà có xuống đờ tang như con trong gia đình).

Ông Ninh thì cứ quẩn quít bên cậu tôi mãi. Nhưng trước ngày cậu tôi chết, vào buổi chiều, tôi thấy ông bị bắt, bị trói, giải đi trên xe điện qua nhà. Tình trạng cậu tôi bấy giờ nguy kịch quá. Nhưng tôi cũng phải cho biết:

— Cậu ơi, cậu! Nó bắt ông Ninh dẫn đi rồi.

Cậu tôi bảo, rất bình tĩnh:

— Thì làm chánh trị là nó bắt bó hoài. Nay bắt, mai thả. Ăn thua gì.

Lát sau, tôi lại thấy bắt Trương Cao Động cũng dẫn qua đây, như ông Ninh. Động người ở Cây Trâm, Quảng Nam, một tay giáo hoạt đã từng phỉnh lừa cả Khải-Định nữa. Ông ta chống Pháp, song cũng hơi "lung tung". Tuy vậy, cái việc ông bị bắt cũng làm cho dư luận Sài-gòn xôn xao một dạo.

Người ngoài, khi nghe nói cậu tôi sắp chết, tưởng đâu cậu đã phì phèo, không cự nổi. Thật ra, cậu vẫn còn nói và nói hăng. Tôi còn nhớ ngày đó, có hai người Bắc, gọi là hai ông Tham, đi xe ô-tô sang trọng, bóng loáng tới thăm:

— Thưa cụ, chúng cháu nghe danh cụ, từ Bắc vào đây thăm cụ. Chúng cháu xin chúc cụ mau mạnh dậy để hoạt động hộ cho con dân nhờ.

Tức thì cậu tôi nổi giận:

— Tôi hộ cái chi? Các anh trẻ trung to lớn. Các anh không làm chi. Các anh chỉ trông ngóng ở một thẳng già gần chết. Trông ngóng cái chi.

Cậu tôi la bai bai. Hai ông khách đỏ mặt, tía tai, chạy ra không kịp.

Tôi phải lật đật chạy theo xin lỗi họ.

Lúc tôi trở lại, cậu bảo:

— Vô ích. Chúng nó thân dài vai rộng không lo việc nước mà bảo mình phải lo để chúng mạnh khỏe đi làm việc cho Tây. Đuổi đi!





Lúc hạ huyết Cự Phan. Từ trái qua phải :  
Bà Châu Liên, Ông Lê Ấm, Bà Châu Lan và Ông Đồng Hợp.

Tính cậu tôi không biết mất lòng những người cậu thiếu thiện cảm. Như trước đó, Khải-Định sai Lê Bá Cử, thầu khoán làm lăng tẩm, rất thân thiết với nhà vua, vào kiểm chuyện nói tốt cho Khải-Định (trước khi vua chết). Cứ thêu dệt lắm việc, trình bày những nét hay, tính tốt của nhà vua và kết luận :

— Ngài cũng là người thương dân, thương nước lắm.

Thế là cậu tôi mắng luôn một trận, đuổi ra không kịp như trước kia đuổi Khải-Định bằng thơ Thất điều vậy.

Người bạn cũ thân nhất của cậu tôi : cụ Huỳnh Thúc Kháng vào hơi trễ. Nhưng cũng đủ để cùng cậu tôi trao đổi cái cười lần cuối cùng.

Trong đêm cuối, cậu tôi bảo thay ra cho cậu nằm rồi cậu vĩnh biệt

hết bạn thân.

Tôi không nói gì thêm. Vì nhiều sách báo, hình ảnh đã nói về cái chết của cậu tôi. Cái chết được mô tả là Quốc tang...

oOo

Tôi chỉ nhớ lần cuối cùng tôi đến từ biệt bà Chiêu Nam Lầu, cô của Nguyễn An Ninh. Bà bảo :

— Cậu con có gọi cô 300đ. Bây giờ nói thật con có lấy, cô cũng không có. Có điều là hàng của cô còn nhiều, con muốn lấy gì cũng được.

— Con muốn coi không cũng không được. Con phải lấy hàng đi. Cô đề giá nhẹ lắm.

— Đề con về ngoài đó hãy hay.

— Con về ngoài đó thì báo đã đăng cô bị khánh tận, hàng bị tịch hu cả rồi còn gì mà lấy.



Bà Tham Đồng, em gái tôi bảo : trong nước.

— Cô đã nói vậy, chị cứ lấy đi.

— Thì em lấy đi.

Bà Chiêu Nam Lầu bảo :

— Các cô cứ lấy đi.

— Em ở đây lúc nào lấy không được. Chị lấy đi.

Tôi lấy một ít hàng may...

Rồi tôi cùng chồng con trở về Trung trong tiếng vang vọng không ngừng của đám quốc tang kéo theo những cuộc bãi khóa của học sinh

## ● Qua một cuộc triển lãm

Đầu năm 1972 vào húy nhật ông Phan Châu Trinh và cũng nhân kỷ niệm 100 năm sinh nhà ái quốc, nhiều nơi có làm lễ kỷ niệm.

Riêng trường Phan Châu Trinh tại Đà Nẵng ông Hiệu trưởng cùng nhiều giáo sư nhân một đại lễ của nhà trường đã có sáng kiến là mở một cuộc triển lãm lớn về những tài liệu cũ có liên quan tới chí sĩ họ Phan cùng tổ chức những cuộc diễn thuyết (1) ngay tại phạm vi nhà trường.

Cuộc triển lãm này tổ chức chu đáo, có nhiều tài liệu chưa được công bố của Phan chí sĩ và rất được quần chúng đủ mọi giới hâm mộ suốt mấy ngày liền, gây một hoạt động về văn hóa có tầm mức quan trọng ở thị xã Đà Nẵng.

Về tài liệu, người ta có thể thấy đủ loại : những sách do ông Phan viết và những sách báo người ta

Cho tới ngày kia, Đông Pháp thời báo đăng tin bà Chiêu Nam Lầu, người đã nuôi Nguyễn An Ninh và đã giúp cậu tôi đến phút cuối cùng, bị *khánh tận*. Tài sản bị tịch thu hết.

Tôi thở dài, ngẫm nghĩ : «Đàn bà dễ có mấy tay» (1)

(1) Dật sự và giai thoại về Phan Châu Trinh, xin đọc thêm trong «Giai nhân kỳ ngộ» (sđd) phần Phan Tây-hồ Tiên sinh lịch sử và phần dật sự do Huỳnh Thúc Kháng biên soạn và Bà Phan Thị Châu Liên sao lục.

viết về ông; những giấy tờ bằng chữ Hán, Nôm, Pháp, do chính ông viết ra; những di ảnh của ông lúc ở trong nước. ở hải ngoại cùng với di ảnh nhiều chí sĩ khác có hoặc không liên quan tới công việc vận động Duy-tân, những hình ảnh — khá nhiều — về đám ma ông cùng những liên đới (chép lại) phúng điếu nhân ngày tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Trong đám hình ảnh, có một cái được xem là tài liệu vô giá của ông Nguyễn Tất Thành (sau đổi là Nguyễn Ái Quốc) gửi cho ông (2). Đó là tôi chưa kể những bức thư ông đã viết:

(1) L.T.S. Đã 2 cuộc diễn thuyết do :

a/ Nhà văn Nguyễn văn Xuân trình bày Phan Châu Trinh dưới mắt nhìn 1972.

b/ Nhà văn Duy Lam : Nghĩ về Phan Châu Trinh.

(2) LTS : Có in lại trên Bách Khoa số này, trang 26.



những bức họa ông đã vẽ... Tôi tin là hiện nay, ít có một nhà chính trị cũ nào thuộc lớp ông mà còn lưu nhiều tài liệu đến thế để cho những ai nghiên cứu về ông, đời ông, công cuộc hoạt động của ông, có thể dùng một cách khá chân xác. (1)

Tôi đã theo dõi cuộc triển lãm một cách vô cùng kỳ thú và sau đó tôi đã được ông Hiệu trưởng Thái Doãn Ngà, quý vị giáo sư Nguyễn Quân, Nguyễn Đình Trọng, Đỗ Việt Lê, Đinh Tráng v.v... ở Thư viện nhà trường cho mượn một số ảnh tiêu biểu, dự tính sẽ giới thiệu cùng độc giả Bách Khoa: «Phan Châu Trinh qua hình ảnh» trong số này. Tiếc rằng hình ảnh, tự nó đã không được rõ, vì đều là hình chụp lại nên nếu làm bản kẽm, in typo, với kỹ thuật thông thường về ấn loát của Bách-Khoa, e rằng lúc in ra độc giả cũng sẽ không nhìn ra được nét chữ, nét vẽ, hay những hình người quá nhỏ trong những tấm ảnh lịch sử này. Bởi vậy tôi chỉ cho in lại để giới thiệu một vài mẫu thư từ của ông Phan Châu Trinh và sau cùng là một vài hình ảnh liên quan đến đám tang của ông, còn những hình ảnh tiêu biểu nói trên, tôi sẽ cho in ra trong dịp khác.

Người ta vẫn tự hỏi: Trình độ Pháp văn của ông Phan Châu Trinh ra sao? Ông có học tiếng Pháp không và học thế nào? Tôi có một bản phóng-ảnh (photo-copie) một trang chữ viết tiếng Pháp của ông, nhưng làm bản kẽm sợ không rõ vì ông viết trên giấy kẻ ô vuông. Trang này chắc là ông ghi lại những câu tiếng Pháp ông học ở bên Pháp — có thể là lúc ông bị cầm tù vì có câu «on lave la celule regulierement le dimanche» (người ta thường lau rửa phòng giam vào Chủ nhật). Câu ông viết trên đây có 3 lỗi chính tả. Những lỗi chính tả này chúng ta nhận thấy khắp trang giấy nhưng cũng thông cảm là ông không được học một cách đàng hoàng mà «gặp đâu xâu đó», vì cả trang, bên cạnh những câu nói về bốn mùa thì lại tới những câu nói về ăn uống. Nhưng chắc ông chú ý nhiều nhất tới chính trị vì nhiều câu toàn thuộc loại tranh đấu. Chúng tôi cho in giống hệt như trang viết tay, cả những lỗi chính tả hay những chữ viết hoa trong câu như: «d'être Gracier». Ngoài ra trang này có những chữ Pháp ông ghi ngay nghĩa tiếng Việt ở trên hay dưới như: *bois* (cây gỗ), hay động từ *lave* (laver):

(1) Trong gia đình còn giữ 2 bộ áo quần trắng và màu may ở bên Pháp.

La pucee (bu chét) est difficile a atrapper  
 il y a quatre terme (mùa) dans l'année  
 Le printemps il fait ni froid ni chaud,  
 L'été il fait bien chaud,  
 L'automne il fait la même temperature.  
 L'hivere il fait (qu'au printemps) bien froid a la campagne  
 on lave (laver) la celule regulierement le dimanche  
 Quand j'aurais plus rien à manger, je piquerais les Megots.



an jardin des plantes, on eleve (nuôi), beaucoup d'Animeaux  
 Les condamné a mort ont l'espoire d'être Gracier  
 Vous vous lever tout les matin a sept heure  
 Le gouvernement demande beaucoup d'impots au pauvres travailleurs.  
 Mon fils m'a aporter quatre saucisse chinoise  
 Les joueurs de Courses n'ont jamais de benefice  
 Je doute (douter) qu'il y a de justice sur cette Terre  
 Je ne crois pas à la religion (tôn giáo) cretienne,  
 On mange l'eau chaude avec une cuillère en bois (cây-gỗ) ici  
 Il y a en chine encor des Foret (rừng rậm) vierge.

oOo

Tài liệu sau đây nặng tính chất tranh đấu chính trị và ông Phan đã viết khi ở ngục Santé. Ai không biết ông, tưởng chỉ cần đọc qua bức thư này vài đoạn cũng đủ hiểu rõ tính khí của ông ra sao khi theo đuổi mục đích chính trị của mình và thật xứng đáng với hai chữ «khí phách», «uy vũ bất năng khuất» (1).

Ngày 9 tháng năm 1915

Juge 1er Conseil de Guerre

Monsieur le Capitaine Caron

Quan lớn

Cái thơ tôi viết hỏi quan lớn ngày 27 tháng tư và ngày 2 tháng năm, đến bữa nay đã lâu rồi nếu có gịch thì chắc đã gịch rồi, quan lớn đã xem rồi, sao chẳng thấy quan lớn trả lời, mà lại còn cố ý giam tôi đây, thì tôi lấy làm lạ quá, hay là người ta cho quan lớn tiền bạc gì nhiều lắm, thuê quan lớn cố ý làm hại tôi, nên bảo bắt tôi thì quan lớn bắt, bảo giam tôi thì quan lớn giam, bảo đánh khảo lôi kéo tôi, nộ nạt giậm giọa tôi, quan lớn cứ làm theo nấy, bữa nay tôi nằm lười vắn họng quan lớn tôi hỏi lại, quan lớn

cứng họng câm mồm không thể trả lời được phải không? Vậy mà quan lớn chẳng lo bần phận quan lớn, còn giam tôi nữa sao?

Tôi viết thơ hỏi lắm cũng mỗi, tôi chỉ hỏi quan lớn một lần này thôi, tôi buộc quan lớn không trả lời cũng không được với tôi,

. . . . .

Điều phải than phục ông Phan là ở bên Pháp mà viết thư bằng Quốc ngữ cho quan tòa một cách ngang nhiên rồi buộc phải dịch ra (vì có câu trong thư «nếu có gịch thì đã gịch rồi») chớ không theo lối tầm thường là biết bao nhiêu chữ Pháp thì ráng viết bấy nhiêu (không đủ ý) hoặc mượn người viết hộ (sai ý mình).

Những việc làm nhiều khi vô tình của một chính trị gia, không ngờ lại đúng với lời bảo vệ quốc thể và là quốc thể một nước độ lập mà người sau sẽ theo đó mà khai thác.

oOo

Phần sau đây là một vài hình ảnh về đám táng nhà chí sĩ họ Phan,

(1) Thư số 5, gửi quan ba Caron, Chánh án Tòa án mật trận.



được xem như quốc táng, không chỉ Saigon mà toàn quốc đều cử hành vô cùng long trọng. Có nơi học sinh còn bãi khóa nữa để gây một xúc động tâm lý trong mọi giới đồng bào. Hiện nay, gia đình còn giữ được LỜI ĐẠT của Hội-đồng trị-sự lo đám tang Cụ Phan-Châu-Trinh, đạt cho đồng bào ta ở Saigon và khắp cả Trung, Nam, Bắc kỳ. Nhờ lời đạt đó, ta thấu hiểu ảnh hưởng của ông đối với quốc dân và những nhà ái quốc đã nhân cơ hội «tiêu cực» này để «tích cực» vùng lên chống nanh vuốt thực dân.

Lời Đạt mở đầu:

*Hỡi anh em chị em.*

*Hỡi ôi : Trời gieo họa lớn cho non sông Việt-Nam ta, cho cả đồng-bà, Hồng-Lạc ta, làm cho một vị ái-quốc anh-hùng, bấy lâu lưu lạc nước ngoài, nay mới về đây, chí cao chưa toại, nghiệp cả chưa thành, đã vội ngậm hờn nơi chín suối.*

*«Ấy là Cụ Phan-Châu-Trinh tạ thế.*

*Cụ Phan Châu Trinh là một người đã bước bước thứ nhất lên con đường cải-cách chánh-trị của quốc dân ta, trong 20 năm, cụ đã bỏ nhà cửa vợ con, bị đày bị tù, đề cầu cho dân ta được mau tiến hóa. Công nghiệp ấy lớn biết là dường nào ! Nhất là trong nước suy kém, trờ đời đảo-diên mà được một người có nhân cách cao thượng, khí tiết hùng hào như cụ, thì thật là vẻ vang cho dân tộc ta lắm. Dầu cho kẻ thù của Cụ kiếm cách mà vùi dập Cụ đến thế nào đi nữa. Cụ cũng đứng đầu hàng trong cuốn VIỆT-*

*NAM PHỤC-HUNG-SỬ sau này.*

*Tiếc thay từ ngày Cụ về ở Saigon đến nay, chưa thi thố gì được mấy, thì thọ bệnh càng ngày càng nặng. Chúng tôi đã lo hết phương cứu chữa song không thể khỏi được. Cụ đã ly trần ngày 24 tháng 3 năm 1923 lúc 21 giờ rưỡi.*

*Chúng tôi đã lập sẵn ban Hội đồng này để lo việc tang của Cụ và đã khâm-liệm Cụ một cách rất long trọng ấy là tỏ chút lòng tôn kính một người ái-quốc của chúng ta.*

*Chúng tôi lại gửi tờ báo tang này khắp cả ba kỳ, thỉnh cầu đồng bào ta thi hành theo như chương trình sau này :*

. . . . .

*Phần tiếp theo là những điều khoản khá tỉ mỉ cho mọi người, mọi giới, mọi đoàn thể và chúng ta đã thấy cả ba kỳ rầm rập tuân theo.*

*Trong Lời Đạt, đoạn gần cuối có mấy câu tỏ ý chống lại nhà cầm quyền Pháp rất khôn khéo : «...đối với người có công, chúng ta há chẳng nên biêu dương và sùng bái hay sao. Nếu cụ Phan-Châu-Trinh mà không được hưởng cái lễ long trọng này thì những người như Cụ sống đây ai còn thiết gì đến chúng ta nữa. Một dân tộc nào mà không biết tôn kính người ái-quốc là dân-tộc ấy không có lòng ái-quốc, chánh phủ chẳng hề ra lệnh cấm dân ta ái-quốc, miễn là chúng ta hành động một cách có trật tự.»*

*Tờ đạt do những nhân vật tiếng tăm nhất của Sài Gòn thời bấy giờ*



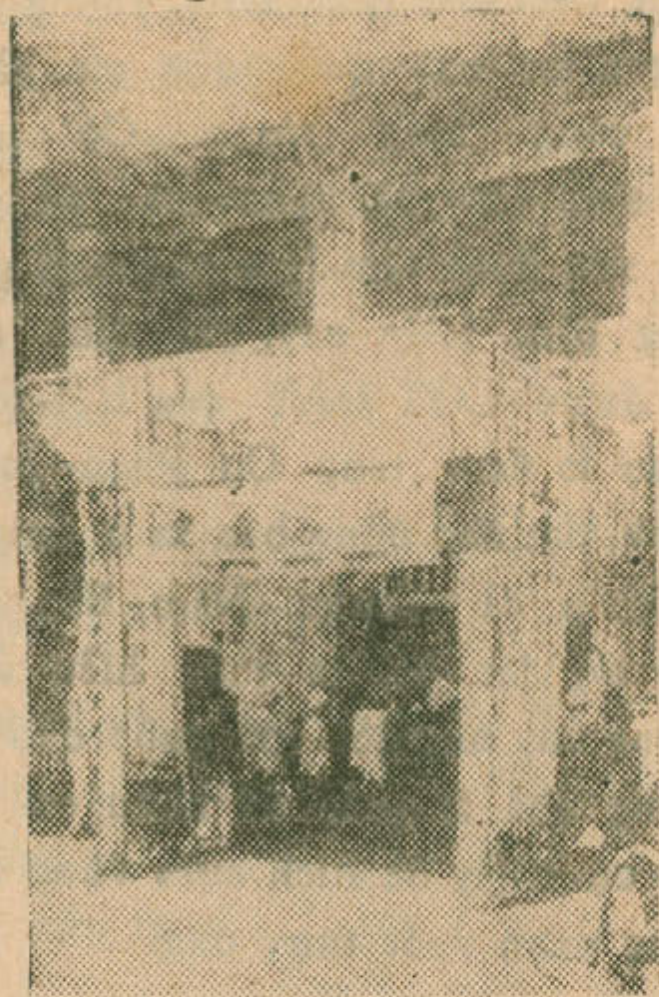
đứng tên : Bùi quang Chiêu, Phan văn Trường, Lê quang Liêm, Nguyễn văn Thịnh, Trần văn Đôn (ch.), Nguyễn Phan Long... Trong số những tên kể tiếp, chúng ta thấy có cả tên Trần Huy Liệu.

oOo

Những hình ảnh của mọi giới đồng bào đi đưa, trong cuộc triển lãm nói trên, có thể nói là rất nhiều.

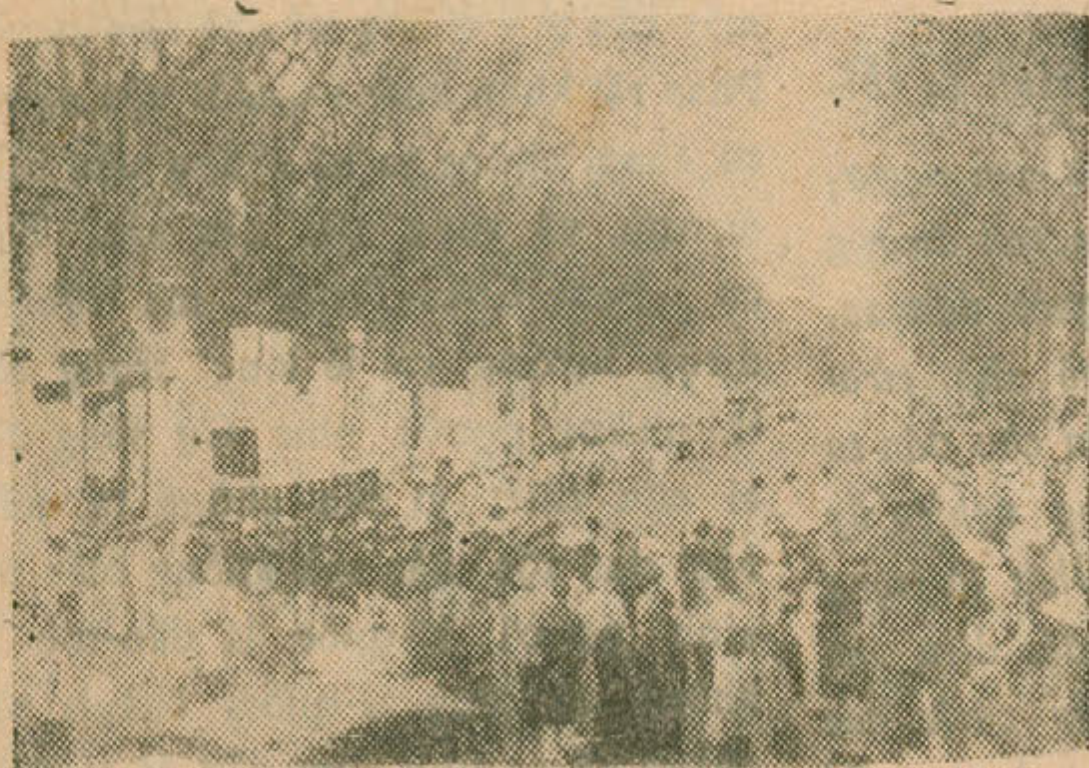
Người ta đề ý trước nhất là trụ sở chính ở đường Pellerin, số 54, nơi ông Phan an giấc lần cuối cùng, có treo nhiều câu phúng điếu. Đó là một dấu tích lịch sử.

Có nhiều đoàn thề đi đưa, nhưng đoàn thề khiến chúng ta phải quan tâm nhất là *Thanh niên Đảng*. Lực lượng này là tổ chức chính trị công khai, đã góp phần không nhỏ vào việc huy động quần chúng làm lễ quốc táng này.



*Trụ sở số 54 đường Pellerin*

Báo chí góp phần không nhỏ vào công cuộc vận động lễ quốc táng này. Bàn phúng của Đông-Pháp thời-báo là một chứng cứ cho thấy báo giới đã có thiện cảm như thế nào với người quá vãng.



*Học sinh Chasseloup Laubat và các trường khác đưa đám tang cụ Phan.*

Nhiều nhất, và chắc thời nào cũng sẽ như thế, là lực lượng học sinh. Phải nói ngay là các trường lớn đều có đi đưa. Có những trường khiến

chúng ta phải quan tâm như trường Sư phạm là một loại trường con cưng của Pháp, học viên tham dự có thể bị mất chỗ học, tức là mất một



cái ghế chắc chắn để mưu sinh no đủ suốt đời. Lại có các giới nữ lưu Nam-kỳ cũng tham gia hăng hái và cũng như nam giới, họ đều mang băng tang ở tay (trắng hay đen) và đi theo đội ngũ.

Ngoài ra còn các trường Chasseloup Laubat, trường Nguyễn Phan Long v.v.. đã đóng góp một số rất lớn khiến đám tang có một ý nghĩa sâu sắc đối với giới trẻ.

Một số hình còn cho thấy ở các tỉnh cũng có lễ truy điệu số rất lớn và nhân dân đã hưởng ứng nhiệt liệt bất kể nguy hiểm.

Với những hình ảnh trình bày trong cuộc triển lãm nói trên đây, chúng ta có thể thông cảm là cuộc đời và hoạt động của nhà chí sĩ họ Phan đã có ảnh hưởng sâu xa đến tinh thần nhân dân Việt Nam ra sao. Và lễ quốc táng long trọng, ngàn ngụt những người từ Saigon rải khắp toàn quốc đã có tác dụng đáng kể đối với lịch sử tranh đấu chống đế quốc, phong kiến và phong trào xây dựng dân chủ ở Việt Nam trên con đường Duy tân vậy.

NGUYỄN VĂN XUÂN

## CAO LỖI

Bách-Khoa số đặc khảo này mặc dầu đã tăng lên 16 trang nhưng vì các bài về Phan Châu Trinh chiếm một số trang quá lớn, nên những mục thường xuyên của Bách Khoa như *Lá thư nước ngoài*, *Thơ*, *Truyện* vẫn phải gác lại. Những bài tiếp theo của Bác sĩ Trần Văn Tích (Đông y và tư tưởng Lão Trang) của Bà Minh Quân (Giữa vật với người) đều phải dành lại số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị tác giả và độc giả Bách Khoa.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

## PHÂN ƯU

Rất đau đớn được tin :

### THÂN PHỤ

Bác sĩ TRẦN XUÂN NINH

đã mệnh chung tại Gia đình.

Chúng tôi chân thành chia buồn với Anh Ninh và nguyện cầu hương hồn bác sớm về nơi tịnh thổ.

Sâm Thương — Lê Tử Thành.

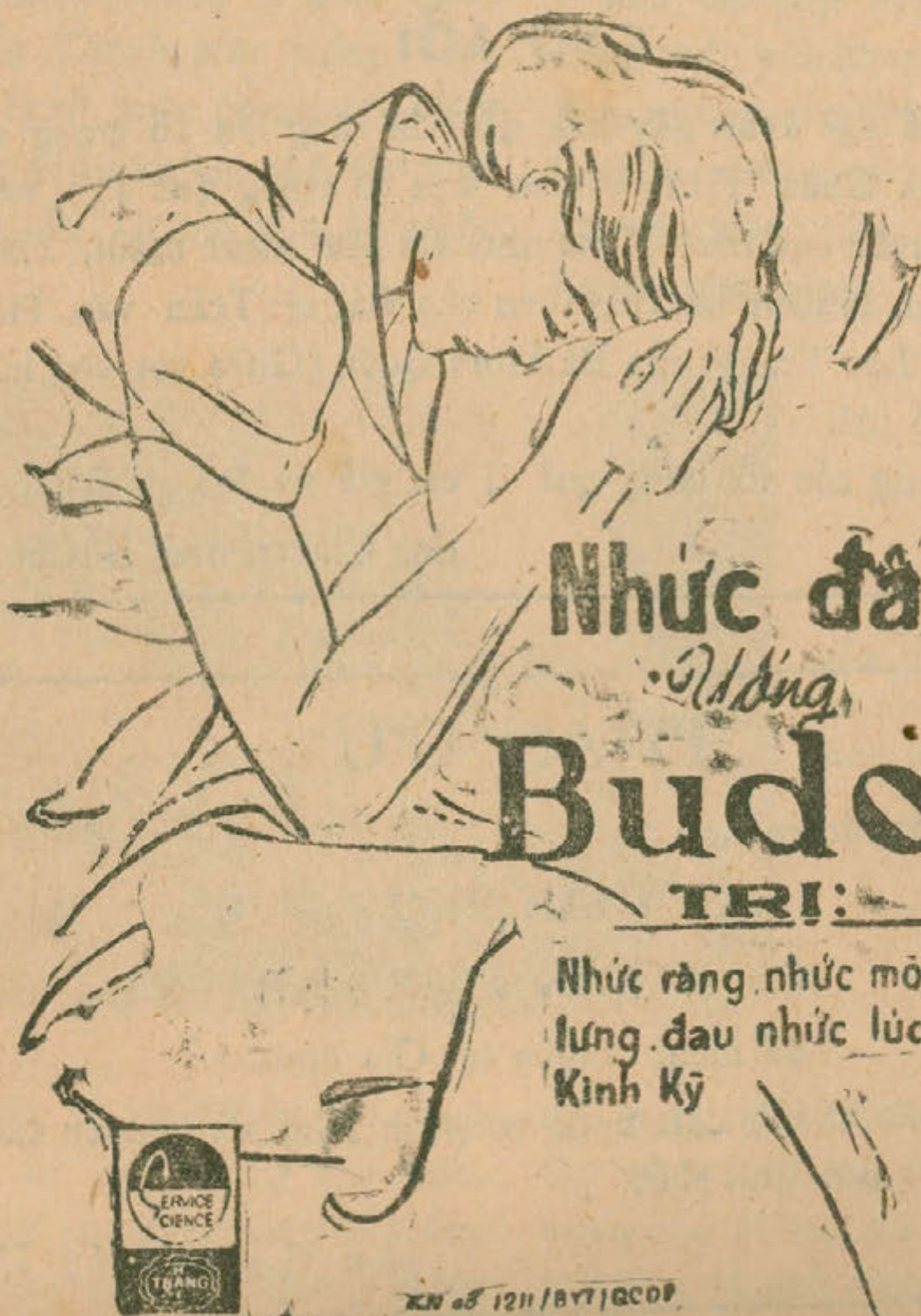


Tăng cường sinh lực bằng

# CETONIC

**VITAMINE C 250mg**

433-YTDP.Đ.



Nhức đầu

*Đông*

## Budon

**TRI:**

Nhức răng nhức môi đau  
lưng đau nhức lúc có  
Kinh Kỳ



# THỜI SỰ VĂN NGHỆ

## Mùa xuân thứ 70

Cách đây 40 năm, ngành ấn loát ở nước ta còn ở trong tình trạng thô sơ. Xem lại những sách báo xuất bản hồi ấy ta thấy ít có những cuốn đẹp lộng lẫy như ngày nay. Bìa sách in typo đến 2 màu đã cho là sang trọng nói gì đến in offset. Muốn in những hình hay tranh màu người ta thường dùng phương pháp litho nghĩa là vẽ thẳng lên mặt đá mài nhẵn thay vì lọc màu bằng máy trên kẽm như ngày nay.

Nhà in Trung Bắc Tân Văn ở phố Hàng Bông của Cụ Nguyễn-Văn-Luận là một nhà in lớn ngang hàng với nhà in IDEO của Pháp ở Hà Nội. Người điều khiển kỹ thuật nhà in này là Ông Nguyễn-Doãn-Chí, cháu Cụ Nguyễn Văn-Luận.

Ngoài việc in tờ nhật báo của nhà là tờ Trung Bắc Tân Văn, nhà in này còn in thuê cho nhiều nhật báo, tuần báo khác trong đó có tờ Đông Tây mà nhà văn Lãng-Nhân là Chủ bút. Do sự tiếp xúc hàng ngày với hầu hết nhà văn nhà báo nổi danh thời bấy giờ, Ông Nguyễn-Doãn-Chí rất được cảm tình của các bạn. Rồi cùng với một số anh em thân thiết như Ngô-Tất-Tố, Vũ-Trọng Phụng, Phùng-Bảo-Thạch, Vũ-Bằng, ông đứng ra xuất bản tờ tuần báo Trương-Lai mà ông là Chủ-nhiệm. Nhưng vì báo thuộc loại tranh đấu (song song với tờ (Lệ Travail của nhóm Khuất-Duy Tiến, Nguyễn-Văn Tiến, Trịnh-Văn-Phú) nên chỉ ra được 3, 4 số thì báo bị đóng cửa. Nhưng

cái đặc biệt của tờ Trương Lai là bố cục rất tân kỳ và in khổ ngang thay vì khổ dọc

Di cư vào Nam, Ông vẫn theo đuổi ngành ấn loát và hiện là người điều khiển kỹ thuật cho nhà in Đông Nam Á, một nhà in lớn bậc nhất nhì sau Kim-Lai của nhà văn Lãng-Nhân.

Đề mừng mùa xuân thứ 70 của mình, tuần vừa qua Ông tổ chức một bữa cơm thân mật tại nhà với sự góp mặt của một số nhà văn nhà báo. Trong dịp này thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương đã ứng khẩu 4 câu :

CHÍ ở non cao, dễ mấy người  
Tròn duyên TRUNG-BẮC, ĐÔNG-NAM tươi

Bóng câu một sớm như là tuyết  
IN cái vèo, Xuân đã Bầy mười,

Và nhà văn Lãng-Nhân, 67 tuổi, cũng tặng một bài thơ như sau:

Mừng ông Nguyễn-Doãn-Chí  
đăng thọ Thất tuần

Bác bên TRUNG - BẮC tôi ĐÔNG  
TÂY

Giấy mực chung vui ngày lại ngày  
Đâu tưởng miền Nam thành đất hứa  
Cho cùng họp mặt tiệc Xuân này.

Xuân này bác đã lên Bờ rồi  
Hoè quế đầy sân chúc thọ bồi  
Tôi vẫn trẻ con như thuở nọ  
Giật mình nghĩ đến lưỡng bồi hồi.

Bồi hồi nhớ lại buổi xanh đầu  
Mãi ngắm trời mây chẳng nghĩ sau



*Li loạn bỗng gieo bao xáo trộn  
 Tình đời ít giữ được bền lâu  
 Bền lâu kể bốn chục năm ngoài  
 Thoáng cái mà nghe bác bảy mươi  
 Mừng Bác «cổ hi» là đáng bậc  
 Rồi ba xuân nữa đến lần tôi.*

### Giải thưởng truyện dài Văn bút Việt Nam

Sau giải thưởng về «Truyện ngắn» năm vừa qua, sang năm nay (1974), Trung Tâm Văn Bút V.N. lại treo giải thưởng về «Truyện dài» với giải độc nhất 150.000đ. (hơn các năm trước 50.000đ). Tác phẩm dự thi phải là bản thảo chưa từng in về loại truyện dài, dày tối thiểu 100 trang đánh máy, dòng đôi, khổ 21×27. Đề tài tự do. Cách thức dự thi xin liên lạc với Trung Tâm Văn Bút V.N. ở 107 Đoàn thị Điểm Saigon. Bản thảo phải gửi trước ngày 31-8-1974 và kết quả sẽ công bố ngày 15-10-74 (sớm hơn mọi năm).

### Chèo cổ

Sáng chủ nhật 24-2-1974, cây bút phóng sự lão thành Tam-Lang Vũ-Đình-Chí đã nói chuyện tại Trụ sở Trung-tâm Văn-bút V.N. ở Saigon về đề tài «Nghệ thuật trào lộng và các ca điệu chèo cổ».

Không hẹn mà nên, các thính giả hâm mộ Chèo cổ đã đến họp mặt đông đảo đến nỗi không còn một ghế nào trống. Diễn giả đã nói về các định nghĩa của Chèo, các nguồn gốc của Chèo, của những ca điệu Chèo.

Ông thuật lại những kỷ niệm của ông về những ngày bỏ Hà nội về các làng quê xem hát Chèo từ thuở tóc còn xanh. Rồi sau cùng là những ca điệu chèo. Có các nghệ sĩ Chèo cổ trình diễn, không phải chỉ một vài ca khúc mà cả những màn Chèo cổ ngắn với nghệ thuật rất điêu luyện.

Các khán thính giả vỗ tay vang rền tưởng như đang được dự một buổi hát Chèo ở thôn quê ngày trước, vì người diễn không cần có sân khấu và người xem vây chặt chung quanh.

### THU-THỦY

#### Đêm ra mắt các ấn phẩm «Con Đường»

Cần Thơ.— Đêm 15-2-1974 lúc 20 giờ tại quán cà-phê Thăng Cuội (11 Pasteur Cần Thơ) họa sĩ Ngy Cao Uyên và nhóm chủ trương nhà xuất bản Con Đường đã tổ chức buổi ra mắt 7 ấn phẩm gồm các tập thơ của Cung Trầm Tưởng, Viên Linh, Thanh Nam, Ngy Cao Uyên, Bùi Đức Long, Hồng Linh và tập truyện «Một nơi nào để nhớ» của Trần Hoài Thư.

Đêm sinh hoạt văn nghệ đã được diễn ra trong bầu không khí vô cùng thân mật và ấm cúng, với sự góp mặt của quý anh Cung Trầm Tưởng, Viên Linh, Ngy Cao Uyên, Diên Nghị, Chu Tấn, Trần Hoài Thư, Lê Triều Điền (người chăm sóc nhan sắc các ấn phẩm «Con Đường»), anh em văn nghệ các tỉnh miền Tây và rất đông khách yêu thơ.

Trong phần giới thiệu những ấn phẩm «Con Đường», anh Bùi Đức



Long đã đọc những bài giới thiệu thơ Cung Trầm Tưởng, thơ Viên Linh, truyện Trần Hoài Thư... của họa-sĩ Ngy Cao Uyên và nhà văn Mai Thảo viết.

Những bài thơ trong các ấn phẩm kể trên được trình bày qua sự diễn ngâm của chính các tác giả và quý anh Nguyễn Hiền Lương, Trần Kiều Bạt, Chu Sinh...

Xen lẫn vào chương trình, Trần Vũ Dũng và Thu Dung đã hát những tình khúc của Phạm Duy và Nguyễn Tri. Ngô Bá Đản và Lê Quang Viêng độc tấu guitare. Thế theo lời yêu cầu của thân hữu, thi sĩ Diên Nghị đã phát biểu một vài cảm nghĩ và diễn ngâm một bài thơ của anh viết về châu thổ Cửu Long Giang.

HÀ THANH ghi

### Đại hội thường niên của Hội Thư-viện Việt-nam

Đại Hội-đồng Thường niên lần thứ 15 của Hội Thư viện Việt-nam đã nhóm họp vào ngày Chúa nhật 3-2-1974 vừa qua tại Thư-viện Hội Việt-Mỹ Saigon, qui tụ được khoảng 100 hội viên từ khắp nơi trên toàn quốc về đã bầu xong Ban Chấp-hành mới trong niên khóa 1974. Một khác biệt lớn so với các năm trước là Ban Chấp-hành năm nay gồm đại đa số là những người trẻ, nhiệt thành, một số đã tốt nghiệp về ngành thư-viện tại các Đại-học Hoa-kỳ và Úc-châu, với thành phần như sau :

1. Chủ-tịch : Ô. Lâm-Vinh-Thế

2. Phó Chủ-tịch :

Ô. Trần-Anh-Liễn

3. Tổng-Thư-ký :

Ô. Nguyễn-Văn-Hường

4. Phó Tổng-Thư-ký :

Ô Hoàng-Ngọc-Hữu

5. Thủ-quỹ :

Cô Phạm-Thị Lệ-Hương

6. Phó Thủ-quỹ :

Bà Nguyễn - Thị Khuê-Giung

7. Ủy-viên Kế-hoạch :

Ô. Nguyễn-Ngọc-Hoàng

8. Ủy viên Tò-chức :

Cô Phạm-Thị-Chính

9. Ủy-viên Tài-chánh :

Ô. Nguyễn-Văn-Vinh

10. Ủy-viên Xã-hội :

Cô Đặng-Thị-Thảo

11. Ủy-viên Thông-tin Liên-lạc :

Ô. Đoàn-Huy-Oánh

12. Ủy-viên Thư-viện Học-đường:

Ô. Lê-Ngọc-Oánh

13. Ủy-viên Thư-viện Đại-học, Khảo-cứu và Chuyên-môn :

Cô Nguyễn-Thị-Nga

Được biết đường lối của Tân Ban chấp-hành sẽ nhằm vào việc, quảng bá tầm quan-trọng của thư-viện đồng thời chấn-chỉnh nội bộ và phát-triển chuyên-môn. Xuyên qua thành-quả hoạt-động của Hội trong các năm trước, ta có thể tin-tưởng rằng, với một Ban Chấp-hành mới trẻ trung, đầy đủ khả-năng chuyên môn và yêu nghề, Hội Thư-viện Việt-Nam sẽ còn tiến mạnh hơn nữa.

Vài nét về Hội

Khuyến-học Đà-nẵng

Hội Khuyến-học Đà-nẵng đã có sáng kiến hợp tác với Bách-Khoa đề



thực hiện số đặc khảo về Phan-Châu Trinh. Bởi vậy cũng nhân dịp này xin giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa về Hội trên đây qua cuộc đàm thoại với Ông Tổng Thư-ký của Hội là Giáo sư Nguyễn-văn-Tường. Hội Khuyến học Đà-nẵng là một tổ chức văn hóa giáo dục và xã hội, thành lập từ năm 1953, trụ sở Hội hiện đặt tại 28B đường Độc Lập, Đà-nẵng và Hội trưởng là nhà văn Nguyễn-văn-Xuân, một cây bút rất quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa từ trên 15 năm nay.

Ngoài Ông Hội trưởng là nhà văn, Hội còn có 2 Phó Hội trưởng mà một ông cũng là nhà văn tên tuổi: Duy Lam (Nguyễn-Kim-Tuấn) và ông Nguyễn-văn-Bảy.

Tổng Thư-ký : Ô. Nguyễn-văn-Tường.

Phó Tổng thư-ký : Ông Huỳnh-ngọc-Lộc.

Thủ quỹ : Ô Lê-xuân-Hạt.

5 ủy viên là : Ô. Ô. Nguyễn-Rô, Nguyễn - thiếu-Dũng, Trần - đình - Thanh-Lam, Đỗ-Toàn, Hồ-Minh.

Ngoài Ban quản trị, Hội còn một Ban cố vấn trong có các vị như : Bác sĩ Thái-Can, Bác sĩ Trần-đình-Nam v.v.

Ông Tổng Thư-ký của Hội cho biết hiện các sinh hoạt của Hội có những chương trình :

— *Quán cơm học sinh* : nhằm giúp đỡ học sinh nghèo, chiến nạn (trước 30đ một bữa nay tăng lên 50đ vì tiền gạo và thức ăn quá cao). Số học sinh được thụ nhận gần 150 em.

— *Lớp đêm miễn phí* : một lớp cho người lớn hiếu học (lớp 12C và một lớp cho trẻ em lao động (lớp 6).

— *Chương trình phát thanh*, trên hệ thống truyền thanh Đà-nẵng, nửa giờ vào 9 giờ 15 ngày Chủ nhật mỗi tuần.

— *Chương trình diễn thuyết* mỗi tháng một lần về các đề tài văn hóa giáo dục.

— *Chương trình đố vui khuyến học* mỗi tháng một lần cho các học sinh tiểu học Đà-nẵng, Quảng-nam, Quảng-tín...

Ngoài ra còn các chương trình : tìm việc làm cho học sinh, cấp học bổng, khám bệnh miễn phí cho học sinh nghèo v.v...

Về tài chánh, Hội chỉ trông nhờ vào niên liễm của hội viên và cho thuê cơ sở, mà chương trình hoạt động lại rất nhiều như trình bày trên đây nên Hội Khuyến-học Đà-nẵng—theo ông Tổng Thư-ký—rất trông mong sự trợ giúp của các cơ quan xã-hội từ thiện trong và ngoài nước cũng như quý vị hảo tâm xa gần để Hội vượt khỏi được tình trạng khó khăn về tài chánh hiện nay.

THU THỦY



# ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

## LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

## LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được

## LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%



# HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

— THƠ Nguyễn Việt Lang, Tạ Hữu Vinh, Dương Đ., Trần Hoàng Vy, Nhất Việt Thiên, M. Sỹ Luân, Trần Ngọc Sỹ, Nguyễn Mặc Lư, Phạm Nhân Uyên, Huỳnh thị Thương Thương, Thượng Thuật, Nguyễn Mặt Trời, Huỳnh Kim Sơn, Tạ Nghi Lễ, Lê Sa, Võ văn Lê, Hồ Tà Dôn, Đoàn Hoàng Tình Yêu, Thiếu Khanh, Nguyễn Đức Nhân, Hoàng Lộc, Quan San, Trần văn Nghĩa, Châu Uyên, Phù Hư, Thanh Nhã, Vũ Hữu Định, Lê Nguyên Ngừ, Tường Lam, Nguyễn Phượng Du, Nguyễn Hoa Tử, Khánh Linh, Võ Duy Chung, Tuấn Phương Quan San, Nguyễn Quỳnh Viên, Trầm Linh, Thanh Lăng Tử, Nguyễn Đức Nhân, Trần Dza Lữ, Hoài Anh, Ngụy Tôn Phan, Lý Thiện Ngô, Đan Khê.

— TRUYỆN : Trần Hoài Thư (Bỏ lại cầu xưa), Võ Khắc Nguyên (Dấu chân hoang ở vùng thung lũng), Lê Miên Tường (Sau đó), Lê Đức Tùng (Những nấc thang), Cao Nguyên (Về miền cát trắng) Lê Châu Nhiên (Con đường đã lỡ) Lêsa (Bên này sông), Nguyễn Hoài (Hạt vọng hồn người), Phạm thị Phượng Nghi (Như mọi chiều khác), Vũ Nhạc Thu (Đề giết chết một tình yêu, Đòi khi chợt nhớ đời mình).

— BIÊN KHẢO Ngưng Bích (Tái thiết Huế, nhưng bằng cách nào đây ? !), Nguyễn Thanh Sơn (Trở lại vấn đề da đen ở Hoa-kỳ), Thụy Phong (Coelacanth, một giống cá của thời tiền-sử).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thật và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

— Ô. Hoàng-văn-Bình (Đà-lạt) Đã nhận được « Vai trò của môn quốc văn... » và sẽ đăng trên những số tới.

— Ô. Đoàn-Nhật-Tấn (Qui-nhon) Rất cảm ơn Ông đã gửi thêm cho bài về canh tân nền giáo dục Tiểu học. Chúng tôi sẽ đăng trên những số tới.

— Ô. Trần-Thái-Quang (Đà-nẵng).- Những quảng cáo trên số Tân-niên là do Ô. Nguyễn-Ngu Í — một người cộng tác với Bách-Khoa từ số đầu đến nay — thảo ra theo cách viết của ông ấy. Chúng tôi phải tôn trọng cách viết đó vì người ta có quyền quảng cáo theo cách riêng của người muốn quảng cáo chứ.

— Ô. Trương-dình-Chi (Saigon).- Chúng tôi đã nhận được thư của Ông, tiếc vì Bách-Khoa rất ít đăng những dịch phẩm, nhất là những tác phẩm dài và chỉ đăng những b i tron một kỳ mà thôi. Mong Ông thông cảm cho.

— Anh Lê-Miên-Tường (Bảo-Lộc) Đã nhận được sáng tác mới của anh. Nếu tôi đăng đúng « Lời Rao » của anh, tác dụng sẽ ngược lại ý anh muốn. Anh nên hỏi ý kiến một vài anh em khác xem có đúng thế không.